

Số: 21878 /VCB-CLTG&TKTH  
v/v phê duyệt ban hành Quy chế CBTT

Hà Nội, ngày 24 tháng 06 năm 2021

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ  
CỦA ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SGDCCK TPHCM**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước  
- Sở Giao dịch Chứng khoán TP HCM

Công ty: **NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

Mã chứng khoán: **VCB**

Địa chỉ trụ sở chính: 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: 0243 - 9343137

Fax: 0243 - 8251322

Người thực hiện công bố thông tin: Bà Phùng Nguyễn Hải Yến

Địa chỉ: 198 Trần Quang Khải, Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0243 – 9343137

Fax: 0243 - 8251322

Loại thông tin công bố  24 giờ  bất thường  theo yêu cầu  định kỳ.

**Nội dung thông tin công bố:**

Ngày 24/06/2021, Hội đồng Quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (VCB) đã ban hành Quyết định số 1019/QĐ-VCB-HĐQT về việc phê duyệt ban hành “Quy chế công bố thông tin của Ngân hàng Thương mại cổ phần Ngoại Thương Việt Nam” thay thế Quy chế công bố thông tin đã ban hành theo Quyết định số 456/QĐ-VCB.CLTGTKTH ngày 19/05/2016 của Hội đồng quản trị VCB.

Thông tin này được đăng tải lên website của Ngân hàng kể từ ngày 25/06/2021 tại đường dẫn:

<http://www.vietcombank.com.vn/Investors/Information.aspx>

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố. /

**Nơi nhận:**

- Như đề gửi;
- Cơ quan TTGSNH (để biết)
- HĐQT, TGD (để b/c);
- Các PTGD (để biết);
- Lưu B.CLTG&TKTH.

**NGƯỜI CÔNG BỐ THÔNG TIN  
PHÓ TỔNG GIÁM ĐỐC**



**Phùng Nguyễn Hải Yến**

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

-----000-----

**QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**

*(Ban hành theo Quyết định số 1019/QĐ-VCB-HĐQT ngày 24/06/2021  
của Hội đồng quản trị Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam)*

*Hà Nội, tháng 06/2021*

**PHÁP CHẾ**

## QUYẾT ĐỊNH

Ban hành Quy chế công bố thông tin của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

### HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG TMCP NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

- Căn cứ Luật Doanh nghiệp số 59/2020/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17/06/2020;
- Căn cứ Luật Chứng khoán số 54/2019/QH14 được Quốc hội nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 26/11/2019;
- Căn cứ nghị định 155/2020/NĐ-CP được Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 31/12/2021 quy định chi tiết về một số điều của Luật chứng khoán;
- Căn cứ Nghị định số 153/2020/NĐ-CP được Thủ tướng Chính phủ ban hành ngày 31/12/2021 quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế;
- Căn cứ Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16/11/2020 của Bộ Tài chính Hướng dẫn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán;
- Căn cứ Thông tư số 122/2020/TT-BTC hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.
- Căn cứ Điều lệ về tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam (VCB) được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua theo Nghị quyết số 14/TN2021/NQ-ĐHĐCĐ ngày 23/04/2021;
- Căn cứ Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng quản trị VCB ban hành kèm theo Quyết định số 669/QĐ-VCB-HĐQT ngày 23/04/2021 của Hội đồng quản trị;
- Căn cứ Nghị quyết số 338/NQ-VCB.HĐQT ngày 24/06/2021 của Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này “*Quy chế công bố thông tin của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam*”.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 24/06/2021 và thay thế Quyết định số 456/QĐ-VCB.CLTKTH ngày 19 tháng 05 năm 2016 của Hội đồng Quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam về việc ban hành Quy chế Công bố thông tin Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam.

**Điều 3.** Các ông (bà) thành viên Hội đồng quản trị, Ban điều hành, Ban Kiểm soát, Giám đốc Khối, Kế toán trưởng, Trưởng các Phòng/Ban/Trung tâm liên quan tại Trụ sở chính, Giám đốc các Chi nhánh, Giám đốc các Công ty con, công ty liên kết của Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam và các cá nhân, tổ chức có liên quan chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- UBCKNN;SGDCK HCM (để b/cáo)
- Lưu: VT, B.CLTG&TKTH.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ  
CHỦ TỊCH



Nghiêm Xuân Thành

Viet  
HỒNG

ngày \_\_\_ th

# QUY CHẾ CÔNG BỐ THÔNG TIN CỦA NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM

Ban hành kèm theo Quyết định số 1019 /QĐ-VCB-HĐQT ngày 24 tháng 06 năm 2021  
của Hội đồng quản trị Ngân hàng thương mại cổ phần Ngoại thương Việt Nam

## Chương I QUY ĐỊNH CHUNG

### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh

Quy chế Công bố thông tin của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (sau đây viết tắt là “Quy chế”) quy định việc tổ chức và công bố thông tin trên Thị trường chứng khoán của Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam (sau đây viết tắt là “Ngân hàng”).

### Điều 2. Đối tượng áp dụng

Quy chế này áp dụng đối với tất cả các đơn vị, cá nhân liên quan đến hoạt động công bố thông tin trên thị trường chứng khoán của Ngân hàng, bao gồm các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Điều hành, Ban Kiểm soát, Kế toán trưởng, các Phòng/Ban/Trung tâm tại Trụ sở chính, Chi nhánh (bao gồm Chi nhánh ở nước ngoài), Văn phòng đại diện (bao gồm Văn phòng đại diện của Ngân hàng tại nước ngoài và các Tổ chức, cá nhân có liên quan của Ngân hàng có liên quan đến hoạt động công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.

### Điều 3. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Báo cáo thường niên* là báo cáo tổng thể về tình hình quản trị ngân hàng, tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính, tổ chức và nhân sự, thông tin về cổ đông và Hội đồng Quản trị của Ngân hàng được lập theo được lập theo mẫu quy định tại Biểu mẫu 04 ban hành kèm theo Quy chế này và công bố hàng năm.

2. *Ban Điều hành*: bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc của Ngân hàng được Hội đồng quản trị bổ nhiệm/thuê.

3. *Công bố thông tin bất thường* là việc Ngân hàng công bố thông tin trong một thời hạn nhất định được xác định sau khi xảy ra các sự kiện bất thường theo quy định của pháp luật.

4. *Công bố thông tin định kỳ* là việc Ngân hàng công bố thông tin vào những thời điểm xác định trong năm theo quy định của pháp luật.

5. *Công bố thông tin theo yêu cầu* là việc Ngân hàng công bố thông tin khi có yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước hoặc của Sở Giao dịch Chứng khoán nơi Ngân hàng niêm yết, đăng ký giao dịch;

6. *Cổ đông lớn* là cổ đông sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Ngân hàng.

7. *Người nội bộ* của Ngân hàng (sau đây gọi chung là người nội bộ) là người giữ vị trí quan trọng trong bộ máy quản trị, điều hành của Ngân hàng, bao gồm Chủ tịch Hội đồng quản trị, Thành viên Hội đồng quản trị, người đại diện theo pháp luật, Tổng Giám đốc, Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng và các chức danh quản lý tương đương do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc Hội đồng quản trị bổ nhiệm; Trưởng Ban kiểm soát và Thành viên Ban kiểm soát; thư ký Ngân hàng, người phụ trách quản trị ngân hàng, người được ủy quyền công bố thông tin;

8. *Nhà đầu tư thuộc đối tượng công bố thông tin* bao gồm:

a) Người nội bộ của Ngân hàng theo quy định tại khoản 7 Điều này và người có liên quan của người nội bộ;

b) Cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Ngân hàng;

c) Cổ đông sáng lập trong thời gian bị hạn chế chuyển nhượng của Ngân hàng;

d) Nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Ngân hàng;

đ) Cổ đông, nhóm người có liên quan mua vào để sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Ngân hàng;

e) Tổ chức, cá nhân thực hiện chào mua công khai cổ phiếu của Ngân hàng.

9. *Người có liên quan* là tổ chức, cá nhân có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây:

a) Ngân hàng và Người nội bộ;

b) Ngân hàng và tổ chức, cá nhân sở hữu trên 10% số cổ phiếu có quyền biểu quyết hoặc vốn góp của Ngân hàng;

c) Tổ chức, cá nhân mà trong mối quan hệ với tổ chức, cá nhân khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi tổ chức, cá nhân đó hoặc cùng với tổ chức, cá nhân đó chịu chung một sự kiểm soát;

d) Cá nhân và bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, vợ, chồng, con đẻ, con nuôi, con dâu, con rể, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu của cá nhân đó;

e) Quan hệ hợp đồng trong đó một tổ chức, cá nhân là đại diện cho tổ chức, cá nhân kia;

g) Công ty con: là công ty thuộc một trong các trường hợp sau: (i) công ty do Ngân hàng hoặc Ngân hàng và người có liên quan của Ngân hàng sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc tổng số cổ phần phổ thông của công ty đó; (ii) Ngân hàng có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp quyết định bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng quản trị, Hội đồng

thành viên hoặc hoặc Tổng giám đốc (Giám đốc) của công ty đó; (iii) Ngân hàng có quyền sửa đổi, bổ sung Điều lệ của công ty đó; (iv) Ngân hàng và người có liên quan của Ngân hàng trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Hội đồng thành viên của công ty con;

h) Tổ chức, cá nhân khác là người có liên quan theo quy định của Luật Doanh nghiệp.

10. Ngày công bố thông tin là ngày thông tin xuất hiện trên một trong các phương tiện công bố thông tin quy định tại khoản 1 Điều 7 Quy chế này.

11. Ngày báo cáo là ngày gửi fax, gửi qua thư điện tử, ngày thông tin được tiếp nhận trên hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, phương tiện công bố thông tin của Sở giao dịch chứng khoán hoặc ngày Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nhận được văn bản báo cáo tùy theo thời điểm nào đến trước.

12. Tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp là tổ chức có trái phiếu doanh nghiệp phát hành được niêm yết trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

13. Tổ chức đăng ký giao dịch là tổ chức có cổ phiếu phát hành được đăng ký giao dịch trên hệ thống giao dịch chứng khoán.

14. Tổ chức kiểm toán được chấp thuận là tổ chức kiểm toán độc lập thuộc danh sách các tổ chức kiểm toán được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp thuận kiểm toán theo quy định của Luật Chứng khoán và pháp luật về kiểm toán độc lập.

15. Ngày thực hiện giao dịch chứng khoán được xác định như sau:

a) Là ngày đặt lệnh giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán;

b) Là ngày đăng ký thực hiện giao dịch quyền mua, đăng ký thực hiện quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu trong trường hợp thực hiện quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu;

c) Là ngày các bên đề nghị chuyển quyền sở hữu chứng khoán trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

d) Là ngày nộp phiếu tham dự đấu giá trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;

đ) Là ngày các bên đề nghị chuyển nhượng tại tổ chức phát hành trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.

16. Ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán được xác định như sau:

a) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán;

b) Là ngày kết thúc việc thanh toán giao dịch trong trường hợp giao dịch thực hiện quyền mua;



c) Là ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu theo thông báo của tổ chức phát hành;

d) Là ngày hiệu lực chuyển quyền sở hữu chứng khoán tại Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam trong trường hợp giao dịch thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;

đ) Là ngày kết thúc việc thanh toán tiền mua cổ phần theo thông báo của tổ chức thực hiện bán đấu giá cổ phần trong trường hợp thực hiện giao dịch qua phương thức đấu giá;

e) Là ngày tổ chức phát hành xác nhận hiệu lực của việc chuyển nhượng chứng khoán trong trường hợp giao dịch không thực hiện qua Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và không thực hiện qua Sở giao dịch chứng khoán.

17. *Điều lệ Ngân hàng*: là Điều lệ Tổ chức và Hoạt động của Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam

18. *Đơn vị đầu mối quản lý thông tin*: Các Đơn vị được phân công tại Phụ lục I đính kèm Quy chế này.

19. *Đơn vị công bố thông tin*: Ban Chiến lược Tuyên giáo và Thư ký tổng hợp và các Đơn vị khác theo phân công của Ban lãnh đạo (nếu có).

## Chương II QUY ĐỊNH CỤ THỂ

### Mục 1

## YÊU CẦU VỀ CÔNG BỐ THÔNG TIN

### Điều 4. Nguyên tắc công bố thông tin

1. Việc công bố thông tin phải đầy đủ, chính xác, kịp thời theo quy định pháp luật. Việc công bố các thông tin cá nhân bao gồm: Căn cước công dân, Chứng minh nhân dân, Chứng minh quân nhân, Hộ chiếu còn hiệu lực, địa chỉ liên lạc, địa chỉ thường trú, số điện thoại, số fax, thư điện tử, số tài khoản giao dịch chứng khoán, số tài khoản lưu ký chứng khoán, số tài khoản ngân hàng, mã số giao dịch của nhà đầu tư nước ngoài, tổ chức kinh tế có vốn đầu tư nước ngoài sở hữu trên 50% vốn điều lệ chỉ được thực hiện nếu cá nhân đó đồng ý.

2. Ngân hàng phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung thông tin công bố. Trường hợp có sự thay đổi nội dung thông tin đã công bố, Ngân hàng phải công bố kịp thời, đầy đủ nội dung thay đổi và lý do thay đổi so với thông tin đã công bố trước đó.

3. Ngân hàng công bố thông tin phải đồng thời báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán nơi chứng khoán đó niêm yết, đăng ký giao dịch về nội

dung thông tin công bố, bao gồm đầy đủ các thông tin theo quy định. Trường hợp thông tin công bố bao gồm các thông tin cá nhân quy định tại khoản 1 Điều này và các đối tượng công bố thông tin không đồng ý công khai các thông tin này thì phải gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán 02 bản tài liệu, trong đó 01 bản bao gồm đầy đủ thông tin cá nhân và 01 bản không bao gồm thông tin cá nhân để Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán thực hiện công khai thông tin.

4. Việc công bố thông tin của Ngân hàng phải do người đại diện theo pháp luật hoặc người được ủy quyền công bố thông tin thực hiện. Việc công bố thông tin do người thực hiện công bố thông tin thực hiện được quy định cụ thể tại Điều 6 Quy chế này.

5. Ngân hàng có trách nhiệm bảo quản, lưu giữ thông tin đã công bố, báo cáo theo quy định tại Quy chế này như sau:

a) Các thông tin công bố định kỳ, thông tin về việc đăng ký Công ty đại chúng phải được lưu giữ dưới dạng văn bản (nếu có) và dữ liệu điện tử tối thiểu 10 năm. Các thông tin này phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng tối thiểu là 05 năm;

b) Các thông tin công bố bất thường, theo yêu cầu hoặc các hoạt động khác phải được lưu giữ và truy cập được trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng tối thiểu là 05 năm.

#### **Điều 5. Ngôn ngữ công bố thông tin trên thị trường chứng khoán**

Ngôn ngữ thông tin công bố trên thị trường chứng khoán là tiếng Việt.

#### **Điều 6. Người thực hiện công bố thông tin**

1. Ngân hàng phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin thông qua 01 người đại diện theo pháp luật hoặc 01 cá nhân là người được Ngân hàng ủy quyền công bố thông tin.

a) Người đại diện theo pháp luật phải chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, chính xác và kịp thời về thông tin do người được ủy quyền công bố thông tin công bố. Trường hợp phát sinh sự kiện công bố thông tin mà tất cả người đại diện theo pháp luật và người được ủy quyền công bố thông tin đều vắng mặt thì thành viên giữ chức vụ cao nhất của Ban Điều hành có trách nhiệm thay thế thực hiện công bố thông tin. Trường hợp có hơn 01 người giữ chức vụ cao nhất, các thành viên còn lại của Ban Điều hành phải thực hiện bầu hoặc chỉ định 01 người chịu trách nhiệm công bố thông tin;

b) Ngân hàng phải báo cáo, báo cáo lại thông tin về người thực hiện công bố thông tin cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán trong thời hạn 24 giờ kể từ khi việc chỉ định, ủy quyền hoặc thay đổi người thực hiện công bố thông tin có hiệu lực. Nội dung thông tin báo cáo về người thực hiện công bố thông tin bao gồm: Giấy ủy quyền công bố thông tin theo mẫu quy định tại Biểu mẫu 01 hoặc Biểu mẫu 02, Bản cung cấp thông tin theo mẫu quy định tại Biểu mẫu 03 ban hành kèm theo Quy chế này.

2. Người được ủy quyền công bố thông tin chịu trách nhiệm về nội dung công bố thông tin, đảm bảo tính đầy đủ, chính xác, kịp thời, đúng thời hạn của thông tin được công bố theo quy định của Pháp luật về quy định này.

## **Điều 7. Phương tiện báo cáo, công bố thông tin**

1. Các phương tiện báo cáo, công bố thông tin bao gồm:

- a) Trang thông tin điện tử (website) của Ngân hàng;
- b) Hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- c) Trang thông tin điện tử của Sở giao dịch chứng khoán, phương tiện công bố thông tin khác theo Quy chế của Sở giao dịch chứng khoán;
- d) Trang thông tin điện tử của Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam;
- đ) Các phương tiện thông tin đại chúng khác theo quy định pháp luật (báo in, báo điện tử,...).

2. Ngân hàng phải lập trang thông tin điện tử theo quy định sau:

a) Ngân hàng phải lập trang thông tin điện tử khi thực hiện thủ tục đăng ký công ty đại chúng với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;

b) Ngân hàng khi lập trang thông tin điện tử phải báo cáo với Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán và công khai địa chỉ trang thông tin điện tử và mọi thay đổi liên quan đến địa chỉ này trong thời hạn 03 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất việc lập trang thông tin điện tử hoặc khi thay đổi địa chỉ trang thông tin điện tử này;

c) Trang thông tin điện tử phải có các nội dung về ngành, nghề kinh doanh và các nội dung phải thông báo công khai trên cổng thông tin quốc gia về đăng ký doanh nghiệp theo quy định của Luật Doanh nghiệp và mọi thay đổi liên quan tới các nội dung này; chuyên mục riêng về quan hệ cổ đông (nhà đầu tư), trong đó phải công bố Điều lệ Ngân hàng, Quy chế công bố thông tin, Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng (nếu có), Quy chế hoạt động Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát (nếu có), Bản cáo bạch (nếu có), các thông tin công bố định kỳ, bất thường, theo yêu cầu và các hoạt động khác quy định tại Quy chế này;

d) Trang thông tin điện tử phải hiển thị thời gian đăng tải thông tin, đồng thời phải đảm bảo nhà đầu tư có thể tìm kiếm và tiếp cận được các dữ liệu trên trang thông tin điện tử đó.

3. Ngân hàng phải thực hiện công bố thông tin, báo cáo trên các phương tiện quy định tại điểm a và điểm b khoản 1 Điều này.

4. Trường hợp nghĩa vụ công bố thông tin phát sinh vào ngày nghỉ, ngày lễ theo quy định pháp luật, Ngân hàng thực hiện công bố thông tin trên phương tiện quy định tại điểm a khoản 1 Điều này và thực hiện đầy đủ nghĩa vụ công bố thông tin theo quy định pháp luật vào ngày làm việc liền sau ngày nghỉ, ngày lễ.

5. Ngân hàng không phải gửi bản giấy để báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán trong trường hợp các tài liệu đã được thực hiện công bố trên tất cả các phương tiện báo cáo, công bố theo quy định tại khoản 3 Điều này và đảm bảo tuân thủ quy định pháp luật về văn bản điện tử.

## **Điều 8. Tạm hoãn công bố thông tin**

### **1. Tạm hoãn công bố thông tin**

a) Ngân hàng được tạm hoãn công bố thông tin trong trường hợp vì những lý do bất khả kháng như: Thiên tai, hỏa hoạn, chiến tranh, dịch bệnh và các lý do bất khả kháng khác. Ngân hàng phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán về việc tạm hoãn công bố thông tin ngay khi xảy ra sự kiện (trong đó nêu rõ lý do của việc tạm hoãn công bố thông tin), đồng thời công bố về việc tạm hoãn công bố thông tin.

b) Ngay sau khi đã khắc phục được tình trạng bất khả kháng, Ngân hàng có trách nhiệm công bố đầy đủ các thông tin mà trước đó chưa công bố theo quy định pháp luật.

## **Mục 2**

## **NỘI DUNG CÔNG BỐ THÔNG TIN**

## **Điều 9. Công bố thông tin định kỳ**

### **1. Báo cáo tài chính**

#### **1.1. Báo cáo tài chính năm**

Ngân hàng phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận theo nguyên tắc sau:

a) Báo cáo tài chính phải bao gồm đầy đủ các báo cáo, biểu mẫu, thuyết minh theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp.

Báo cáo tài chính năm bao gồm 02 báo cáo: báo cáo tài chính năm riêng lẻ của Ngân hàng và báo cáo tài chính năm hợp nhất theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp;

b) Ngân hàng phải công bố thông tin về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm cả báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính đó và văn bản giải trình của Ngân hàng trong trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính;

c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính năm

Ngân hàng phải công bố báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

#### **1.2. Báo cáo tài chính bán niên.**

Ngân hàng phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận:

a) Báo cáo tài chính bán niên phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán “ Báo cáo tài chính giữa niên độ”, trình bày số liệu tài chính trong 06

tháng đầu năm tài chính của Ngân hàng, được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 09 Quy chế này;

b) Báo cáo tài chính bán niên phải được soát xét theo Chuẩn mực về công tác soát xét báo cáo tài chính. Toàn văn báo cáo tài chính bán niên phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Ngân hàng trong trường hợp kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;

c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính bán niên

Ngân hàng phải công bố báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính

### 1.3. Báo cáo tài chính quý

Ngân hàng phải công bố báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có).

a) Báo cáo tài chính quý phải là báo cáo tài chính giữa niên độ dạng đầy đủ theo Chuẩn mực kế toán "Báo cáo tài chính giữa niên độ", được lập theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 09 Quy chế này;

b) Toàn văn báo cáo tài chính quý hoặc báo cáo tài chính quý đã được soát xét (nếu có) phải được công bố đầy đủ, kèm theo kết luận soát xét và văn bản giải trình của Ngân hàng trong trường hợp báo cáo tài chính quý được soát xét có kết luận soát xét không phải là kết luận chấp nhận toàn phần;

c) Thời hạn công bố báo cáo tài chính quý

Ngân hàng phải công bố báo cáo tài chính quý trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý và công bố báo cáo tài chính quý được soát xét (nếu có) trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng không được vượt quá 45 ngày, kể từ ngày kết thúc quý.

Trường hợp Ngân hàng đã thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý đã được soát xét trong thời hạn quy định của Báo cáo tài chính quý thì không phải thực hiện công bố Báo cáo tài chính quý.

1.4. Khi công bố thông tin các báo cáo tài chính nêu tại khoản 1.1, 1.2 và 1.3 Điều này, Ngân hàng phải đồng thời giải trình nguyên nhân khi xảy ra một trong các trường hợp sau:

a) Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp tại báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ báo cáo thay đổi từ 10% trở lên so với báo cáo cùng kỳ năm trước;

b) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo bị lỗ, chuyển từ lãi ở báo cáo cùng kỳ năm trước sang lỗ ở kỳ này hoặc ngược lại;

c) Lợi nhuận sau thuế trong kỳ báo cáo có sự chênh lệch trước và sau kiểm toán hoặc soát xét từ 5% trở lên, chuyển từ lỗ sang lãi hoặc ngược lại.

1.5. Ngân hàng phải giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 1.4 Điều này trên cơ sở báo cáo tài chính của Ngân hàng hoặc báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo tài chính hợp nhất.

## 2. Báo cáo thường niên

Ngân hàng phải lập báo cáo thường niên theo mẫu quy định tại Biểu mẫu 04 ban hành kèm theo Quy chế này và công bố báo cáo này trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.

Thông tin tài chính trong báo cáo thường niên phải phù hợp với báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán.

## 3. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông thường niên

a) Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ Ngân hàng không quy định thời hạn dài hơn, Ngân hàng phải công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng và của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (trường hợp là tổ chức niêm yết, tổ chức đăng ký giao dịch) về việc họp Đại hội đồng cổ đông, trong đó nêu rõ đường dẫn đến toàn bộ tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông, bao gồm: thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);

b) Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết phải được công bố theo thời hạn quy định tại điểm c khoản 1 Điều 10 Quy chế này.

## 4. Báo cáo tình hình quản trị Ngân hàng

Ngân hàng phải công bố thông tin về báo cáo tình hình quản trị Ngân hàng theo mẫu quy định tại Biểu mẫu 05 ban hành kèm theo Quy chế này trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm Dương lịch.

## Điều 10. Công bố thông tin bất thường

1. Ngân hàng phải công bố thông tin bất thường trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Tài khoản của Ngân hàng tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;

b) Khi nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi Ngân hàng có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động;

c) Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, Ngân hàng phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn;

d) Quyết định mua lại cổ phiếu của Ngân hàng hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán;

đ) Quyết định về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu;

e) Quyết định về việc tổ chức lại Ngân hàng (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản Ngân hàng; thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Ngân hàng, con dấu của Ngân hàng; thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện; ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của Ngân hàng;

g) Quyết định thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký;

h) Quyết định tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết;

j) Quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa Ngân hàng với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của Ngân hàng;

k) Khi có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết. Thời điểm công bố thông tin thực hiện như sau:

Trường hợp Ngân hàng phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu, tính từ thời điểm Ngân hàng báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;

Trường hợp Ngân hàng mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, tính từ thời điểm Ngân hàng báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ;

Trường hợp Ngân hàng mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của Ngân hàng hoặc mua lại cổ phiếu lô lẻ theo yêu cầu của

cổ đông, Ngân hàng công bố thông tin trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin;

l) Ngân hàng thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (Ngân hàng cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Ngân hàng. Đồng thời, Ngân hàng gửi cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán Bản cung cấp thông tin của người nội bộ mới theo mẫu quy định tại Biểu mẫu 03 ban hành kèm theo Quy chế này;

m) Quyết định mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của Ngân hàng căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính hợp nhất 06 tháng gần nhất được soát xét.

n) Khi nhận được quyết định khởi tố đối với Ngân hàng, người nội bộ của Ngân hàng; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của Ngân hàng;

o) Khi nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Tòa án liên quan đến hoạt động của Ngân hàng; Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế;

p) Ngân hàng nhận được thông báo của Tòa án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp;

q) Trường hợp Ngân hàng nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính Ngân hàng, Ngân hàng phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó;

r) Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động sản xuất, kinh doanh hoặc tình hình quản trị của Ngân hàng;

s) Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài.

u) Quyết định tăng, giảm vốn điều lệ;

v) Quyết định góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của Ngân hàng tại báo cáo tài chính hợp nhất năm gần nhất được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính bán niên hợp nhất gần nhất được soát xét;

x) Quyết định góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).

2. Khi công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này, Ngân hàng phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân và các giải pháp khắc phục (nếu có).

3. Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản

a) Việc công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường thực hiện theo quy định tại khoản 3 Điều 9 Quy chế này;

b) Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều lệ Ngân hàng không quy định thời hạn khác



dài hơn, Ngân hàng phải công bố trên trang thông tin điện tử của mình, đồng thời gửi cho tất cả các cổ đông phiếu lấy ý kiến, dự thảo nghị quyết Đại hội đồng cổ đông và các tài liệu giải trình dự thảo nghị quyết.

4. Công bố thông tin liên quan đến ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu

a) Ngân hàng công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;

b) Ngân hàng công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.

5. Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, Ngân hàng phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 quy chế này.

6. Công bố thông tin trong các trường hợp đặc biệt khác

Sau khi thay đổi kỳ kế toán, Ngân hàng công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.

### **Điều 11. Công bố thông tin theo yêu cầu**

1. Trong các trường hợp sau đây, Ngân hàng phải công bố thông tin trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi Ngân hàng niêm yết, đăng ký giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây:

a) Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư;

b) Có thông tin liên quan đến Ngân hàng ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó.

2. Nội dung thông tin công bố theo yêu cầu phải nêu rõ sự kiện được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán yêu cầu công bố; nguyên nhân và đánh giá của Ngân hàng về tính xác thực của sự kiện đó, giải pháp khắc phục (nếu có).

### **Điều 12. Công bố thông tin về các hoạt động khác của Ngân hàng**

1. Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.

Ngân hàng thực hiện chào bán chứng khoán riêng lẻ, chào bán chứng khoán ra công chúng, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử

dụng vốn theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.

## 2. Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài

Ngân hàng phải công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa của mình và các thay đổi liên quan đến tỷ lệ sở hữu này trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng, Sở giao dịch chứng khoán, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam và hệ thống công bố thông tin của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

## 3. Công bố thông tin về giao dịch mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ

Trường hợp Ngân hàng mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ, Ngân hàng phải thực hiện công bố thông tin theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.

Trường hợp Ngân hàng mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì Ngân hàng phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết và công bố thông tin trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.

## **Điều 13. Công bố thông tin về việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng**

1. Ngân hàng phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng thực hiện công bố thông tin về việc chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng theo quy định pháp luật về chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng.

2. Ngân hàng phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin các nội dung sau:

a) Công bố thông tin định kỳ về báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận, báo cáo thường niên và Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu theo quy định tại khoản 1,2 và 3 Điều 9 Quy chế này;

b) Đối với trường hợp huy động vốn để thực hiện các dự án đầu tư, Ngân hàng phải công bố thông tin định kỳ về báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được kiểm toán, báo cáo tiến độ sử dụng vốn kể từ khi kết thúc đợt chào bán trái phiếu ra công chúng cho đến khi hoàn tất thanh toán trái phiếu hoặc giải ngân hết số tiền đã huy động tùy theo thời điểm nào đến trước, cụ thể như sau:

Ngân hàng phải thuyết minh chi tiết việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong báo cáo tài chính năm được kiểm toán xác nhận hoặc công bố đồng thời báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được kiểm toán xác nhận cùng báo cáo tài chính năm được kiểm toán và báo cáo tại Đại hội đồng cổ đông thường niên hoặc Hội đồng quản trị thường niên;

Định kỳ 06 tháng, Ngân hàng phải công bố thông tin về tiến độ sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày kết thúc kỳ báo cáo;

c) Ngân hàng phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng phải công bố thông tin về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu theo mẫu quy định tại Biểu mẫu 06 ban hành kèm theo Quy chế này trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch;

d) Công bố thông tin bất thường khi xảy ra một trong các sự kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Quy chế này và phải nêu rõ sự kiện xảy ra, nguyên nhân, giải pháp khắc phục (nếu có);

đ) Trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi không bắt buộc, Ngân hàng phải gửi thư thông báo tới từng trái chủ và thực hiện công bố thông tin về thời gian, tỷ lệ, giá, địa điểm đăng ký chuyển đổi tối thiểu 01 tháng trước ngày chuyển đổi trái phiếu;

e) Công bố thông tin theo yêu cầu quy định tại Điều 11 Quy chế này.

#### **Điều 14. Công bố thông tin về việc niêm yết trái phiếu doanh nghiệp**

Ngân hàng khi niêm yết trái phiếu doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin theo quy định tại các Điều 9,10,11 và 12 Quy chế này.

#### **Điều 15. Công bố thông tin về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước**

1. Công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu

a) Ngân hàng thực hiện công bố thông tin trước đợt chào bán theo quy định tại Điều 18 và Điều 19 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP.

b) Nội dung công bố thông tin trước đợt chào bán theo mẫu tại Biểu mẫu 07 ban hành kèm theo Quy chế này.

c) Hình thức công bố thông tin theo quy định tại điểm a.i, điểm a.ii và điểm b, khoản 5 Điều 15 Quy chế này.

2. Công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu và công bố thông tin định kỳ

a) Ngân hàng thực hiện công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu theo quy định tại Điều 18, Điều 20 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP. Nội dung công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu tại thị trường trong nước theo mẫu tại Biểu mẫu 08 ban hành kèm theo Quy chế này.

b) Ngân hàng thực hiện công bố thông tin định kỳ 6 tháng và hàng năm theo quy định tại Điều 18 và Điều 21 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP và theo mẫu tại Biểu mẫu 09 ban hành kèm theo Quy chế này.

c) Hình thức công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu và công bố thông tin định kỳ thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 15 Quy chế này

3. Công bố thông tin bất thường của Ngân hàng

Ngân hàng thực hiện công bố thông tin bất thường theo quy định tại Điều 18, Điều

22 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP.

4. Công bố thông tin về trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền, mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu

a) Ngân hàng thực hiện công bố thông tin về việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền của chứng quyền theo quy định tại Điều 18 và khoản 1 Điều 23 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP. Nội dung công bố thông tin theo mẫu tại Biểu mẫu 10 ban hành kèm theo Quy chế này.

b) Ngân hàng thực hiện công bố thông tin về việc mua lại trước hạn, hoán đổi trái phiếu theo quy định tại khoản 2 Điều 23 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP. Nội dung công bố thông tin theo mẫu tại Biểu mẫu 10 ban hành kèm theo Quy chế này.

c) Hình thức công bố thông tin

- Đối với công bố thông tin trước đợt mua lại trái phiếu trước hạn và trước đợt hoán đổi trái phiếu: hình thức công bố thông tin thực hiện theo quy định tại điểm a, khoản 5 Điều 15 Quy chế này.

- Đối với công bố thông tin về việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền của chứng quyền, kết quả mua lại trái phiếu trước hạn và kết quả hoán đổi trái phiếu: hình thức công bố thông tin thực hiện theo quy định tại khoản 5 - Điều 15 Quy chế này.

5. Hình thức công bố thông tin của Ngân hàng

a) Ngân hàng phát hành trái phiếu công bố thông tin cho nhà đầu tư mua trái phiếu theo các hình thức sau:

i. Văn bản giấy;

ii. Văn bản điện tử;

iii. Đăng tải trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng;

iv. Đăng tải trên Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp tại Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo quy định tại Điều 32 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP.

b) Ngân hàng gửi nội dung công bố thông tin cho Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội theo hình thức văn bản điện tử qua Chuyên trang thông tin về trái phiếu doanh nghiệp của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

**Điều 16. Công bố thông tin của Ngân hàng khi phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế**

1. Công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu

a) Ngân hàng thực hiện công bố thông tin trước đợt chào bán theo quy định tại Điều 18, Điều 29 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP. Nội dung công bố thông tin theo mẫu tại Biểu mẫu 07 ban hành kèm theo Quy chế này.

b) Hình thức công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 5 Điều 15 Quy chế này.

2. Công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu

a) Ngân hàng thực hiện công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu theo quy định tại Điều 18 và Điều 30 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP. Nội dung công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế theo mẫu tại Biểu mẫu 08 ban hành kèm theo Quy chế này.

b) Hình thức công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 5 Điều 15 Quy chế này.

### 3. Công bố thông tin định kỳ

a) Ngân hàng thực hiện công bố thông tin định kỳ theo quy định tại Điều 18 và Điều 31 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP và bao gồm các nội dung sau:

- Nội dung công bố thông tin định kỳ theo mẫu tại Biểu mẫu 09 ban hành kèm theo Quy chế này;
- Nội dung công bố thông tin việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền của chứng quyền, kết quả mua lại trái phiếu trước hạn và kết quả hoán đổi trái phiếu trong kỳ (nếu có) theo mẫu tại Biểu mẫu 10 ban hành kèm theo Quy chế này.

b) Hình thức công bố thông tin định kỳ thực hiện theo quy định tại điểm b, khoản 5, Điều 15 Quy chế này.

**Điều 17. Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Ngân hàng; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết.**

1. Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của Ngân hàng phải công bố thông tin và báo cáo về giao dịch cho Ngân hàng, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) theo mẫu quy định tại Biểu mẫu 11 ban hành kèm theo Quy chế này trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn.

2. Cổ đông lớn của Ngân hàng khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết phải công bố thông tin và báo cáo cho Ngân hàng, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước và Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch) trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi trên theo mẫu quy định tại Biểu mẫu 12 ban hành kèm theo Quy chế này.

3. Thời điểm bắt đầu, kết thúc việc trở thành cổ đông lớn hoặc thời điểm thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu qua các ngưỡng 1% nêu tại khoản 1 và khoản 2 Điều này được tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán theo quy định tại khoản 16 Điều 3 Quy chế này.

4. Quy định tại khoản 1, 2 và 3 Điều này cũng áp dụng đối với nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Ngân hàng; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của Ngân hàng thực hiện công bố thông tin theo mẫu quy định tại Biểu mẫu 13 và Biểu mẫu 14 ban hành kèm theo Quy chế này căn cứ trên tổng số lượng cổ phiếu mà

nhóm nhà đầu tư nước ngoài đó nắm giữ.

5. Quy định tại khoản 1, 2, 3 và 4 Điều này không áp dụng đối với các đối tượng không chủ động thực hiện giao dịch trong trường hợp thay đổi tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu có quyền biểu quyết phát sinh do Ngân hàng mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc Ngân hàng phát hành thêm cổ phiếu

6. Ngân hàng phải công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu của các đối tượng được quy định tại Điều này.

#### **Điều 18. Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ**

1. Người nội bộ và người có liên quan của các đối tượng này (sau đây gọi chung là người có liên quan) phải công bố thông tin, báo cáo trước và sau khi thực hiện giao dịch cho Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán (đối với cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch, chứng chỉ quỹ đại chúng niêm yết), Ngân hàng khi giá trị giao dịch dự kiến trong ngày từ 50 triệu đồng trở lên hoặc giá trị giao dịch dự kiến trong từng tháng từ 200 triệu đồng trở lên tính theo mệnh giá (đối với cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ) hoặc theo giá phát hành gần nhất (đối với chứng quyền có bảo đảm) hoặc giá trị chuyển nhượng (đối với quyền mua cổ phiếu, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, quyền mua chứng chỉ quỹ), kể cả trường hợp chuyển nhượng không thông qua hệ thống giao dịch tại Sở giao dịch chứng khoán (như các giao dịch cho hoặc được cho, tặng hoặc được tặng, thừa kế, chuyển nhượng hoặc nhận chuyển nhượng chứng khoán và các trường hợp khác), cụ thể như sau:

a) Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch theo mẫu quy định tại Biểu mẫu 15 hoặc Biểu mẫu 16 ban hành kèm theo Quy chế này;

b) Thời hạn thực hiện giao dịch không được quá 30 ngày, kể từ ngày đăng ký thực hiện giao dịch. Người nội bộ và người có liên quan phải thực hiện theo thời gian, khối lượng, giá trị do Sở giao dịch chứng khoán đã công bố thông tin và chỉ được thực hiện giao dịch đầu tiên vào ngày giao dịch liền sau ngày có thông tin công bố từ Sở giao dịch chứng khoán;

c) Trường hợp thực hiện giao dịch mua trong các đợt phát hành cổ phiếu, chứng chỉ quỹ hoặc giao dịch chào mua công khai, đối tượng phải công bố thông tin theo quy định tại Điều này được miễn trừ nghĩa vụ quy định tại điểm b khoản này và thực hiện theo quy định pháp luật về hoạt động chào bán, phát hành, chào mua công khai;

d) Người nội bộ và người có liên quan không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán cổ phiếu, quyền mua cổ phiếu, trái phiếu chuyển đổi, quyền mua trái phiếu chuyển đổi, chứng chỉ quỹ, quyền mua chứng chỉ quỹ hoặc chứng quyền có bảo đảm trong cùng một đợt đăng ký, giao dịch và chỉ được đăng ký, thực hiện giao dịch tiếp theo khi đã báo cáo kết thúc đợt giao dịch trước đó; ngoại trừ trường hợp công ty quản lý quỹ, chi nhánh công ty quản lý quỹ nước ngoài tại Việt Nam là người có liên quan của người nội

bộ thực hiện đăng ký, giao dịch mua và bán chứng khoán cho các quỹ ETF hoặc đầu tư theo chỉ định của khách hàng ủy thác tuy nhiên phải đảm bảo từng khách hàng ủy thác không được đồng thời đăng ký, giao dịch mua và bán trong cùng một đợt đăng ký;

đ) Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch, người nội bộ và người có liên quan phải công bố thông tin về kết quả giao dịch đồng thời giải trình nguyên nhân không thực hiện được giao dịch hoặc không thực hiện hết khối lượng đăng ký (nếu có) theo mẫu quy định tại Biểu mẫu 17 hoặc Biểu mẫu 18 ban hành kèm theo Quy chế này;

e) Người nội bộ và người có liên quan là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 17 Quy chế này thì chỉ phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

2. Người nội bộ và người có liên quan không thuộc đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này đồng thời là đối tượng phải thực hiện báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 17 Quy chế này thì phải thực hiện nghĩa vụ báo cáo, công bố thông tin theo quy định tại Điều 17 Quy chế này.

3. Quy định về nghĩa vụ công bố thông tin tại điểm a, b và d khoản 1 Điều này không áp dụng đối với trường hợp công ty chứng khoán bán giải chấp cổ phiếu của khách hàng là người nội bộ của Ngân hàng hoặc người có liên quan của Ngân hàng.

4. Trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký giao dịch không còn là người nội bộ của Ngân hàng hoặc người có liên quan của Ngân hàng, đối tượng đăng ký giao dịch vẫn phải thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin theo quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Trường hợp công ty chứng khoán là người có liên quan của người nội bộ của Ngân hàng khi thực hiện sửa lỗi giao dịch cổ phiếu niêm yết, đăng ký giao dịch hoặc chứng chỉ quỹ niêm yết, Ngân hàng phải báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán, Ngân hàng hoặc công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán trong thời hạn 24 giờ, kể từ thời điểm hoàn thành giao dịch sửa lỗi.

6. Trường hợp các tổ chức chính trị, tổ chức chính trị - xã hội (công đoàn, đoàn thanh niên,...), cá nhân giữ chức danh quản lý khác theo quy định tại Điều lệ Ngân hàng thực hiện giao dịch chứng khoán của Ngân hàng phải thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin áp dụng đối với người nội bộ và người có liên quan.

7. Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được các báo cáo liên quan đến giao dịch chứng khoán của người nội bộ và người có liên quan theo quy định tại Điều này, Ngân hàng phải công bố trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng.

### **Điều 19. Công bố thông tin về giao dịch chào mua công khai**

Khi được chào mua công khai, Ngân hàng phải thực hiện công bố thông tin theo quy định tại Luật chứng khoán và Nghị định 155/2020/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật chứng khoán về chào mua công khai.

## **Mục 3**

### **TRÁCH NHIỆM CÁC ĐƠN VỊ**

#### **Điều 20. Trách nhiệm của Đơn vị công bố thông tin**

1. Ban CLTG-TKTH là đơn vị tổng hợp thông tin, giúp việc cho Chủ tịch HĐQT và người được ủy quyền công bố thông tin, có trách nhiệm tập hợp tất cả các thông tin công bố từ các Đơn vị thuộc VCB và các yêu cầu từ các cơ quan quản lý; Thực hiện kiểm tra nội dung thông tin, đối chiếu với các quy định về công bố thông tin, soạn thảo các văn bản công bố thông tin, chuyển cho người thực hiện công bố thông tin xem xét, phê duyệt và công bố thông tin kịp thời tới cơ quan quản lý.

2. Đối với các báo cáo định kỳ không chỉ phục vụ riêng cho mục đích công bố thông tin theo quy định của UBCKNN: (i) Báo cáo tài chính bao gồm BCTC năm, BCTC bán niên, BCTC quý, Đơn vị đầu mỗi quản lý thông tin, chủ động và có trách nhiệm thực hiện công bố thông tin như Đơn vị công bố thông tin (*Chi tiết theo Phụ lục I Quy chế này*); (ii) Các nội dung/báo cáo khác, các Đơn vị thực hiện theo phân công của Ban lãnh đạo về trách nhiệm đầu mỗi CBTT (nếu có).

#### **Điều 21. Trách nhiệm của Đơn vị đầu mỗi quản lý thông tin**

1. Chuẩn bị các nội dung thông tin cần công bố theo đúng mẫu biểu quy định của UBCK, HOSE và HNX (nếu có) (*Chi tiết đầu mỗi cung cấp, thời gian cung cấp và các yêu cầu khác quy định cụ thể tại Phụ lục I Quy chế này*).

2. Gửi các nội dung thông tin cho Đơn vị công bố thông tin đúng thời hạn quy định (*Chi tiết đầu mỗi cung cấp, thời gian cung cấp và các yêu cầu khác quy định cụ thể tại Phụ lục I Quy chế này*).

3. Các cá nhân và Trưởng/Giám đốc các đơn vị đầu mỗi quản lý thông tin chịu trách nhiệm về tính chính xác, kịp thời, đầy đủ của các thông tin được công bố, tuân thủ theo phạm vi phân công quản lý và các quy định hiện hành.

4. Với những thông tin bất thường liên quan đến nhiều đơn vị phối hợp cung cấp, đơn vị đầu mỗi quản lý thông tin chủ động yêu cầu các đơn vị liên quan cung cấp thông tin. Việc chậm trễ trong công tác công bố thông tin phát sinh do đơn vị liên quan nào thì đơn vị đó phải chịu trách nhiệm với những ảnh hưởng xảy ra nếu có đối với Ngân hàng.

#### **Điều 22. Trách nhiệm của các Đơn vị, cá nhân liên quan trong Ngân hàng**

1. Phối hợp với các đơn vị công bố thông tin và đầu mỗi quản lý thông tin; cung



cấp các thông tin định kỳ, đột xuất, thông tin khác cho Người thực hiện công bố thông tin khi được yêu cầu.

2. Các đơn vị, cá nhân có liên quan lập báo cáo, giải trình lý do và nội dung với Người thực hiện công bố thông tin trong trường hợp cần sửa đổi nội dung thông tin đã được công bố.

### Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

#### Điều 22. Sửa đổi bổ sung

1. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Hội đồng quản trị xem xét, quyết định.
2. Trong trường hợp có những quy định của pháp luật có liên quan đến hoạt động công bố thông tin của Ngân hàng chưa được đề cập trong Quy chế này hoặc trong trường hợp có những quy định mới của Pháp luật khác với những điều khoản trong Quy chế này thì những quy định của Pháp luật đó đương nhiên được áp dụng và sẽ điều chỉnh hoạt động công bố thông tin của Ngân hàng.



Nghiêm Xuân Thành

PHÒ  
Ngày

**PHỤ LỤC I: TÓM TẮT CÁC NỘI DUNG CẦN CÔNG BỐ THÔNG TIN VÀ  
PHÂN CÔNG ĐƠN VỊ ĐẦU MỖI QUẢN LÝ THÔNG TIN ĐỀ CÔNG BỐ**

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn Đơn vị đầu mỗi quản lý thông tin cung cấp	Đơn vị quản lý thông tin	Quy chuẩn quy chế CBTT VCB
<b>I. Công bố thông tin định kỳ</b>					
1	Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 90 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	Trong thời hạn 09 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không vượt quá 89 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính	P.CSTCKT* <sup>1</sup>	Điều 9
2	Báo cáo tài chính bán niên đã được soát xét bởi tổ chức kiểm toán được chấp thuận	Trong thời hạn 05 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 60 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	Trong thời hạn 04 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo soát xét nhưng tối đa không quá 59 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính.	P.CSTCKT*	Điều 9
3	Báo cáo tài chính quý riêng lẻ	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý	Trong thời hạn 29 ngày, kể từ ngày kết thúc quý	P.CSTCKT*	Điều 9
4	Báo cáo tài chính quý hợp nhất	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc quý	Trong thời hạn 29 ngày, kể từ ngày kết thúc quý	P.CSTCKT*	Điều 9
5	Giải trình nguyên nhân phát sinh các sự kiện quy định tại khoản 4 Điều này trên cơ sở báo cáo tài chính của công ty mẹ hoặc báo cáo tài chính tổng hợp và báo cáo tài chính hợp nhất			P.CSTCKT*	Điều 9

<sup>1</sup> P.CSTCKT\*: Đồng thời là Đơn vị công bố thông tin

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn Đơn vị đầu mỗi quản lý thông tin cung cấp	Đơn vị quản lý thông tin	Quy chiếu quy chế CBTT VCB
6	Báo cáo thường niên	Trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 110 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	Trong thời hạn 19 ngày kể từ ngày công bố báo cáo tài chính năm được kiểm toán nhưng không vượt quá 109 ngày, kể từ ngày kết thúc năm tài chính.	P.QHCC	Điều 9
7	Báo cáo tình hình quản trị	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.	Trong thời hạn 29 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch.	B.CLTG&TKTH	Điều 9
8	Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông thường niên (bao gồm): - Thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ Ngân hàng không quy định thời hạn dài hơn	Tối thiểu 22 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ Ngân hàng không quy định thời hạn dài hơn	B.CLTG&TKTH	Điều 9
9	Biên bản họp, nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên/bất thường và tài liệu kèm theo trong biên bản, nghị quyết	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 10 giờ, kể từ khi xảy ra sự kiện	B.CLTG&TKTH	Điều 9
<b>II. Công bố thông tin bất thường</b>					
1	Tài khoản của Ngân hàng tại ngân hàng, chi nhánh ngân hàng nước ngoài bị phong tỏa theo yêu cầu của cơ quan có thẩm quyền hoặc khi tổ chức cung ứng dịch vụ thanh toán phát hiện có dấu hiệu gian lận, vi phạm pháp luật liên quan đến tài khoản thanh toán; tài	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 10 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Ban ĐCTC	Điều 10

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn Đơn vị đầu mỗi quản lý thông tin cung cấp	Đơn vị quản lý thông tin	Quy chiếu quy chế CBTT VCB
	khoản được phép hoạt động trở lại sau khi bị phong tỏa trong các trường hợp quy định tại điểm này;				
2	Khi VCB nhận được văn bản của cơ quan nhà nước có thẩm quyền hoặc khi VCB có quyết định về tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh; Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp; thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp; sửa đổi, bổ sung hoặc bị đình chỉ, thu hồi Giấy phép thành lập và hoạt động hoặc Giấy phép hoạt động	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 10 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	P.QLRRHĐ (p/h P.KTōNB, Ban KTrNB, P.QLRRHĐ, P.GS&KTHĐ và các phòng ban khác liên quan)	Điều 10
3	Thông qua quyết định của Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tài liệu công bố bao gồm: Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, biên bản họp và tài liệu kèm theo biên bản, nghị quyết hoặc biên bản kiểm phiếu (trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản). Trường hợp Đại hội đồng cổ đông thông qua việc hủy niêm yết, VCB phải công bố thông tin về việc hủy niêm yết kèm theo tỷ lệ thông qua của cổ đông không phải là cổ đông lớn	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 10 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	B.CLTG&TKTH	Điều 10
4	Quyết định mua lại cổ phiếu của VCB hoặc bán cổ phiếu quỹ; ngày thực hiện quyền mua cổ phần của người sở hữu trái phiếu kèm theo quyền mua cổ phần hoặc ngày	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 10 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	B.CLTG&TKTH	Điều 10

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn Đơn vị đầu mỗi quản lý thông tin cung cấp	Đơn vị quản lý thông tin	Quy chiếu quy chế CBTT VCB
	thực hiện chuyển đổi trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu; quyết định chào bán chứng khoán ra nước ngoài và các quyết định liên quan đến việc chào bán, phát hành chứng khoán.				
5	Quyết định/Nghị quyết về mức cổ tức, hình thức trả cổ tức, thời gian trả cổ tức; quyết định tách, gộp cổ phiếu.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 10 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	B.CLTG&TKTH	Điều 10
6	Quyết định/Nghị quyết về việc tổ chức lại Ngân hàng (chia, tách, hợp nhất, sáp nhập, chuyển đổi loại hình doanh nghiệp), giải thể, phá sản doanh nghiệp.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 10 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	B.CLTG&TKTH	Điều 10
7	Quyết định/Nghị quyết về việc thay đổi mã số thuế, thay đổi tên Ngân hàng, con dấu của VCB	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 10 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Quyết định/Nghị quyết về việc - Thay đổi mã số thuế, tên Ngân hàng: Ban CLTG&TKTH - Thay đổi con dấu: Văn phòng	Điều 10
8	Quyết định/Nghị quyết về việc thay đổi địa điểm; thành lập mới hoặc đóng cửa trụ sở chính, chi nhánh, văn phòng đại diện;	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 10 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	B.TCNS	Điều 10
9	Quyết định/Nghị quyết về việc ban hành, sửa đổi, bổ sung Điều lệ; chiến lược, kế hoạch phát triển trung hạn và kế hoạch kinh doanh hằng năm của VCB	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 10 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	B.CLTG&TKTH	Điều 10

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn Đơn vị đầu mỗi quản lý thông tin cung cấp	Đơn vị quản lý thông tin	Quy chiếu quy chế CBTT VCB
10	Quyết định/Nghị quyết thay đổi kỳ kế toán, chính sách kế toán áp dụng (trừ trường hợp thay đổi chính sách kế toán áp dụng do thay đổi quy định pháp luật); thông báo doanh nghiệp kiểm toán đã ký hợp đồng kiểm toán báo cáo tài chính năm hoặc thay đổi doanh nghiệp kiểm toán (sau khi đã ký hợp đồng); việc hủy hợp đồng kiểm toán đã ký.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 10 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	P.CSTCKT	Điều 10
11	Quyết định/Nghị quyết tham gia góp vốn thành lập, mua để tăng sở hữu trong một công ty dẫn đến công ty đó trở thành công ty con, công ty liên kết hoặc bán để giảm tỷ lệ sở hữu tại công ty con, công ty liên kết dẫn đến công ty đó không còn là công ty con, công ty liên kết hoặc giải thể công ty con, công ty liên kết	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 10 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	P.TCKT	Điều 10
12	Quyết định/Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị thông qua hợp đồng, giao dịch giữa VCB với người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ hoặc người có liên quan của VCB	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 10 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng Ban chuyên môn đầu mỗi trình HĐQT để thực hiện giao dịch	Điều 10
13	Có sự thay đổi số cổ phiếu có quyền biểu quyết			B.CLTG&TKTH	Điều 10

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn Đơn vị đầu mỗi quản lý thông tin cung cấp	Đơn vị quản lý thông tin	Quy chiếu quy chế CBTT VCB
13.1	- Trường hợp VCB phát hành thêm cổ phiếu hoặc chuyển đổi trái phiếu, cổ phiếu ưu đãi thành cổ phiếu.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm VCB báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;	Trong thời hạn 10 giờ kể từ thời điểm VCB báo cáo Ủy ban Chứng khoán Nhà nước về kết quả phát hành, kết quả chuyển đổi theo quy định pháp luật về phát hành chứng khoán;	B.CLTG&TKTH	Điều 10
13.2	- Trường hợp VCB mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ.	Trong thời hạn 24 giờ kể từ thời điểm VCB báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.	Trong thời hạn 10 giờ kể từ thời điểm VCB báo cáo kết quả giao dịch theo quy định pháp luật về mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.	B.CLTG&TKTH	Điều 10
13.3	- Trường hợp VCB mua lại cổ phiếu của người lao động theo quy chế phát hành cổ phiếu cho người lao động của VCB hoặc mua lại cổ phiếu lơ lửng theo yêu cầu của cổ đông.	Trong thời hạn 10 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin	Trong thời hạn 09 ngày đầu tiên của tháng trên cơ sở các giao dịch đã hoàn tất và cập nhật đến ngày công bố thông tin	B.CLTG&TKTH	Điều 10
14	Quyết định/Nghị quyết/Chấp thuận NHNN vv thay đổi, bổ nhiệm mới, bổ nhiệm lại, bãi nhiệm người nội bộ; nhận được đơn xin từ chức của người nội bộ (VCB cần nêu rõ về thời điểm hiệu lực theo quy định tại Luật Doanh nghiệp và Điều lệ VCB).	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 10 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	B.TCNS	Điều 10
15	Quyết định/Nghị quyết mua, bán tài sản hoặc thực hiện các giao dịch có giá trị lớn hơn 15% tổng tài sản của VCB căn cứ vào báo cáo tài chính hợp nhất	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 10 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	B.MS&QLTS	Điều 10

CHẾ  
nk  
tâm

11 1 A 01 01 12

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn Đơn vị đầu mỗi quản lý thông tin cung cấp	Đơn vị quản lý thông tin	Quy chiếu quy chế CBTT VCB
16	Khi nhận được quyết định khởi tố đối với VCB, người nội bộ của VCB; tạm giam, truy cứu trách nhiệm hình sự đối với người nội bộ của VCB	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 10 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	P.QLRRHĐ (phối hợp P.PC)	Điều 10
17	VCB nhận được bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật của Toà án liên quan đến hoạt động của VCB	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 10 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	P.QLRRHĐ (phối hợp P.PC)	Điều 10
18	VCB nhận được Quyết định xử phạt vi phạm pháp luật về thuế	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 10 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	P.TCKT	Điều 10
19	VCB nhận được thông báo của Toà án thụ lý đơn yêu cầu mở thủ tục phá sản doanh nghiệp	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 10 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	P.PC	Điều 10
20	Trường hợp VCB nhận biết được sự kiện, thông tin làm ảnh hưởng đến giá chứng khoán của chính VCB, VCB phải xác nhận hoặc đính chính về sự kiện, thông tin đó	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 10 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	B.CLTG&TKTH	Điều 10
21	Khi xảy ra các sự kiện khác có ảnh hưởng lớn đến hoạt động kinh doanh hoặc tình hình quản trị của VCB	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 10 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	P.QLRRHĐ	Điều 10
22	Được chấp thuận hoặc hủy bỏ niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán nước ngoài	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 10 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	B.CLTG&TKTH	Điều 10



STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn Đơn vị đầu mỗi quản lý thông tin cung cấp	Đơn vị quản lý thông tin	Quy chiếu quy chế CBTT VCB
23	Công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường hoặc thông qua Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông dưới hình thức lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 10 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	B.CLTG&TKTH	Điều 10
23.1	Việc công bố thông tin về họp Đại hội đồng cổ đông bất thường: - Thông báo mời họp, chương trình họp, phiếu biểu quyết, tài liệu sử dụng trong cuộc họp và dự thảo nghị quyết đối với từng vấn đề trong chương trình họp. - Tài liệu họp Đại hội đồng cổ đông phải được cập nhật các nội dung sửa đổi, bổ sung (nếu có);	Tối thiểu 21 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ Ngân hàng không quy định thời hạn dài hơn	Tối thiểu 22 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông nếu Điều lệ Ngân hàng không quy định thời hạn dài hơn	B.CLTG&TKTH	Điều 9, Điều 10
23.2	Trường hợp lấy ý kiến Đại hội đồng cổ đông bằng văn bản	Tối thiểu 10 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều lệ VCB không quy định thời hạn khác dài hơn.	Tối thiểu 11 ngày trước thời hạn phải gửi lại phiếu lấy ý kiến nếu Điều lệ VCB không quy định thời hạn khác dài hơn.	B.CLTG&TKTH	Điều 10
24	Ngày đăng ký cuối cùng thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu			B.CLTG&TKTH	Điều 10
24.1	a) VCB công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu	Tối thiểu 10 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;	Tối thiểu 11 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến, trừ trường hợp quy định tại điểm b khoản này;	B.CLTG&TKTH	Điều 10
24.2	b) VCB công bố thông tin về ngày đăng ký cuối cùng dự kiến thực hiện quyền cho cổ đông hiện hữu để tham dự họp Đại hội đồng cổ đông	Tối thiểu 20 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.	Tối thiểu 21 ngày trước ngày đăng ký cuối cùng dự kiến.	B.CLTG&TKTH	Điều 10

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn Đơn vị đầu mỗi quản lý thông tin cung cấp	Đơn vị quản lý thông tin	Quy chiếu quy chế CBTT VCB
25	Trường hợp tổ chức kiểm toán đưa ra ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét không phải là ý kiến kiểm toán hoặc kết luận soát xét chấp nhận toàn phần đối với báo cáo tài chính hoặc báo cáo tài chính có điều chỉnh hồi tố, VCB phải công bố thông tin về ý kiến kiểm toán, kết luận soát xét, kết quả điều chỉnh hồi tố báo cáo tài chính	Trong thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Quy chế này	Trước tối thiểu 1 ngày đối với thời hạn theo quy định tại khoản 1 Điều 9 Quy chế này	P.CSTCKT*	Điều 10
26	Sau khi thay đổi kỳ kế toán, VCB công bố báo cáo tài chính cho giai đoạn giữa 02 kỳ kế toán của năm tài chính cũ và năm tài chính mới theo quy định pháp luật về kế toán doanh nghiệp	Trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.	Trong thời hạn 09 ngày, kể từ ngày tổ chức kiểm toán ký báo cáo kiểm toán nhưng không quá 90 ngày kể từ ngày bắt đầu của năm tài chính mới.	P.CSTCKT*	Điều 10
27	Quyết định/Nghị quyết tăng, giảm vốn điều lệ	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 10 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	B.CLTG&TKTH	Điều 10
28	Quyết định/Nghị quyết góp vốn đầu tư vào một tổ chức, dự án, vay, cho vay hoặc các giao dịch khác với giá trị từ 10% trở lên trên tổng tài sản của VCB tại báo cáo tài chính hợp nhất	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 10 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Phòng Ban chuyên môn đầu mối trình HĐQT để thực hiện giao dịch	Điều 10
29	Quyết định/Nghị quyết góp vốn có giá trị từ 50% trở lên vốn điều lệ của một tổ chức (xác định theo vốn điều lệ của tổ chức nhận vốn góp trước thời điểm góp vốn).	Trong thời hạn 24 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	Trong thời hạn 10 giờ kể từ khi xảy ra sự kiện	B.CLTG&TKTH	Điều 10

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn Đơn vị đầu mỗi quản lý thông tin cung cấp	Đơn vị quản lý thông tin	Quy chiếu quy chế CBTT VCB
<b>III. Công bố thông tin theo yêu cầu</b>					
1	Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán	Trong thời hạn 10 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán	B.CLTG&TKTH	Điều 11
2	Thông tin liên quan đến ngân hàng ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán	Trong thời hạn 10 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán	B.CLTG&TKTH	Điều 11
<b>IV. Công bố thông tin khác</b>					
1	Công bố thông tin về hoạt động chào bán, phát hành, niêm yết, đăng ký giao dịch và báo cáo sử dụng vốn.	Theo quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.	Trong thời hạn tối thiểu 1 ngày trước thời hạn tại quy định pháp luật về chào bán, phát hành chứng khoán, niêm yết, đăng ký giao dịch chứng khoán.	- B.CLTG&TKTH (hoạt động liên quan đến cổ phiếu) - Phòng đầu mối trực tiếp phát hành trái phiếu (Ban ĐCTC/ các Ban KHDN/ P.CSKH&SPBL/ P.ALM) (hoạt động liên quan đến trái phiếu)	Điều 12
2	Công bố thông tin về tỷ lệ sở hữu nước ngoài	Theo quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam	Trong thời hạn tối thiểu 1 ngày trước thời hạn quy định tại quy định pháp luật chứng khoán hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam	B.CLTG&TKTH	Điều 12
3	Công bố thông tin về việc VCB giao dịch mua lại cổ phiếu của VCB hoặc bán cổ phiếu quỹ			B.CLTG&TKTH	Điều 12

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn Đơn vị đầu mỗi quản lý thông tin cung cấp	Đơn vị quản lý thông tin	Quy chiếu quy chế CBTT VCB
3.1	Trường hợp ngân hàng mua lại cổ phiếu của chính mình hoặc bán cổ phiếu quỹ	Theo quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.	Trong thời hạn tối thiểu 1 ngày trước thời hạn tại quy định pháp luật về việc mua lại cổ phiếu của chính mình, bán cổ phiếu quỹ.	B.CLTG&TKTH	Điều 12
3.2	Trường hợp ngân hàng mua lại cổ phiếu của chính mình, sau khi thanh toán hết số cổ phiếu mua lại, nếu tổng giá trị tài sản được ghi trong sổ kế toán giảm hơn 10% thì ngân hàng phải thông báo cho tất cả các chủ nợ biết	Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.	Trong thời hạn 14 ngày, kể từ ngày hoàn tất nghĩa vụ thanh toán việc mua lại cổ phiếu.	B.CLTG&TKTH	Điều 12
4	Công bố thông tin về việc phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng				Điều 13
4.1	Công bố thông tin định kỳ			Như quy định tại Mục I. Phụ lục I	Điều 13
4.2	Công bố thông tin định kỳ về báo cáo sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán đã được kiểm toán, báo cáo tiến độ sử dụng vốn (Đối với trường hợp huy động vốn để thực hiện các dự án đầu tư)	Theo quy định pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng	Trong thời hạn 01 ngày làm việc trước thời hạn yêu cầu tại quy định pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng	P.QLTSNC	Điều 13
4.3	Công bố thông tin về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu (Biểu mẫu 06)	Trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm và kết thúc năm dương lịch	Trong thời hạn 01 ngày làm việc trước thời hạn yêu cầu tại quy định pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng	TTDVKH	Điều 13

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn Đơn vị đầu mỗi quản lý thông tin cung cấp	Đơn vị quản lý thông tin	Quy chiếu quy chế CBTT VCB
4.4	Công bố thông tin bất thường	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Quy chế này	Trong thời hạn 10 giờ, kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Quy chế này	Như quy định tại Mục II. Phụ lục I	Điều 13
4.5	Công bố thông tin về thời gian, tỷ lệ, giá, địa điểm đăng ký chuyển đổi (Trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi không bắt buộc)	Tối thiểu 01 tháng trước ngày chuyển đổi trái phiếu	Trong thời hạn 01 ngày làm việc trước thời hạn yêu cầu tại quy định pháp luật về phát hành trái phiếu doanh nghiệp ra công chúng	Phòng đầu mối trực tiếp phát hành trái phiếu (Ban ĐCTC/ các Ban KHDN/ P.CSKH&SPBL/ P.ALM)	Điều 13
4.6	Công bố thông tin theo yêu cầu	Trong thời hạn 24 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi Ngân hàng niêm yết, đăng ký giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện sau đây: a) Sự kiện ảnh hưởng nghiêm trọng đến lợi ích hợp pháp của nhà đầu tư; b) Có thông tin liên quan đến Ngân hàng ảnh hưởng lớn đến giá chứng khoán và cần phải xác nhận thông tin đó	Trong thời hạn 10 giờ, kể từ khi nhận được yêu cầu của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước, Sở giao dịch chứng khoán nơi Ngân hàng niêm yết, đăng ký giao dịch khi xảy ra một trong các sự kiện nêu bên.	Như quy định tại Mục III. Phụ lục I	Điều 13
5	Công bố thông tin của tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp	Theo quy định tại Điều 14 Quy chế CBTT VCB	Trong thời hạn 1 ngày làm việc trước thời hạn yêu cầu theo quy định tại Điều 14 - Quy chế CBTT VCB	- Nội dung CBTT của tổ chức niêm yết trái phiếu doanh nghiệp: P.ALM - Nội dung quy định tại điều 9,10,11,12: như phân công tại Phụ lục I quy chế này	Điều 14

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn Đơn vị đầu mỗi quản lý thông tin cung cấp	Đơn vị quản lý thông tin	Quy chiếu quy chế CBTT VCB
6	Công bố thông tin về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước				Điều 15
6.1	Công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu (Biểu mẫu 07)	Trong thời hạn 01 ngày làm việc trước ngày phát hành trái phiếu	Trong thời hạn 01 ngày làm việc trước ngày CBTT theo quy định	Phòng đầu mối trực tiếp phát hành trái phiếu (Ban ĐCTC/ các Ban KHDN/ P.CSKH&SPBL/ P.QLTSNC)	Điều 15
6.2	Công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu (Biểu mẫu 08)	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt chào bán trái phiếu	Trong thời hạn 01 ngày làm việc trước ngày CBTT theo quy định	Phòng đầu mối trực tiếp phát hành trái phiếu (Ban ĐCTC/ các Ban KHDN/ P.CSKH&SPBL/ P.QLTSNC)	Điều 15
6.3	Công bố thông tin định kỳ (Biểu mẫu 09)	a) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính, ngân hàng thực hiện công bố thông tin định kỳ 06 tháng. b) Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, ngân hàng thực hiện công bố thông tin định kỳ hàng năm.	Trong thời hạn 01 ngày làm việc trước ngày CBTT theo quy định	1. Biểu mẫu 09, Mẫu 3.1. Công bố thông tin về tình hình tài chính: P.CSTCKT. 2. Biểu mẫu 09, Mẫu 3.2. Công bố thông tin về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu: TTDVKH. 3. Biểu mẫu 09, Mẫu 3.3. Báo cáo tình hình sử dụng nguồn vốn từ phát hành trái phiếu: P.QLTSNC.	Điều 15
6.4	Công bố thông tin bất thường	Trong vòng 24 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện sau: a) Bị tạm ngừng một phần hoặc toàn bộ hoạt động kinh doanh, bị đình chỉ hoạt động hoặc thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép có giá trị tương đương theo quy định của pháp	Trong vòng 10 giờ kể từ khi xảy ra một trong các sự kiện nêu bên	- Trường hợp a): P.KToNB, Ban KTrNB, P.QLRRHĐ, P.GS&KTHĐ và các phòng ban khác liên quan.  - Trường hợp b): Phòng đầu mối trực tiếp phát hành trái phiếu (Ban ĐCTC/ các Ban KHDN/ P.CSKH&SPBL/ P.QLTSNC)	Điều 15

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn Đơn vị đầu mỗi quản lý thông tin cung cấp	Đơn vị quản lý thông tin	Quy chiếu quy chế CBTT VCB
		luật; khi có Quyết định về việc tổ chức lại hoặc chuyển đổi doanh nghiệp; b) Có sự thay đổi về nội dung thông tin so với thông tin đã công bố khi chào bán trái phiếu làm ảnh hưởng đến khả năng trả nợ lãi, gốc trái phiếu			
6.5	Công bố thông tin về trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền, mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu	1. Đối với trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc ngày thực hiện quyền của chứng quyền 2. Đối với mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu: a) Trong thời hạn 10 ngày trước ngày mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn tất việc mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu	Trong thời hạn 01 ngày làm việc trước ngày CBTT theo quy định	P.QLTSNC	Điều 15
7	Công bố thông tin của ngân hàng phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế				Điều 16
7.1	Công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu (Biểu mẫu 07)	Trong thời hạn 01 ngày làm việc trước ngày phát hành trái phiếu ra thị trường quốc tế	Trong thời hạn 01 ngày làm việc trước ngày CBTT theo quy định	Phòng đầu mối trực tiếp phát hành trái phiếu (Ban ĐCTC/ các Ban KHDN/ P.CSKH&SPBL/ P.QLTSNC)	Điều 16

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn Đơn vị đầu mỗi quản lý thông tin cung cấp	Đơn vị quản lý thông tin	Quy chiếu quy chế CBTT VCB
7.2	Công bố thông tin về kết quả chào bán trái phiếu (Biểu mẫu 08)	Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn thành đợt phát hành trái phiếu	Trong thời hạn 01 ngày làm việc trước ngày CBTT theo quy định	Phòng đầu mối trực tiếp phát hành trái phiếu (Ban ĐCTC/ các Ban KHDN/ P.CSKH&SPBL/ P.QLTSNC)	Điều 16
7.3	Công bố thông tin định kỳ (Biểu mẫu 09)	a) Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày kết thúc 06 tháng đầu năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin định kỳ 06 tháng. b) Trong thời hạn 90 ngày kể từ ngày kết thúc năm tài chính, doanh nghiệp thực hiện công bố thông tin định kỳ hàng năm.	Trong thời hạn 01 ngày làm việc trước ngày CBTT theo quy định	1. Biểu mẫu 09, Mẫu 3.1. Công bố thông tin về tình hình tài chính: Phòng CSTCKT. 2. Biểu mẫu 09, Mẫu 3.2. Công bố thông tin về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu: TTDVKH. 3. Biểu mẫu 09, Mẫu 3.3. Báo cáo tình hình sử dụng nguồn vốn từ phát hành trái phiếu: P.QLTSNC.	Điều 16
7.4	Công bố thông tin việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu, thực hiện quyền của chứng quyền, kết quả mua lại trái phiếu trước hạn và kết quả hoán đổi trái phiếu trong kỳ (nếu có) (Biểu mẫu 10)	1. Đối với trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu kèm chứng quyền: Trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày hoàn tất việc chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu hoặc ngày thực hiện quyền của chứng quyền 2. Đối với mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu: a) Trong thời hạn 10 ngày trước ngày mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày hoàn tất việc mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu	Trong thời hạn 01 ngày làm việc trước ngày CBTT theo quy định	Phòng đầu mối trực tiếp phát hành trái phiếu (Ban ĐCTC/ các Ban KHDN/ P.CSKH&SPBL/ P.QLTSNC) - Biểu mẫu 10, Mẫu 4.1. Công bố thông tin về kết quả chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu - Biểu mẫu 10, Mẫu 4.2. Công bố thông tin về kết quả thực hiện quyền của chứng quyền - Biểu mẫu 10, Mẫu 4.3. Công bố thông tin trước đợt mua lại trái phiếu trước hạn - Biểu mẫu 10, Mẫu 4.4. Công bố thông tin về kết quả mua lại trái phiếu trước hạn - Biểu mẫu 10, Mẫu 4.5. Công bố thông tin trước đợt hoán đổi trái phiếu	Điều 16

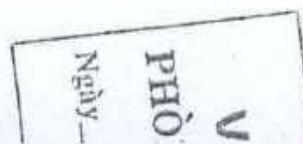
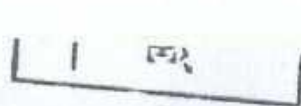


STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn Đơn vị đầu mỗi quản lý thông tin cung cấp	Đơn vị quản lý thông tin	Quy chiếu quy chế CBTT VCB
				- Biểu mẫu 10, Mẫu 4.6. Công bố thông tin về kết quả hoán đổi trái phiếu	
8	Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của VCB; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết			Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của VCB; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết	Điều 17
8.1	Tổ chức, cá nhân khi trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn của VCB tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán (Biểu mẫu 11)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn	Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn	Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của VCB; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết	Điều 17
8.2	Cổ đông lớn của VCB khi có thay đổi về số lượng cổ phiếu sở hữu qua các ngưỡng 1% số cổ phiếu có quyền biểu quyết tính kể từ ngày hoàn tất giao dịch chứng khoán (Biểu mẫu 12)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi như bên	Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày có sự thay đổi như bên	Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của VCB; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết	Điều 17

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn Đơn vị đầu mỗi quản lý thông tin cung cấp	Đơn vị quản lý thông tin	Quy chiếu quy chế CBTT VCB
8.3	Khi nhận được báo cáo liên quan đến sự thay đổi tỷ lệ sở hữu cổ phiếu, chứng chỉ quỹ của các đối tượng được quy định tại điều này (Biểu mẫu 13, Biểu mẫu 14)	Trong thời hạn 03 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo	Trong thời hạn 02 ngày làm việc sau khi nhận được báo cáo	Công bố thông tin của cổ đông lớn, nhóm người có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết của VCB; nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan sở hữu từ 5% trở lên số cổ phiếu có quyền biểu quyết	Điều 17
9	Công bố thông tin của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ			Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ có thể ủy quyền cho 1 tổ chức (công ty chứng khoán, ngân hàng, công ty quản lý quỹ, thành viên lưu ý, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc tổ chức khác...) thực hiện CBTT theo quy định. (Lưu ý: Phòng/Ban dưới đây có trách nhiệm hỗ trợ người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ để thu thập thông tin và gửi báo cáo: - B.CLTG&TKTH: nội dung liên quan đến HDQT và người có liên quan của HDQT - Văn phòng: nội dung liên quan đến BDH và người có liên quan của BDH - P.GSHĐ: nội dung liên quan đến BKS và người có liên quan của BKS)	Điều 18

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn Đơn vị đầu mỗi quản lý thông tin cung cấp	Đơn vị quản lý thông tin	Quy chiếu quy chế CBTT VCB
				- P.TCKT: nội dung liên quan đến KTT và người có liên quan của KTT và Quỹ Công đoàn)	
9.1	- Báo cáo Thông báo thời gian dự kiến thực hiện giao dịch (Biểu mẫu 15 hoặc Biểu mẫu 16)	Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 03 ngày làm việc phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch	Trước ngày dự kiến thực hiện giao dịch tối thiểu 04 ngày làm việc phải công bố thông tin về việc dự kiến giao dịch	<p>Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ có thể uỷ quyền cho 1 tổ chức (công ty chứng khoán, ngân hàng, công ty quản lý quỹ, thành viên lưu ý, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc tổ chức khác..) thực hiện CBTT theo quy định.</p> <p>(Lưu ý: Phòng/Ban dưới đây có trách nhiệm hỗ trợ người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ để thu thập thông tin và gửi báo cáo:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- B.CLTG&amp;TKTH: nội dung liên quan đến HĐQT và người có liên quan của HĐQT</li> <li>- Văn phòng: nội dung liên quan đến BDH và người có liên quan của BDH</li> <li>- P.GSHĐ: nội dung liên quan đến BKS và người có liên quan của BKS)</li> <li>- P.TCKT: nội dung liên quan đến KTT và người có liên quan của KTT và Quỹ Công đoàn)</li> </ul>	Điều 18

STT	Nội dung CBTT	Thời hạn CBTT theo quy định	Thời hạn Đơn vị đầu mỗi quản lý thông tin cung cấp	Đơn vị quản lý thông tin	Quy chiếu quy chế CBTT VCB
9.2	- Khi hoàn tất giao dịch cần thực hiện: Báo cáo kết quả hoàn tất giao dịch (Biểu mẫu 17 hoặc Biểu mẫu 18)	Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch	Trong thời hạn 04 ngày làm việc, kể từ ngày hoàn tất giao dịch (trường hợp giao dịch kết thúc trước thời hạn đăng ký) hoặc kết thúc thời hạn dự kiến giao dịch	Người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ có thể uỷ quyền cho 1 tổ chức (công ty chứng khoán, ngân hàng, công ty quản lý quỹ, thành viên lưu ý, Tổng công ty lưu ký và bù trừ chứng khoán Việt Nam hoặc tổ chức khác..) thực hiện CBTT theo quy định. (Lưu ý: Phòng/Ban dưới đây có trách nhiệm hỗ trợ người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ để thu thập thông tin và gửi báo cáo: - B.CLTG&TKTH: nội dung liên quan đến HDQT và người có liên quan của HDQT - Văn phòng: nội dung liên quan đến BDH và người có liên quan của BDH - P.GSHD: nội dung liên quan đến BKS và người có liên quan của BKS) - P.TCKT: nội dung liên quan đến KTT và người có liên quan của KTT và Quỹ Công đoàn)	Điều 18
10	Giao dịch chào mua công khai	Theo Luật chứng khoán và các văn bản pháp luật liên quan khác (nếu có)	Trong thời hạn tối thiểu 1 ngày trước thời hạn yêu cầu theo quy định tại luật chào mua công khai	B.CLTG&TKTH	Điều 18



**PHỤ LỤC II**  
**CÁC MẪU BIỂU BÁO CÁO VÀ CÔNG BỐ THÔNG TIN**

STT	KÝ HIỆU	NỘI DUNG
1.	Biểu mẫu 01	GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN (Tổ chức)
2.	Biểu mẫu 02	GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN (Cá nhân)
3.	Biểu mẫu 03	BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN
4.	Biểu mẫu 04	BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
5.	Biểu mẫu 05	BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG
6.	Biểu mẫu 06	BÁO CÁO ĐỊNH KỶ TÌNH HÌNH THANH TOÁN GỐC, LÃI TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP
7.	Biểu mẫu 07	CÔNG BỐ THÔNG TIN TRƯỚC ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU
8.	Biểu mẫu 08	CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU
9.	Biểu mẫu 09	CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỶ CỦA DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH
10.	Biểu mẫu 10	CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI, TRÁI PHIẾU KÈM CHỨNG QUYỀN, MUA LẠI TRÁI PHIẾU TRƯỚC HẠN VÀ HOÁN ĐỔI TRÁI PHIẾU
11.	Biểu mẫu 11	BÁO CÁO VỀ NGÀY TRỞ THÀNH/KHÔNG CÒN LÀ CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CỔ PHIẾU
12.	Biểu mẫu 12	BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI SỐ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG
13.	Biểu mẫu 13	BÁO CÁO VỀ SỐ HỮU CỦA NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÓ LIÊN QUAN LÀ CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG
14.	Biểu mẫu 14	BÁO CÁO THAY ĐỔI VỀ SỐ HỮU CỦA NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÓ LIÊN QUAN LÀ CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG
15.	Biểu mẫu 15	THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ/CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ
16.	Biểu mẫu 16	THÔNG BÁO GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI, QUYỀN MUA CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ, QUYỀN MUA TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN
17.	Biểu mẫu 17	BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ/CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN
18.	Biểu mẫu 18	BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI, QUYỀN MUA CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ/TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN

**GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**POWER OF ATTORNEY TO DISCLOSE INFORMATION**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*  
*(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)*

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN  
 NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM  
 JSC BANK FOR FOREIGN TRADE OF  
 VIETNAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom – Happiness**

Số: .../GUQ-...

No: .../GUQ-...

..., ngày... tháng... năm....

..., month ... day... year.....

Giấy ủy quyền thực hiện công bố thông tin\*  
 Power of the attorney to Disclose information\*

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
 - Sở Giao dịch chứng khoán.

To: - The State Securities Commission;  
 - The Stock Exchange.

**I. Bên ủy quyền (sau đây gọi là “Bên A”) (là tổ chức có nghĩa vụ công bố thông tin)/Principal (hereinafter referred to as “Party A” - is a company, organization with obligation to disclose information):**

- Tên giao dịch của tổ chức/ Trading name of organization, company: .....

- Tên quỹ đầu tư chứng khoán đại chúng (trường hợp công ty quản lý quỹ đăng ký người được ủy quyền công bố thông tin cho quỹ đại chúng)/ Name of public securities investment fund (in case the fund management company registers authorized person to disclose information for public fund) .....

- Mã chứng khoán/Securities code:

- Địa chỉ liên lạc/Address:

Điện thoại/Telephone:..... Fax: ..... Email:.....- Website: .....

**II. Bên được ủy quyền (sau đây gọi là “Bên B”) /Attorney-in-fact (hereinafter referred to as “Party B”):**

- Ông (Bà)/Mr (Ms/Mrs):

- Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ ID card No. (or Passport No.): .....

Ngày cấp/Date of issue..... Nơi cấp/Place of issue

- Địa chỉ thường trú/ Permanent residence:

- Chức vụ tại tổ chức/ Position in the organization, company:

**III. Nội dung ủy quyền (Content of authorization):**

- Bên A ủy quyền cho Bên B làm “Người được ủy quyền công bố thông tin” của Bên A/Party B is appointed as the “Authorized person to disclose information” of Party A.

- Bên B có trách nhiệm thay mặt Bên A thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin đầy đủ, chính xác và kịp thời theo quy định pháp luật.

*Party B, on behalf of Party A, is responsible to perform the disclosure obligations fully, accurately and promptly in accordance with the law.*

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày ..... đến khi có thông báo hủy bỏ bằng văn bản của ..... (Tên tổ chức, công ty quản lý quỹ)/ *This Power of Attorney shall take effect from... until a written notice of revocation is submitted by .....(Name of organization, company/ Name of fund management company).*

**BÊN A / NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT**  
**PARTY A / LEGAL REPRESENTATIVE**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)  
(Signature, full name and seal)


**BÊN B / PARTY B**  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
(Signature, full name)

**Tài liệu đính kèm/Attachments:**

- Bản cung cấp thông tin người được ủy quyền công bố thông tin theo mẫu tại Biểu mẫu 3/*Curriculum vitae of the authorized person to disclose information as Appendix 03;*

*Ghi chú: Đối với tổ chức là nhà đầu tư nước ngoài, bên A là người đại diện theo pháp luật được thay thế bằng người đại diện theo thẩm quyền.*

*Note: For an organisation that is a foreign investor, party A is the legal representative instead of authorised representative.*

  
ibank  
ÁP CHẾ  
năm

**GIẤY ỦY QUYỀN THỰC HIỆN CÔNG BỐ THÔNG TIN**  
**POWER OF ATTORNEY TO DISCLOSE INFORMATION**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

*(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)*

**CÁ NHÂN**  
**FULL NAME**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Independence - Freedom - Happiness**

Số: .../GUQ-...

No: .../GUQ-...

..., ngày... tháng ...năm....

..., month ... day ....year....

Giấy ủy quyền thực hiện công bố  
 thông tin\*

Power of the attorney to Disclose  
 information\*

- Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
 - Sở Giao dịch chứng khoán;  
 - Tên Ngân hàng/công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.  
 To: - The State Securities Commission;  
 - The Stock Exchange;  
 - Name of Public company/fund management company.

**I. Bên ủy quyền (sau đây gọi là “Bên A”) (là nhà đầu tư cá nhân có nghĩa vụ công bố thông tin)/Principal  
 (hereinafter referred to as “Party A” - is an individual investor with obligations to disclose information)**

- Ông (Bà)/Mr (Ms/Mrs):

- Quốc tịch/ Nationality:

- Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ID card No. (or Passport No.): ....

Ngày Cấp/Date of issue ..... Nơi cấp/Place of Issue.....

- Địa chỉ thường trú/ Địa chỉ liên hệ/Permanent residence/Address:

- Mã số giao dịch (đối với NĐTNN) Trading Code (for foreign investors):

- Các tài khoản giao dịch chứng khoán hoặc Tài khoản lưu ký chứng khoán (nếu có)/The securities trading accounts or depository accounts (if any):

**II. Bên được ủy quyền (sau đây gọi là “Bên B”)/ Attorney-in-fact (hereinafter referred to as “Party B”):**

a) Trường hợp tổ chức được chỉ định, ủy quyền thực hiện công bố thông tin/ In case an organization is designated, authorized to disclose information:

- Tên tổ chức/ Organisation's name:

- Địa chỉ trụ sở chính (địa chỉ liên lạc)/tel/fax/email/Head office address (address)/tel/fax/email....

- Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương, ngày cấp... nơi cấp.../ Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents..., date of issue..., place of issue...



- Họ và tên người đại diện theo pháp luật của tổ chức/Tên của cá nhân mà tổ chức đó chỉ định thực hiện việc công bố thông tin/*Name of the legal representative of that organisation/Name of authorized person of that organisation who is directly in charge of information disclosure.*

b) Trường hợp cá nhân được ủy quyền thực hiện công bố thông tin/ *In case an individual is designated, authorized to disclose information:*

- Ông (Bà)/*Mr (Ms/Mrs):*

- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/*ID card No. (or Passport No.):* .....

Ngày Cấp/*Date of issue.....* Nơi cấp/*Place of issue...*

- Địa chỉ thường trú/*Permanent residence/:*

- Số điện thoại/*Telephone number:*

- Nghề nghiệp, nơi công tác, địa chỉ nơi công tác/ *Occupation: .... at: .... working address:...*

- Chức vụ tại tổ chức, nơi công tác/*Position in the organization/ company:*

### III. Nội dung ủy quyền (*Content of authorization*):

Bằng giấy ủy quyền này: Bên A ủy quyền cho bên B làm "Người công bố thông tin của bên A". Bên A có trách nhiệm cung cấp thông tin về giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ của mình cho bên B và chịu trách nhiệm về tính đầy đủ, kịp thời, chính xác đối với thông tin cung cấp cho bên B. Bên B có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ công bố thông tin liên quan đến các giao dịch của bên A theo quy định pháp luật/*By this authorization: Party A authorizes Party B to perform "information disclosure for Party A". Party A shall provide information on share/fund certificate transactions to Party B and be responsible for the completeness, timeliness and accuracy of the information provided to Party B. Party B shall perform the obligations of information disclosure relating to the transactions of party A in accordance with the law.*

Giấy ủy quyền này có hiệu lực kể từ ngày/*This Power of Attorney shall take effect from .....* đến ngày/to..... hoặc đến khi có thông báo hủy bỏ bằng văn bản của bên A/*until a written notice of revocation is submitted by Party A.*

BÊN A /PARTY A  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
(*Signature, full name*)

BÊN B /PARTY B  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu là tổ chức)  
(*Signature, full name and seal- in case of organisation*)

Vietcom  
46  
ÔNG PH  
tháng

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN**

**CIRRICULLUM VITAE**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

*(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)*

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**

**Independence - Freedom – Happiness**

....., ngày..... tháng ... năm.....

....., day .... month .... year.....

**BẢN CUNG CẤP THÔNG TIN/ CIRRICULLUM VITAE**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán.  
To: - The State Securities Commission;  
- The Stock Exchange.

1/ Họ và tên /Full name:

2/ Giới tính/Sex:

3/ Ngày tháng năm sinh/Date of birth:

4/ Nơi sinh/Place of birth:

5/ Số CMND (hoặc số hộ chiếu)/ ID card No. (or Passport No.): .....

Ngày cấp/Date of issue ..... Nơi cấp/Place of issue.....

6/ Quốc tịch/Nationality:

7/ Dân tộc/Ethnic:

8/ Địa chỉ thường trú/Permanent residence:

9/ Số điện thoại/Telephone number:

10/ Địa chỉ email/Email:

11/ Tên tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Organisation's name subject to information disclosure rules:

12/ Chức vụ hiện nay tại tổ chức là đối tượng công bố thông tin/ Current position in an organization subject to information disclosure:

13/ Các chức vụ hiện đang nắm giữ tại tổ chức khác/Positions in other companies:

14/ Số CP nắm giữ: ..... chiếm ..... % vốn điều lệ, trong đó/ Number of owning shares ..... , accounting for ...% of charter capital, of which:

+ Đại diện (tên tổ chức là Nhà nước/cổ đông chiến lược/tổ chức khác) sở hữu/Owning on behalf of (the State/strategic investor/other organisation):



1	Ngũ yễn Văn A	xxxx xxx	Chủ tịch HD QT <i>Chairman of the Board of Directors</i>	CM ND ID	024 123 456	17/ 12/ 2015	HC M City 's Publ ic Sec urit y	16 Võ Văn Kiệt , Dist ric 1, HC MC	01/01/ 2020	15/0 5/20 20	Miễn nhiệ m <i>Dismissed</i>
1.01	Ngũ yễn Thị B	yyyy yyy	Vợ wife	CM ND ID Card No.	025 123 456	11/ 05/ 2016	HC M City 's Publ ic Sec urit y	1 Na m Kỳ Khô i Ngh ĩa, Dist ric 1, HC MC	04/05/ 2018		
15	Ngũ yễn Văn C	zzzz zzzz	Kế toá n trườ ng <i>Chief Accountant</i>	CM ND ID Card No.	020 123 456	11/ 02/ 2011	Publ ic Sec urit y		14/03/ 2020		Bỏ nhiệ m <i>Appointed</i>
....											
15.25	Ngũ yễn Thị D		Con Child								
15.26	Côn g ty Cổ phá n		Tổ chứ c có liên qua	GCN ĐKD N <i>Business</i>	301 234 56	15/ 10/ 2014			15/04/ 2020		Bỏ nhiệ m

PHÒNG  
Ngày

		AB C			n Rela ted orga nisa tion	Regis trar on Certi ficate								Appo inted	h viên HĐ QT CT CP AB C Boa rd me mber
--	--	---------	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	--	---------------	---

17/ Lợi ích liên quan đối với Ngân hàng, quỹ đại chúng (nếu có)/*Related interest with public company, public fund (if any):*

18/ Quyền lợi mâu thuẫn với Ngân hàng, quỹ đại chúng (nếu có)/ *Interest in conflict with public company, public fund (if any):*

Tôi cam đoan những lời khai trên đây là đúng sự thật, nếu sai tôi xin hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật/*I hereby certify that the information provided in this cv is true and correct and I will bear the full responsibility to the law.*

**NGƯỜI KHAI /  
DECLARANT**  
(Ký, ghi rõ họ tên)  
(Signature, full name)

\_\_\_\_\_  
atcon  
G PH  
tháng  
\_\_\_\_\_

**BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN****ANNUAL REPORT**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

*(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)*

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN  
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM  
JSC BANK FOR FOREIGN TRADE OF  
VIETNAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom – Happiness**

Số: .../BC-....  
No: .../BC-....

..., ngày... tháng... năm....  
..., month... day... year...

**BÁO CÁO /ANNUAL REPORT**

**Thường niên năm /Year**

Kính gửi:

To:

**I. Thông tin chung/General information****1. Thông tin khái quát/General information**

- Tên giao dịch/*Trading name:*
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số/*Business Registration Certificate No.:*
- Vốn điều lệ/*Charter capital:*
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Owner's capital:*
- Địa chỉ/*Address:*
- Số điện thoại/*Telephone:*
- Số fax/*Fax:*
- Website;
- Mã cổ phiếu (nếu có)/*Securities code (if any):*
- Quá trình hình thành và phát triển/*Establishment and development process* (ngày thành lập, thời điểm niêm yết, thời gian các mốc sự kiện quan trọng kể từ khi thành lập đến nay/*Date of establishment, time of listing, and development milestones since the establishment until now*).
- Các sự kiện khác/*Other events:*

**2. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh/ Business lines and locations of the business:**

- Ngành nghề kinh doanh/*Business lines:* (Nếu các ngành nghề kinh doanh hoặc sản phẩm, dịch vụ chính chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/*Specify major lines of business or products and services which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

- Địa bàn kinh doanh/*Location of business*: (Nêu các địa bàn hoạt động kinh doanh chính, chiếm trên 10% tổng doanh thu trong 02 năm gần nhất/ *Specify major locations of business which account for more than 10% of the total revenue in the last 02 years*).

3. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý/*Information about governance model, business organization and managerial apparatus*

- Mô hình quản trị (nếu rõ mô hình theo quy định tại Điều 137 Luật Doanh nghiệp)/*Governance model (as stipulated in Article 137 of the Law on Enterprises)*.

- Cơ cấu bộ máy quản lý/*Management structure*.

- Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies*: (Nêu danh sách, địa chỉ, lĩnh vực sản xuất kinh doanh chính, vốn điều lệ thực góp, tỷ lệ sở hữu của Ngân hàng tại các công ty con, công ty liên kết/*Specify the names, addresses, major fields of production and business, paid-in charter capital, ownership percentages of the Company in such subsidiaries, associated companies*).

4. Định hướng phát triển/*Development orientations*

- Các mục tiêu chủ yếu của Ngân hàng / *Main objectives of the Company*.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn/*Development strategies in medium and long term*.

- Các mục tiêu phát triển bền vững (môi trường, xã hội và cộng đồng) và chương trình chính liên quan đến ngắn hạn và trung hạn của Ngân hàng / *Corporate objectives with regard to Corporate environment, society and community Sustainability*.

5. Các rủi ro/*Risks*: (Nếu các rủi ro có thể ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh hoặc đối với việc thực hiện các mục tiêu của của Ngân hàng, trong đó có rủi ro về môi trường, thiên tai, dịch bệnh, ...)/*Specify the risks probably affecting the production and business operations or the realization of the Company's objectives, including environmental risks*).

## II. Tình hình hoạt động trong năm/ *Operations in the Year*

1. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh/*Situation of production and business operations*

- Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm/ *Results of business operations in the year*: Nêu các kết quả đạt được trong năm. Nêu những thay đổi, biến động lớn về chiến lược kinh doanh, doanh thu, lợi nhuận, chi phí, thị trường, sản phẩm, nguồn cung cấp, ... /*specify the results achieved for the year. Specify major changes and movements in business strategy, revenue, profits, costs, markets, products, supplies, etc.*

- Tình hình thực hiện so với kế hoạch/*Implementation situation/actual progress against the plan*: So sánh kết quả đạt được trong năm so với các chỉ tiêu kế hoạch và các chỉ tiêu năm liền kề. Phân tích cụ thể nguyên nhân dẫn đến việc không đạt/đạt/vượt các chỉ tiêu so với kế hoạch và so với năm liền kề/*Comparing the actual progress with the targets and the results of the preceding years. Analyzing specific reasons of the unachievement/ achievement/excess of the targets and against the preceding years*.

2. Tổ chức và nhân sự/*Organization and Human resource*

- Danh sách Ban điều hành/*List of the Board of Management*: (Danh sách, tóm tắt lý lịch và tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Ngân hàng phát hành của Tổng Giám đốc, các Phó Tổng giám đốc, Kế toán trưởng và các cán bộ quản lý khác/*List, curriculum vitae and ownership percentage of the Company's voting shares and other securities by the Company's General Director, Deputy General Directors, Chief Accountant and other managers*).

- Những thay đổi trong ban điều hành/*changes in the Board of Management*: (Liệt kê các thay đổi trong Ban điều hành trong năm)/ *(List the changes in the Board of Management in the year)*.

- Số lượng cán bộ, nhân viên. Tóm tắt chính sách và thay đổi trong chính sách đối với người lao động/ *Number of staffs. Brief information and changes on the employee's policies*.

3. Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án/*investment activities, project implementation*

a) Các khoản đầu tư lớn/*Major investments*: Nêu các khoản đầu tư lớn được thực hiện trong năm (bao gồm các khoản đầu tư tài chính và các khoản đầu tư dự án), tình hình thực hiện các dự án lớn. Đối với trường hợp Ngân hàng đã chào bán chứng khoán để thực hiện các dự án, cần nêu rõ tiến độ thực hiện các dự án này và phân tích nguyên nhân dẫn đến việc đạt/không đạt tiến độ đã công bố và cam kết/*specify major investments implemented for the year (including financial investments and project investment), the implementation progress of major projects. If the Company has conducted public offering for the projects, it is necessary to indicate the progress of implementation of the projects and analyze the reasons incase of achievement/failure to achieve the announced and committed targets.*

b) Các công ty con, công ty liên kết/*Subsidiaries, associated companies*: (Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con, công ty liên kết)/*(Summarizing the operations and financial situation of the subsidiaries, associated companies).*

#### 4. Tình hình tài chính/*Financial situation*

##### a) Tình hình tài chính/*Financial situation*

Chỉ tiêu/ <i>Indicators</i>	Năm/ <i>Year</i> X-1	Năm/ <i>Year</i> X	% tăng giảm/ <i>% change</i>
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ <i>Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions</i> :			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset</i>			
Doanh thu thuần/ <i>Net revenue</i>			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ <i>Profit from business activities</i>			
Lợi nhuận khác/ <i>Other profits</i>			
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Profit before tax</i>			
Lợi nhuận sau thuế/ <i>Profit after tax</i>			
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ <i>Payout ratio</i>			
* Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ <i>Applicable to credit institutions and non-bank financial institutions</i> :			
Tổng giá trị tài sản/ <i>Total asset value</i>			
Doanh thu/ <i>Revenus</i>			
Thuế và các khoản phải nộp/ <i>Taxes and payables</i>			
Lợi nhuận trước thuế/ <i>Before tax profit</i>			
Lợi nhuận sau thuế/ <i>After tax profit</i>			

- Các chỉ tiêu khác/*Other figures*: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của Ngân hàng để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/*depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*).

##### b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/*Major financial indicators*:

Chỉ tiêu/ <i>Indicators</i>	Năm/ <i>Year</i> X-1	Năm/ <i>Year</i> X	Ghi chú/ <i>Note</i>
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ <i>Solvency ratio</i> + Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <i>Current ratio</i> :			

53 Viet  
PHÒNG  
Ngày...t



<p>Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn (<i>Short term Asset/Short term debt</i>)</p> <p>+ Hệ số thanh toán nhanh/<i>Quick ratio</i>:</p> <p>Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho Nợ ngắn hạn <i>Short term Asset - Inventories</i> <i>Short term Debt</i></p>			
<p>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/<i>capital structure Ratio</i></p> <p>+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (<i>Debt/Total assets ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Nợ/vốn chủ sở hữu (<i>Debt/Owner's Equity ratio</i>)</p>			
<p>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/<i>Operation capability Ratio</i></p> <p>+ Vòng quay hàng tồn kho/<i>Inventory turnover</i>:</p> <p>Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân (<i>Cost of goods sold/Average inventory</i>)</p> <p>+ Vòng quay tổng tài sản/<i>Total asset turnover</i>:</p> <p>Doanh thu thuần/Tổng tài sản bình quân (<i>Net revenue/ Average Total Assets</i>)</p>			
<p>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/<i>Profitability</i></p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần (<i>profit after tax/ Net revenue Ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/vốn chủ sở hữu (<i>profit after tax/ total capital Ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản (<i>profit after tax/ Total assets Ratio</i>)</p> <p>+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần (<i>Profit from business activities/ Net revenue Ratio</i>)</p>			

Đối với tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/*For credit institutions and non-bankfinancial institutions:*

Chỉ tiêu/ <i>Indicators</i>	Năm/ <i>Year X-1</i>	Năm/ <i>Year X</i>	Ghi chú/ <i>Note</i>
1. Quy mô vốn/ <i>Capital size</i>			
- Vốn điều lệ/ <i>Charter Capital</i>			
Tổng tài sản có/ <i>Total assets</i>			
Tỷ lệ an toàn vốn/ <i>Capital adequacy ratio</i>			
2. Kết quả hoạt động kinh doanh/ <i>Operating results</i>			
Doanh số huy động tiền gửi/ <i>Cash deposits</i>			
Doanh số cho vay/ <i>Lendings</i>			
Doanh số thu nợ/ <i>Debt collection</i>			
Nợ quá hạn/ <i>Overdue debts</i>			
Nợ khó đòi/ <i>Bad debt</i>			
Hệ số sử dụng vốn/ <i>Incremental Capital Output Ratio</i>			

Tỷ lệ nợ bảo lãnh quá hạn/Tổng số dư bảo lãnh/ <i>Overdue outstanding underwritten debt/ Total outstanding debt Ratio</i>			
Tỷ lệ nợ quá hạn/Tổng dư nợ/ <i>Overdue debts/ Total debt Ratio</i>			
Tỷ lệ nợ khó đòi/Tổng dư nợ/ <i>Bad debt/ Total debt Ratio</i>			
3. Khả năng thanh khoản/ <i>Solvency</i>			
Khả năng thanh toán ngay/ <i>Short term solvency</i>			
Khả năng thanh toán chung/ <i>General solvency</i>			

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Shareholders structure, change in the owner's equity.*

a) Cổ phần/*Shares*: Nêu tổng số cổ phần và loại cổ phần đang lưu hành, số lượng cổ phần chuyển nhượng tự do và số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng theo quy định pháp luật, Điều lệ Ngân hàng hay cam kết của người sở hữu. Trường hợp Ngân hàng có chứng khoán giao dịch tại nước ngoài hay bảo trợ việc phát hành và niêm yết chứng khoán tại nước ngoài, cần nêu rõ thị trường giao dịch, số lượng chứng khoán được giao dịch hay được bảo trợ và các thông tin quan trọng liên quan đến quyền, nghĩa vụ của công ty liên quan đến chứng khoán giao dịch hoặc được bảo trợ tại nước ngoài/*Specify total number and types of floating shares, number of freely transferable shares and number of preferred shares in accordance with the law, the Company's Charter and commitments of the owner. Where the company has securities traded in foreign countries or underwritten the issuance and listing of securities in foreign countries, it is required to specify the foreign markets, the number of securities to be traded or underwritten and important information concerning the rights and obligations of the company related to the securities traded or underwritten in foreign countries.*

b) Cơ cấu cổ đông/*Shareholders structure*: Nếu cơ cấu cổ đông phân theo các tiêu chí tỷ lệ sở hữu (cổ đông lớn, cổ đông nhỏ); cổ đông tổ chức và cổ đông cá nhân; cổ đông trong nước và cổ đông nước ngoài, cổ đông nhà nước và các cổ đông khác, tỷ lệ sở hữu nước ngoài tối đa/*Specify shareholders structure by ownership percentages (major, minority shareholders); institutional and individual shareholders; domestic and foreign shareholders; State and other shareholders; foreign shareholder's maximum percentages.*

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu/*Change in the owner's equity*: Nêu các đợt tăng vốn cổ phần kể từ khi thành lập bao gồm các đợt chào bán ra công chúng, chào bán riêng lẻ, chuyển đổi trái phiếu, chuyển đổi chứng quyền, phát hành cổ phiếu thưởng, trả cổ tức bằng cổ phiếu v.v (thời điểm, giá trị, đối tượng chào bán, đơn vị cấp)/*specify equity increases including public offerings, private offerings, bond conversions, warrant conversions, Issuance of bonus shares, shares dividend, etc.*

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ/*Transaction of treasury stocks*: Nêu số lượng cổ phiếu quỹ hiện tại, liệt kê các giao dịch cổ phiếu quỹ đã thực hiện trong năm bao gồm thời điểm thực hiện giao dịch, giá giao dịch và đối tượng giao dịch/*Specify number of existing treasury stocks, list transactions of treasury stocks conducted for the year including trading times, prices and counter parties.*

e) Các chứng khoán khác/*Other securities*: nêu các đợt phát hành chứng khoán khác đã thực hiện trong năm. Nêu số lượng, đặc điểm các loại chứng khoán khác hiện đang lưu hành và các cam kết chưa thực hiện của Ngân hàng với cá nhân, tổ chức khác (bao gồm cán bộ công nhân viên, người quản lý của Ngân hàng) liên quan đến việc phát hành chứng khoán/*Specify other securities issues conducted during the year. Specify the number, characteristics of other types of floating securities and outstanding commitments of the Company to other individuals, organizations (including Company's staffs and managers) related to the securities issues.*

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Ngân hàng/*Environment-Social-Governance (ESG) Report of the Company*

6.1. Tác động lên môi trường:

Tổng phát thải khí nhà kính (GHG) trực tiếp và gián tiếp/*Total direct and indirect GHG emission*

Các sáng kiến và biện pháp giảm thiểu phát thải khí nhà kính/*Measures and initiatives to reduce GHG emission.*

6.2. Quản lý nguồn nguyên vật liệu/Management of raw materials:

a) Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm/The total amount of raw materials used for the manufacture and packaging of the products as well as services of the organization during the year.

b) Báo cáo tỉ lệ phần trăm nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức/The percentage of materials recycled to produce products and services of the organization.

6.3. Tiêu thụ năng lượng/Energy consumption:

a) Năng lượng tiêu thụ trực tiếp và gián tiếp/Energy consumption - directly and indirectly.

b) Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả/Energy savings through initiatives of efficiently using energy.

c) Các báo cáo sáng kiến tiết kiệm năng lượng (cung cấp các sản phẩm và dịch vụ tiết kiệm năng lượng hoặc sử dụng năng lượng tái tạo); báo cáo kết quả của các sáng kiến này/The report on energy saving initiatives (providing products and services to save energy or use renewable energy); report on the results of these initiatives.

6.4. Tiêu thụ nước: (mức tiêu thụ nước của các hoạt động kinh doanh trong năm)/ Water consumption (water consumption of business activities in the year)

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng/ Water supply and amount of water used.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và tái sử dụng/ Percentage and total volume of water recycled and reused.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường/Compliance with the law on environmental protection:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/ Number of times the company is fined for failing to comply with laws and regulations on environment.

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ luật pháp và các quy định về môi trường/the total amount to be fined for failing to comply with laws and regulations on the environment.

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động/Policies related to employees

a) Số lượng lao động, mức lương trung bình đối với người lao động/ Number of employees, average wages of workers.

b) Chính sách lao động nhằm đảm bảo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động/Labor policies to ensure health, safety and welfare of workers.

c) Hoạt động đào tạo người lao động/Employee training

- Số giờ đào tạo trung bình mỗi năm, theo nhân viên và theo phân loại nhân viên/The average number of training hours per year, according to the staff and classified staff

- Các chương trình phát triển kỹ năng và học tập liên tục để hỗ trợ người lao động đảm bảo có việc làm và phát triển sự nghiệp/The skills development and continuous learning program to support workers employment and career development.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương/ Report on responsibility for local community.

Các hoạt động đầu tư cộng đồng và hoạt động phát triển cộng đồng khác, bao gồm hỗ trợ tài chính nhằm phục vụ cộng đồng/The community investments and other community development activities, including financial assistance to community service.

6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN/Report on green capital market activities under the guidance of the ssc.

Lưu ý/Note: (Mục 6 phần II Biểu mẫu này, Ngân hàng có thể lập riêng thành Báo cáo phát triển bền vững, trong đó các mục 6.1, 6.2 và 6.3 không bắt buộc đối với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực dịch vụ tài chính, ngân hàng, chứng khoán, bảo hiểm)/(As for Section 6 of Part II of this Appendix, the company may set up a separate Sustainability Development Report, in which the items 6.1, 6.2 and 6.3 are not mandatory for companies operating in sector of finance, banking, securities and insurance).

Khuyến khích các doanh nghiệp áp dụng các chuẩn mực báo cáo quốc tế trong việc báo cáo Phát triển bền vững/*Public companies are encouraged to apply the globally accepted reporting and disclosure standards in preparing their sustainability reports.*

### **III. Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc/ Reports and assessments of the Board of Management (Ban Giám đốc báo cáo và đánh giá về tình hình mọi mặt của Ngân hàng / the Board of Management reports and assesses the Company's situation through every facet)**

Báo cáo và đánh giá của Ban Giám đốc tối thiểu phải bao gồm các nội dung sau/*The Board of Management's reports and assessments shall include at least the following contents:*

#### **1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh/Assessment of operating results**

- Phân tích tổng quan về hoạt động của Ngân hàng so với kế hoạch/dự tính và các kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trước đây. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh không đạt kế hoạch thì nêu rõ nguyên nhân và trách nhiệm của Ban Giám đốc đối với việc không hoàn thành kế hoạch sản xuất kinh doanh (nếu có)/*General analysis of company's operations against the previous operating targets and results. In case of failing to meet the operating results and targets, the Board of Management must clearly state the reasons and their responsibilities for such results (if any).*

- Những tiến bộ Ngân hàng đã đạt được/*The Company's achievements.*

#### **2. Tình hình tài chính/Financial Situation**

##### **a) Tình hình tài sản/Assets**

Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản (phân tích, đánh giá hiệu quả sử dụng tài sản và nợ phải thu quá hạn ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh)/ *Analysis of assets and changes in assets (analysis and assessment of the efficiency of assets usage and bad receivable debts that affect operating results).*

##### **b) Tình hình nợ phải trả/Debt Payable**

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ/ *Current debts, major changes of debts.*

- Phân tích nợ phải trả quá hạn, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Ngân hàng, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay/*Analysis of bad debts, impacts of the exchange rate changes on operating results of the Company and impacts of lending rate changes.*

#### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý/Improvements in organizational structure, policies, and management.**

#### **4. Kế hoạch phát triển trong tương lai/Development plans in future**

5. Giải trình của Ban Giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)- (Trường hợp ý kiến kiểm toán không phải là ý kiến chấp nhận toàn phần)/*Explanation of the Board of Management for auditor's opinions (if any) - (In case the auditor's opinions are not unqualified).*

#### **6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm về môi trường và xã hội của Ngân hàng/Assessment Report related to environmental and social responsibilities of the Company**

a. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...)/ *Assessment concerning the environmental indicators (water consumption, energy, emissions, etc.).*

b. Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động/*Assessment concerning the labor issues*

c. Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương/*Assessment concerning the corporate responsibility for the local community*

### **IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ngân hàng (đối với công ty cổ phần)/ Assessments of the Board of Directors on the Company's operation (for joint stock companies)**

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về các mặt hoạt động của Ngân hàng, trong đó có đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội/ *Assessments of the Board of Directors on the Company's operation, including the assessment related to environmental and social responsibilities.*

2. *Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Ban Điều hành Ngân hàng/Assessment of Board of Directors on Board of Management's performance*

3. *Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị/Plans and orientations of the Board of Directors*

## V. *Quản trị Ngân hàng/Corporate governance*

### 1. *Hội đồng quản trị/Board of Directors*

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị/ *Members and structure of the Board of Directors*: (danh sách thành viên Hội đồng quản trị, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Ngân hàng phát hành, nêu rõ thành viên độc lập và các thành viên khác; số lượng chức danh thành viên Hội đồng quản trị, chức danh quản lý do từng thành viên Hội đồng quản trị của Ngân hàng nắm giữ tại các công ty khác/(*The list of members of the Board of Directors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company, the list of independent members and other members; the list of positions that a member of the Board of Directors at the Company hold at other companies*).

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị/*the committees of the Board of Directors*: (Liệt kê các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị và thành viên trong từng tiểu ban/*The list of the subcommittees of the Board of Directors and list of members of each subcommittee*).

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors*: đánh giá hoạt động của Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp Hội đồng quản trị, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the Board of Directors and specifying the number of Board of Directors meetings, their contents and results*.

d) Hoạt động của thành viên Hội đồng quản trị độc lập/*Activities of the Board of Directors independent members*. Hoạt động của các tiểu ban trong Hội đồng quản trị/*Activities of the Board of Directors' subcommittees*: (đánh giá hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của từng tiểu ban, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the subcommittees of the Board of Directors, specifying the number of meetings of each subcommittee, their contents and results*).

e) Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị Ngân hàng. Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị tham gia các chương trình về quản trị Ngân hàng trong năm/*the list of members of the Board of Directors possessing certificates on corporate governance. The list of members of the Board of Directors participating in corporate governance training programs in the year*.

### 2. *Ban Kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán /Board of Supervisors/Audit Committee*

a) Thành viên và cơ cấu của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/*Members and structure of the Board of Supervisors/ Audit Committee*: (danh sách thành viên Ban kiểm soát, tỷ lệ sở hữu cổ phần có quyền biểu quyết và các chứng khoán khác do Ngân hàng phát hành/*The list of members of the Board of Supervisors, ownership percentages of voting shares and other securities issued by the company*).

b) Hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/*Activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee*: (đánh giá hoạt động của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nêu cụ thể số lượng các cuộc họp của Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, nội dung và kết quả của các cuộc họp/*Assessing activities of the Board of Supervisors/ Audit Committee, specifying the number of Board of Supervisors' / Audit Committee's meetings, their contents and results*).

### 3. *Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán/Transactions, remunerations and benefits of the Board of Directors, Board of Management and Board of Supervisors/ Audit Committee*

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích/*Salary, rewards, remuneration and benefits*: (Lương, thưởng, thù lao, etc các khoản lợi ích khác và chi phí cho từng thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc hoặc Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý. Giá trị các khoản thù lao, lợi ích và chi phí này phải VG được công bố chi tiết cho từng người, ghi rõ số tiền cụ thể. Các khoản lợi ích phi vật chất hoặc các khoản lợi ích chưa thể/không thể lượng hoá bằng tiền cần được liệt kê và giải trình đầy đủ/*Salary, rewards, remuneration and other benefits and expenses for each member of the Board of Directors, the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director and General Director and managers. Values of such remuneration, benefits and expenses shall be disclosed*—thứ

in details for each person. Non-material benefits which have not been/cannot be quantified by cash shall be listed and explained).

b) Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ/*Share transactions by internal shareholders*: (Thông tin về các giao dịch cổ phiếu của các thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Thư ký Ngân hàng, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about share transactions of members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), Chief Accountant, the company's managers, secretaries, major shareholders and their affiliated persons*).

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với người nội bộ/*Contracts or transactions with internal shareholders*: Thông tin về hợp đồng, hoặc giao dịch đã được ký kết hoặc đã được thực hiện trong năm với Ngân hàng, các công ty con, các công ty mà Ngân hàng nắm quyền kiểm soát của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát/ Ủy ban kiểm toán, Giám đốc (Tổng Giám đốc), các cán bộ quản lý và những người liên quan tới các đối tượng nói trên/*Information about the contracts, or transactions signed or executed in the year by the members of the Board of Directors, Board of Supervisors/ Audit Committee, Director (General Director), managers and affiliated persons with the Company, subsidiaries, and other companies in which the Company holds the control right*.

d) Đánh giá việc thực hiện các quy định về quản trị Ngân hàng/*Assessing the Implementation of regulations on corporate governance*: (Nếu rõ những nội dung chưa thực hiện được theo quy định pháp luật về quản trị Ngân hàng. Nguyên nhân, giải pháp và kế hoạch khắc phục/kế hoạch tăng cường hiệu quả trong hoạt động quản trị Ngân hàng/*Specifying the contents which have not been implemented in accordance with the laws on corporate governance, specifying reasons and solutions to improve the efficiency of corporate governance*).

## VI. Báo cáo tài chính/ *Financial statements*

### 1. Ý kiến kiểm toán/*Auditor's opinions*

2. Báo cáo tài chính được kiểm toán/*Audited financial statements* (Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán bao gồm: Bảng cân đối kế toán; Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh; Báo cáo lưu chuyển tiền tệ; Bản thuyết minh Báo cáo tài chính theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán. Trường hợp theo quy định pháp luật về kế toán và kiểm toán, Ngân hàng phải lập Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp thì Báo cáo tài chính trình bày trong Báo cáo thường niên là Báo cáo tài chính hợp nhất hoặc Báo cáo tài chính tổng hợp đồng thời nêu địa chỉ công bố, cung cấp báo cáo tài chính của công ty mẹ/ *Audited annual financial statements include: Balance sheet; Income statement; Cash flow statement; Financial Statements Explanation. In case the company has to prepare consolidated or general Financial Statements in accordance with the law on accounting and audit, the Financial Statements presented in the Annual Reports shall be the consolidated Financial Statements; and clearly state the addresses where the financial statements of the parent company to be published and provided*).

Nơi nhận:  
Recipients:  
- .....  
- Lưu: VT, ...  
- Archived: ...

XÁC NHẬN CỦA ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA NGÂN  
HÀNG

CONFIRMATION BY THE COMPANY'S LEGAL  
REPRESENTATIVE

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)  
(Signature, full name and seal)

  
ombank  
PHÁP CHẾ  
g \_\_\_\_\_ năm \_\_\_\_\_

**BÁO CÁO TÌNH HÌNH QUẢN TRỊ NGÂN HÀNG****REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE***(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng**Bộ Tài chính)**(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)*

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN  
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM  
JSC BANK FOR FOREIGN TRADE OF  
VIETNAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom – Happiness**

Số: .../BC-...

No: .../BC-...

..., ngày... tháng... năm...

..., month... day... year...

**BÁO CÁO**

Tình hình quản trị Ngân hàng

**REPORT ON CORPORATE GOVERNANCE**

(6 tháng/năm)

(6 months/year)

Kính gửi: - Ủy ban chứng khoán Nhà nước;

- Sở Giao dịch chứng khoán.

To: - The State Securities Commission;

- The Stock Exchange.

- Tên Ngân hàng/Name of company:

- Địa chỉ trụ sở chính/Address of headoffice:

- Điện thoại/Telephone:

Fax:

Email:

- Vốn điều lệ/Charter capital:

- Mã chứng khoán/Stock symbol:

- Mô hình quản trị Ngân hàng/Governance model:

+ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Tổng Giám đốc/Giám đốc /General Meeting of Shareholders, Board of Directors, Board of Supervisors, General Director and Director.

+ Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc/ Giám đốc và có Ủy ban kiểm toán thuộc Hội đồng quản trị/ General Meeting of Shareholders, Board of Directors, General Director, Director and Audit Committee under the Board of Directors.

- Về việc thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ: Đã thực hiện/ Chưa thực hiện/The implementation of internal audit: Implemented/ Not yet implemented.

**I. Hoạt động của Đại hội đồng cổ đông/Activities of the General Meeting of Shareholders**

Thông tin về các cuộc họp và Nghị quyết/Quyết định của Đại hội đồng cổ đông (bao gồm cả các Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông được thông qua dưới hình thức lấy ý kiến bằng văn bản)/Information on meetings, resolutions and decisions of the General Meeting of Shareholders (including the resolutions of the General Meeting of Shareholders approved in the form of written comments):

Vi  
PHÒNG

Ngày \_\_\_\_\_

Stt No.	Số Nghị quyết/Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content

## II. Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm)/ Board of Directors (Semi-annual report/annual report):

### 1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HĐQT) Information about the members of the Board of Directors:

Stt No.	Thành viên HĐQT/ Board of Directors' members	Chức vụ/ Position (thành viên HĐQT độc lập, TVHĐQT không điều hành) Independent members of the Board of Directors, Non- executive members of the Board of Directors))	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT/ HĐQT độc lập The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Directors	
			Ngày bổ nhiệm Date of appointment	Ngày miễn nhiệm Date of dismissal
	Ông/Bà Mr./Ms.			

### 2. Các cuộc họp HĐQT/Meetings of the Board of Directors:

Stt No.	Thành viên HĐQT/ Board of Director' member	Số buổi họp HĐQT tham dự/ Number of meetings attended by Board of Directors	Tỷ lệ tham dự họp/ Attendance rate	Lý do không tham dự họp/Reasons for absence
	Ông/Bà			

### 3. Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc/Supervising the Board of Management by the Board of Directors:

### 4. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị (nếu có)/Activities of the Board of Directors' subcommittees (If any):

### 5. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị (Báo cáo 6 tháng/năm)/Resolutions/Decisions of the Board of Directors (Semi-annual report/annual report):

Stt No.	Số Nghị quyết/ Quyết định Resolution/Decision No.	Ngày Date	Nội dung Content	Tỷ lệ thông qua Approval rate

## III. Ban kiểm soát/ Ủy ban Kiểm toán (Báo cáo 6 tháng/năm)/Board of Supervisors/Audit Committee (Semi-annual report/annual report):

### 1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS)/Ủy ban Kiểm toán/ Information about members of Board of Supervisors or Audit Committee:

Stt No.	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán Members of Board of Supervisors/ Audit Committee	Chức vụ Position	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán The date becoming/ceasing to be the member of the Board of Supervisors/ Audit Committee	Trình độ chuyên môn Qualification



	Ông/Bà Mr./Ms.			
--	-------------------	--	--	--

2. Cuộc họp của BKS/ Ủy ban Kiểm toán/Meetings of Board of Supervisors or Audit Committee

Stt No.	Thành viên BKS/ Ủy ban Kiểm toán Members of Board of Supervisors/ Audit Committee	Số buổi họp tham dự Number of meetings attended	Tỷ lệ tham dự họp Attendance rate	Tỷ lệ biểu quyết Voting rate	Lý do không tham dự họp Reasons for absence
	Ông/Bà Mr./Ms.				

3. Hoạt động giám sát của BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông/Supervising Board of Directors, Board of Management and shareholders by Board of Supervisors or Audit Committee:

4. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS/ Ủy ban Kiểm toán đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác/the coordination among the Board of Supervisors, Audit Committee, the Board of Management, Board of Directors and other managers:

5. Hoạt động khác của BKS/ Ủy ban Kiểm toán (nếu có)/Other activities of the Board of Supervisors and Audit Committee (if any):

**IV. Ban điều hành/Board of Management**

STT No.	Thành viên Ban điều hành/Members of Board of Management	Ngày tháng năm sinh Date of birth	Trình độ chuyên môn Qualification	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm thành viên Ban điều hành/ Date of appointment / dismissal of members of the Board of Management /
	Ông/ Bà Mr./Ms.			

**V. Kế toán trưởng/Chief Accountant**

Họ và tên Name	Ngày tháng năm sinh Date of birth	Trình độ chuyên môn nghề nghiệp Qualification	Ngày bổ nhiệm/ miễn nhiệm Date of appointment/ dismissal

**VI. Đào tạo về quản trị Ngân hàng/Training courses on corporate governance:**

Các khóa đào tạo về quản trị Ngân hàng mà các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành, các cán bộ quản lý khác và Thư ký Ngân hàng đã tham gia theo quy định về quản trị Ngân hàng/Training courses on corporate governance were involved by members of Board of Directors, the Board of Supervisors, Director (General Director), other managers and secretaries in accordance with regulations on corporate governance:

**VII. Danh sách về người có liên quan của Ngân hàng (Báo cáo 6 tháng/năm) và giao dịch của người có liên quan của Ngân hàng với chính Ngân hàng/The list of affiliated persons of the public company (Semi-annual report/annual report) and transactions of affiliated persons of the Company)**

**1. Danh sách về người có liên quan của Ngân hàng /The list of affiliated persons of the Company**

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) Securities trading account (if any)	Chức vụ tại Ngân hàng (nếu có) Position at the Company (if any)	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm bắt đầu là người có liên quan Time of starting to be affiliated person	Thời điểm không còn là người có liên quan Time of ending to be affiliated person	Lý do Reasons	Mối quan hệ liên quan với Ngân hàng/ Relationship with the Company

Ghi chú/Note: số Giấy NSH\*: số CMND/Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc Số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or equivalent legal documents (As for organisations).

**2. Giao dịch giữa Ngân hàng với người có liên quan của Ngân hàng; hoặc giữa Ngân hàng với cổ đông lớn, người nội bộ, người có liên quan của người nội bộ/ Transactions between the Company and its affiliated persons or between the Company and its major shareholders, internal persons and affiliated persons.**

STT No.	Tên tổ chức/cá nhân Name of organization/individual	Mối quan hệ liên quan với Ngân hàng Relationship with the Company	Số Giấy NSH*, ngày cấp, nơi cấp NSH No. *, date of issue, place of issue	Địa chỉ trụ sở chính/ Địa chỉ liên hệ Address	Thời điểm giao dịch với Ngân hàng Time of transactions with the Company	Số Nghị quyết/ Quyết định của ĐHĐCĐ/ HĐQT... thông qua (nếu có, nêu rõ ngày ban hành) Resolution No. or Decision No. approved by General Meeting of Shareholders/ Board of Directors (if any, specifying date of issue)	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ Content, quantity, total value of transaction	Ghi chú Note

Ghi chú/Note: số Giấy NSH\*: số CMND/ Hộ chiếu (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức)/NSH No.: ID card No./Passport No. (As for individuals) or Business Registration Certificate No., License on operations or equivalent legal documents (As for organisations).

3. Giao dịch giữa người nội bộ Ngân hàng, người có liên quan của người nội bộ với công ty con, công ty do công ty nắm quyền kiểm soát/ *Transaction between internal persons of the Company, affiliated persons of internal persons and the Company's subsidiaries in which the Company takes controlling power.*

Stt No	Người thực hiện giao dịch <i>Transaction executor</i>	Quan hệ với người nội bộ <i>Relationship with internal persons</i>	Chức vụ tại CTNY <i>Position at the listed Company</i>	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No. /Passport No., date of issue, place of Issue</i>	Địa chỉ <i>Addresses</i>	Tên công ty con, công ty do CTNY nắm quyền kiểm soát <i>Name of subsidiaries or companies which the Company control</i>	Thời điểm giao dịch <i>Time of transaction</i>	Nội dung, số lượng, tổng giá trị giao dịch/ <i>Content, quantity, total value of transaction</i>	Ghi chú <i>Note</i>

4. Giao dịch giữa Ngân hàng với các đối tượng khác/*Transactions between the Company and other objects*

4.1. Giao dịch giữa Ngân hàng với công ty mà thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành trong thời gian ba (03) năm trở lại đây (tính tại thời điểm lập báo cáo)/*Transactions between the Company and the company that its members of Board of Management, the Board of Supervisors, Director (General Director) have been founding members or members of Board of Directors, or CEOs in three (03) latest years (calculated at the time of reporting).*

4.2. Giao dịch giữa Ngân hàng với công ty mà người có liên quan của thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác là thành viên HĐQT, Giám đốc (Tổng Giám đốc) điều hành/*Transactions between the Company and the company that its affiliated persons with members of Board of Directors, Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers as a member of Board of Directors, Director (General Director or CEO).*

4.3. Các giao dịch khác của Ngân hàng (nếu có) có thể mang lại lợi ích vật chất hoặc phi vật chất đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Kiểm soát, Giám đốc (Tổng Giám đốc) và người quản lý khác/*Other transactions of the Company (if any) may bring material or non-material benefits for members of Board of Directors, members of the Board of Supervisors, Director (General Director) and other managers.*

**VIII. Giao dịch cổ phiếu của người nội bộ và người liên quan của người nội bộ (Báo cáo 6 tháng/năm)/*Share transactions of internal persons and their affiliated persons (Semi-annual report/annual report)***

1. Danh sách người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ/*The list of internal persons and their affiliated persons / Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the Company*

stt No.	Họ tên <i>Name</i>	Tài khoản giao dịch chứng khoán (nếu có) <i>Securities trading account (if any)</i>	Chức vụ tại Ngân hàng (nếu có) <i>Position at the company (if any)</i>	Số CMND/Hộ chiếu, ngày cấp, nơi cấp <i>ID card No./Passport No., date of issue, place of issue</i>	Địa chỉ liên hệ <i>Address</i>	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ <i>Number of shares owned at the end of the period</i>	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ <i>Percentage of share ownership at the end of the period</i>	Ghi chú <i>Note</i>
1	(Tên người nội)							

	bộ/ Name of internal person)							
	Tên người có liên quan của người nội bộ/ Name affiliated persons							
	...							
2								

2. Giao dịch của người nội bộ và người có liên quan đối với cổ phiếu của Ngân hàng/ Transactions of internal persons and affiliated persons with shares of the company

Stt No.	Người thực hiện giao dịch Transaction executor	Quan hệ với người nội bộ Relationship with internal persons	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ Number of shares owned at the beginning of the period		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ Number of shares owned at the end of the period		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...) Reasons for increasing, decreasing (buying, selling, converting, rewarding, etc.)
			Số cổ phiếu Number of shares	Tỷ lệ Percentage	Số cổ phiếu Number of shares	Tỷ lệ Percentage	

IX. Các vấn đề cần lưu ý khác/Other significant issues

Nơi nhận:

Recipients:

- ...;

- Lưu: VT, ...

- Archived: ...

**CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**  
**CHAIRMAN OF THE BOARD OF DIRECTORS**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)

(Sign, full name and seal)

**Vietco**  
**HÔNG P**

ngày \_\_\_ tháng \_\_\_

**BÁO CÁO ĐỊNH KỲ TÌNH HÌNH THANH TOÁN GỐC, LÃI TRÁI PHIẾU DOANH NGHIỆP**  
**PERIODIC REPORT ON CORPORATE BOND PRINCIPAL AND INTEREST PAYMENTS**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng  
 Bộ Tài chính)

(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN**  
**NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM**  
**JSC BANK FOR FOREIGN TRADE OF**  
**VIETNAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom - Happiness**

....., ngày ... tháng... năm....  
 ....., day...month... year....

**BÁO CÁO**

**Định kỳ tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu doanh nghiệp**

**PERIODIC REPORT ON CORPORATE BOND'S PRINCIPAL AND INTEREST PAYMENTS**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
 - Sở Giao dịch chứng khoán.

To: - The State Securities Commission;  
 - The Stock Exchange.

**I. Báo cáo tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu/Report on bond principal and interest payments**

(Kỳ báo cáo từ ngày... đến ngày...)/Reporting period from... to....

TT No	Kỳ hạn Period	Ngày phát hành Issue date	Ngày đáo hạn Maturity	Số dư đầu kỳ Opening balance		Thanh toán trong kỳ Payment during the period		Dư nợ cuối kỳ Closing balance	
				Gốc Principal	Lãi Interest	Gốc Principal	Lãi Interest	Gốc Principal	Lãi Interest
1	1 năm/ one year								
2	2 năm/2 years								

Ghi chú: Trường hợp không thanh toán được, nêu rõ lý do

Note: in case of default, State the reasons

**II Báo cáo tình hình nắm giữ trái phiếu theo nhà đầu tư/Report on bond ownership according to the type of investors**

(Kỳ báo cáo từ ngày... đến ngày...)/Reporting period from... to....

Loại Nhà đầu tư	Dư nợ đầu kỳ	Thay đổi trong kỳ	Dư nợ cuối kỳ
-----------------	--------------	-------------------	---------------

Type of investors	Opening balance		Changes during the period		Closing balance	
	Giá trị Value	Tỷ trọng Percentage	Giá trị Value	Tỷ trọng Percentage	Giá trị Value	Tỷ trọng Percentage
<b>I. Nhà đầu tư trong nước/Domestic investors</b>						
1. Nhà đầu tư có tổ chức/ <i>Institutional investors</i>						
a) Tổ chức tín dụng*/ <i>Credit institutions</i>						
b) Quỹ đầu tư/ <i>Investment funds</i>						
c) Công ty chứng khoán/ <i>Securities companies</i>						
d) Công ty Bảo hiểm/ <i>Insurance companies</i>						
đ) Các tổ chức khác/ <i>Other organisations</i>						
2. Nhà đầu tư cá nhân/ <i>Individual investors</i>						
<b>II. Nhà đầu tư nước ngoài/Foreign investors</b>						
1. Nhà đầu tư có tổ chức/ <i>Institutional investors</i>						
a) Tổ chức tín dụng/ <i>Credit institutions</i>						
b) Quỹ đầu tư/ <i>Investment funds</i>						
c) Công ty chứng khoán/ <i>Securities companies</i>						
d) Công ty Bảo hiểm/ <i>Insurance companies</i>						
đ) Các tổ chức khác/ <i>Other organisations</i>						
2. Nhà đầu tư cá Nhân/ <i>Individual investors</i>						
<b>Tổng/ Total</b>						

\* Tổ chức tín dụng bao gồm: ngân hàng thương mại, công ty tài chính, công ty cho thuê tài chính, tổ chức tài chính vi mô, quỹ tín dụng nhân dân/*Credit institutions include: commercial banks, finance companies, financial leasing companies, microfinance institutions, people's credit funds.*

Nơi nhận:  
Recipients:

- ...;
- Lưu: VT, ...
- Archived: ...

**XÁC NHẬN ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT CỦA TỔ CHỨC  
PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU/ CONFIRMATION BY THE  
LEGAL REPRESENTATIVE OF THE BOND ISSUER**

(Ký, ghi rõ họ tên và đóng dấu)  
(Sign, full name and seal)

ik  
CHI  
im

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRƯỚC ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU***(Ban hành kèm theo Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)***CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RIÊNG LẺ TẠI THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC/  
CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RA THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ****DOANH NGHIỆP:** .....*(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép có giá trị tương đương số.... do.... cấp ngày... tháng...năm...)***Phần 1****TÓM TẮT THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU****I. Thông tin về doanh nghiệp**

1. Tên doanh nghiệp:
2. Địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch, địa chỉ thư điện tử:
3. Loại hình doanh nghiệp:
4. Lĩnh vực hoạt động chính:

**II. Thông tin về đợt chào bán**

1. Mã trái phiếu *(Nguyên tắc đánh mã trái phiếu thực hiện theo hướng dẫn của Sở giao dịch Chứng khoán Hà Nội):*

2. Thị trường phát hành *(đối với chào bán trái phiếu ra thị trường quốc tế):*
3. Tổng số lượng trái phiếu phát hành:
4. Khối lượng phát hành *(theo mệnh giá):*

5. Loại hình trái phiếu *(trái phiếu chuyển đổi, trái phiếu có bảo đảm, trái phiếu kèm chứng quyền, trái phiếu không chuyển đổi và không kèm chứng quyền, trái phiếu không có bảo đảm):*

6. Ngày phát hành dự kiến:
7. Các tổ chức liên quan đến đợt chào bán:

- Tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán:

Công ty: ..... *(ghi rõ địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch, địa chỉ thư điện tử).*

- Tổ chức bảo lãnh phát hành chính (nếu có):

Công ty: ..... *(ghi rõ địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch, địa chỉ thư điện tử)*

- Tổ chức đồng bảo lãnh phát hành (nếu có):

Công ty: ..... *(ghi rõ địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch, địa chỉ thư điện tử)*

Công ty: ..... *(ghi rõ địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch, địa chỉ thư điện tử)*

- Tổ chức đại diện người sở hữu trái phiếu (nếu có):

Công ty: ..... *(ghi rõ địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch, địa chỉ thư điện tử)*

- Tổ chức đại lý quản lý tài sản đảm bảo đối với trái phiếu có bảo đảm (nếu có):

PJ

Ng

Công ty: ..... (ghi rõ địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch, địa chỉ thư điện tử)

- Các tổ chức khác liên quan đến đợt chào bán trái phiếu (nếu có)

## Phần 2

### THÔNG TIN CHI TIẾT VỀ ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU

#### I. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH CÔNG BỐ THÔNG TIN

##### 1. Doanh nghiệp phát hành:

- Ông/Bà: ..... Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị/ Hội đồng thành viên/Chủ tịch Ngân hàng

- Ông/Bà: ..... Chức vụ: Giám đốc (Tổng giám đốc)

- Ông/Bà: ..... Chức vụ: Kế toán trưởng (Giám đốc Tài chính)

- Ông/Bà: ..... Chức vụ: Trưởng ban kiểm soát/ Kiểm soát viên

Chúng tôi cam kết rằng các thông tin và số liệu trong Bản công bố thông tin này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm tập thể và cá nhân về tính trung thực, chính xác của những thông tin và số liệu này. Chúng tôi đảm bảo không có thông tin hoặc số liệu sai sót có thể gây ảnh hưởng đối với các thông tin trong Bản công bố thông tin này.

##### 2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật (hoặc đại diện được ủy quyền):

Ông/Bà: ..... Chức vụ: .....

Theo Giấy ủy quyền số ... ngày ... tháng ... năm ... của Người đại diện theo pháp luật (trường hợp đại diện được ủy quyền)

Bản công bố thông tin này là một phần của hồ sơ chào bán trái phiếu riêng lẻ (tên Tổ chức tư vấn) tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn số ... ngày ... tháng ... năm ... với (tên Tổ chức phát hành). Tổ chức tư vấn có trách nhiệm rà soát việc đáp ứng đầy đủ quy định về điều kiện chào bán và hồ sơ chào bán trái phiếu theo quy định tại Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế và pháp luật chứng khoán, đồng thời chịu trách nhiệm về việc rà soát của mình.

#### II. THÔNG TIN VỀ DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển: (nêu rõ tên doanh nghiệp, loại hình doanh nghiệp (Ngân hàng, công ty cổ phần chưa đại chúng, công ty trách nhiệm hữu hạn), ngành nghề kinh doanh chính, thời gian hoạt động kể từ ngày được cấp lần đầu Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật. Trường hợp sáp nhập/hợp nhất/tổ chức lại, nêu rõ tên doanh nghiệp, Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép có giá trị tương đương theo quy định của pháp luật, ngành nghề kinh doanh trước khi sáp nhập/hợp nhất/tổ chức lại.)

2. Cơ cấu tổ chức của doanh nghiệp:

- Tổ chức, bộ máy của doanh nghiệp

- Vị trí của doanh nghiệp (Doanh nghiệp độc lập hay doanh nghiệp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - con)

+ Trường hợp hoạt động theo mô hình công ty mẹ - con: danh sách công ty mẹ và công ty con của doanh nghiệp phát hành, những công ty mà doanh nghiệp phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với doanh nghiệp phát hành;

+ Hội đồng quản trị/Hội đồng thành viên/Chủ tịch Ngân hàng, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng: (tên, sơ yếu lý lịch).



3. Tóm tắt hoạt động kinh doanh chính và các dự án chính đã/đang triển khai của doanh nghiệp phát hành.

4. Chính sách chia lợi nhuận hoặc cổ tức (nếu rõ tỷ lệ lợi nhuận đã chia hoặc tỷ lệ cổ tức trong hai năm gần nhất và các chính sách liên quan đến việc chia lợi nhuận hoặc trả cổ tức) (Chi áp dụng đối với trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi hoặc kèm theo chứng quyền):

5. Tình hình tài chính

- Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của doanh nghiệp trong 3 năm liền kề trước năm phát hành theo báo cáo tài chính

Chỉ tiêu	Năm...	Năm...	Năm...
- Vốn chủ sở hữu			
- Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu			
- Dư nợ trái phiếu/vốn chủ sở hữu			
- Lợi nhuận sau thuế			
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu			
- Tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của pháp luật			

- Tình hình thanh toán gốc và lãi của trái phiếu đã phát hành hoặc thanh toán các khoản nợ đến hạn trong 03 năm liền tiếp trước đợt phát hành (nếu có);

- Tình hình nộp ngân sách nhà nước trong 03 năm liền tiếp trước đợt phát hành.

### III. THÔNG TIN VỀ ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU

1. Căn cứ pháp lý của đợt chào bán.

2. Việc đáp ứng các điều kiện phát hành trái phiếu của doanh nghiệp: (nếu rõ việc đáp ứng từng điều kiện chào bán trái phiếu kèm theo hồ sơ và tài liệu chứng minh theo quy định tại Điều 9, Điều 10 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế đối với phát hành tại thị trường trong nước; theo quy định tại Điều 25 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP đối với phát hành ra thị trường quốc tế)

3. Mục đích của đợt phát hành trái phiếu (nếu cụ thể theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 13 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế)

4. Điều kiện, điều khoản của trái phiếu (theo quy định tại Điều 6 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế), cụ thể:

- Khối lượng trái phiếu dự kiến phát hành (chi tiết số lượng và mệnh giá):

- Kỳ hạn trái phiếu:

- Đồng tiền phát hành và thanh toán:

- Hình thức trái phiếu:

- Lãi suất danh nghĩa dự kiến (trường hợp lãi suất thả nổi, lãi suất kết hợp thì nêu cách thức xác định lãi suất):

- Loại hình trái phiếu:

5. Ngày phát hành dự kiến (nếu rõ ngày cụ thể):

6. Thị trường phát hành (đối với phát hành ra thị trường quốc tế):

7. Phương thức phát hành:

8. Quyền của nhà đầu tư sở hữu trái phiếu.

9. Phương thức thực hiện quyền (trong trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi, phát hành trái phiếu kèm chứng quyền),

- Các quyền kèm theo trái phiếu;

- Điều kiện, thời gian thực hiện quyền;

- Tỷ lệ chuyển đổi và phương pháp tính giá mua và/hoặc chuyển đổi;

- Phương pháp tính và cách thức đền bù thiệt hại trong trường hợp không thực hiện được quyền;

- Các điều khoản khác liên quan đến quyền lợi của người sở hữu chứng quyền.

10. Cam kết về đảm bảo (trong trường hợp phát hành trái phiếu có đảm bảo)

- Hình thức đảm bảo (bào lãnh thanh toán toàn bộ hoặc một phần lãi, gốc khi đến hạn bằng tài sản của doanh nghiệp phát hành hoặc tài sản của bên thứ ba theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm; hoặc được bào lãnh thanh toán theo quy định của pháp luật)

- Tài sản đảm bảo (liệt kê chi tiết tài sản, giá trị tài sản, hiện trạng pháp lý của tài sản, tên tổ chức định giá, hợp đồng bảo hiểm, nếu có ...).

11. Mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu (nếu rõ phương án mua lại hoặc hoán đổi).

12. Cam kết của doanh nghiệp phát hành trái phiếu.

13. Các điều khoản và điều kiện khác (nếu có).

#### **IV. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN VÀ KẾ HOẠCH THANH TOÁN GỐC LÃI CHO NHÀ ĐẦU TƯ**

1. Kế hoạch sử dụng tiền thu được từ đợt phát hành trái phiếu: (nếu rõ thời gian giải ngân nguồn vốn từ phát hành trái phiếu).

2. Phương thức, kế hoạch, dự kiến dòng tiền thanh toán gốc, lãi cho nhà đầu tư

Riêng đối với trái phiếu xanh, nêu rõ danh mục dự án sử dụng vốn thuộc lĩnh vực bảo vệ môi trường, dự án mang lại lợi ích về môi trường theo quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường; quy trình hạch toán, quản lý, giải ngân vốn từ đợt chào bán trái phiếu theo quy định tại Khoản 3 Điều 5 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP.

#### **V. CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN**

Nêu rõ địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch, địa chỉ thư điện tử của các tổ chức liên quan đến đợt chào bán: tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu; tổ chức đăng ký, lưu ký; tổ chức đấu thầu, bào lãnh phát hành hoặc đại lý phát hành (nếu có); tổ chức đại diện người sở hữu trái phiếu (nếu có); tổ chức quản lý tài sản đảm bảo (nếu có)...

#### **VI. CÁC RỦI RO CÓ THỂ XẢY RA LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU**

Doanh nghiệp phát hành thống kê các yếu tố rủi ro có thể xảy ra ảnh hưởng đến doanh nghiệp phát hành và đợt phát hành trái phiếu, bao gồm các rủi ro về luật pháp, rủi ro về hoạt động sản xuất kinh doanh, rủi ro về tình hình tài chính, rủi ro khác.

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT HOẶC  
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

## PHỤ LỤC

(Kèm theo Bản công bố thông tin trước đợt chào bán trái phiếu)

1. **Phụ lục I:** Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép có giá trị tương đương; Bản sao Quyết định bổ nhiệm người đại diện theo pháp luật, Kế toán trưởng của doanh nghiệp.
2. **Phụ lục II:** Bản sao hợp lệ Điều lệ Ngân hàng.
3. **Phụ lục III:** Bản sao các báo cáo tài chính, báo cáo tài chính được kiểm toán hoặc báo cáo tài chính soát xét.
4. **Phụ lục IV:** Bản sao hợp lệ Phương án phát hành trái phiếu được cấp có thẩm quyền phê duyệt, chấp thuận kèm theo văn bản phê duyệt, chấp thuận.
5. **Phụ lục V:** Bản sao hợp lệ công văn xác nhận của Ngân hàng Nhà nước Việt Nam về khối lượng phát hành nằm trong hạn mức vay thương mại quốc gia (trường hợp phát hành ra thị trường quốc tế).
6. **Phụ lục VI:** Các tài liệu làm rõ về mục đích phát hành trái phiếu (nếu có).
7. **Phụ lục VII:** Biên bản xác định giá trị tài sản đảm bảo và các hồ sơ, tài liệu pháp lý của tài sản đảm bảo (trong trường hợp phát sinh).
8. **Phụ lục VIII:** Báo cáo về những tranh chấp pháp luật (trong trường hợp phát sinh).
9. **Các phụ lục khác** (nếu có).

(\*) Trường hợp có sự thay đổi về nội dung thông tin so với thông tin đã công bố trước khi chào bán trái phiếu làm ảnh hưởng đến khả năng trả nợ lãi, gốc trái phiếu, doanh nghiệp phát hành trái phiếu phải công bố thông tin bất thường cho nhà đầu tư sở hữu trái phiếu và gửi nội dung công bố thông tin cho Sở Giao dịch Chứng khoán theo quy định tại Điều 22 và Điều 31 Nghị định số 153/2020/NĐ-CP của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế.

Bank  
P CHẾ  
năm \_\_\_\_\_

**CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

**Mẫu số 2.1. Đối với phát hành tại thị trường trong nước**

**CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RIÊNG LẺ  
DOANH NGHIỆP:.....**

*(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép có giá trị tương đương số,.... do.... cấp ngày... tháng...năm....)*

**THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ ĐỢT CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU RIÊNG LẺ**

**I. THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ CHÀO BÁN TRÁI PHIẾU**

**1. Thông tin về doanh nghiệp**

- Tên doanh nghiệp:
- Địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch, địa chỉ thư điện tử:
- Loại hình doanh nghiệp:
- Lĩnh vực hoạt động chính:

**2. Mã trái phiếu (Nguyên tắc đánh mã trái phiếu thực hiện theo hướng dẫn của Sở giao dịch Chứng khoán**

*Hà Nội):*

**3. Điều kiện, điều khoản của trái phiếu:**

- Khối lượng trái phiếu phát hành (*chi tiết số lượng trái phiếu và mệnh giá*):
- Kỳ hạn:
- Loại hình trái phiếu:
- Hình thức trái phiếu:
- Lãi suất danh nghĩa và kỳ hạn trả lãi:
- Lãi suất phát hành thực tế:

**4. Ngày phát hành và ngày đáo hạn:**

**5. Mục đích phát hành:**

**6. Phương thức phát hành:**

**7. Phương thức thanh toán gốc, lãi trái phiếu:**

**8. Quyền của nhà đầu tư sở hữu trái phiếu:**

**9. Phương thức thực hiện quyền (*trong trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi, phát hành trái phiếu có kèm chứng quyền*):**

- Các quyền kèm theo trái phiếu;
- Điều kiện, thời gian thực hiện quyền;
- Tỷ lệ chuyển đổi và phương pháp tính giá mua và/hoặc chuyển đổi;
- Phương pháp tính và cách thức đền bù thiệt hại trong trường hợp không thực hiện được quyền;
- Các điều khoản khác liên quan đến quyền lợi của người sở hữu chứng quyền.

**Vietco  
IÒNG P**

1y-73-1hán

10. Cam kết về đảm bảo (trong trường hợp phát hành trái phiếu có đảm bảo)

- Hình thức đảm bảo (bảo lãnh thanh toán toàn bộ hoặc một phần lãi, gốc khi đến hạn bằng tài sản của doanh nghiệp phát hành hoặc tài sản của bên thứ ba theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm; hoặc được bảo lãnh thanh toán theo quy định của pháp luật);

- Tài sản đảm bảo (liệt kê chi tiết tài sản, giá trị tài sản, tên tổ chức định giá, cách tính, hợp đồng bảo hiểm, nếu có ...);

- .....

11. Mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu.

**II. NHÀ ĐẦU TƯ MUA TRÁI PHIẾU**

1. Danh sách nhà đầu tư mua trái phiếu

STT	Nhà đầu tư trái phiếu	Giá trị nắm giữ (đồng)	Tỷ trọng (%)
<b>I</b>	<b>Nhà đầu tư trong nước</b>		
1	Nhà đầu tư tổ chức		
	...		
2	Nhà đầu tư cá nhân		
	...		
<b>II</b>	<b>Nhà đầu tư nước ngoài</b>		
1	Nhà đầu tư tổ chức		
	...		
2	Nhà đầu tư cá nhân		
	...		
	<b>Tổng</b>		<b>100%</b>

2. Cơ cấu nhà đầu tư mua trái phiếu:

STT	Nhà đầu tư trái phiếu	Số lượng nhà đầu tư	Tỷ trọng (%)
<b>I</b>	<b>Nhà đầu tư trong nước</b>		
1	Nhà đầu tư tổ chức		
	a) Tổ chức tín dụng (theo quy định tại Luật Các tổ chức tín dụng)		

	b) Công ty chứng khoán		
	c) Quỹ đầu tư chứng khoán		
	d) Công ty bảo hiểm		
	e) Các tổ chức khác		
2	Nhà đầu tư cá nhân chuyên nghiệp		
	<i>Tổng nhà đầu tư trong nước</i>		
<b>II</b>	<b>Nhà đầu tư nước ngoài</b>		
1	Nhà đầu tư tổ chức		
	a) Tổ chức tín dụng		
	b) Công ty chứng khoán		
	c) Quỹ đầu tư chứng khoán		
	d) Công ty bảo hiểm		
	e) Các tổ chức khác		
2	Nhà đầu tư cá nhân chuyên nghiệp		
	<i>Tổng nhà đầu tư nước ngoài</i>		
	<b>Tổng</b>		<b>100%</b>

### III. CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

Nêu rõ địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch, địa chỉ thư điện tử của các tổ chức liên quan đến đợt chào bán: tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu; tổ chức đăng ký, lưu ký; tổ chức đấu thầu, bảo lãnh phát hành hoặc đại lý phát hành (nếu có); tổ chức đại diện người sở hữu trái phiếu (nếu có); tổ chức quản lý tài sản đảm bảo (nếu có)...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**

(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

7  
nk  
CH  
75  
im

Mẫu số 2.2. Phát hành ra thị trường quốc tế

**CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RA THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ  
DOANH NGHIỆP: .....**

(Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc Giấy phép có giá trị tương đương số.... do.... cấp ngày...tháng...năm...)

**THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ ĐỢT PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU RA THỊ TRƯỜNG QUỐC TẾ**

**I. THÔNG TIN VỀ KẾT QUẢ PHÁT HÀNH TRÁI PHIẾU**

1. Thông tin về doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp:
- Địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch, địa chỉ thư điện tử:
- Loại hình doanh nghiệp:
- Lĩnh vực hoạt động chính:

2. Mã trái phiếu:

3. Điều kiện, điều khoản của trái phiếu:

- Khối lượng trái phiếu phát hành (chỉ tiết số lượng trái phiếu và mệnh giá):
- Kỳ hạn:
- Đồng tiền phát hành:
- Ngày phát hành:
- Ngày đáo hạn:
- Lãi suất danh nghĩa và kỳ hạn trả lãi:
- Lãi suất phát hành thực tế:

4. Thị trường phát hành:

5. Mục đích phát hành:

6. Phương thức phát hành:

7. Phương thức thanh toán gốc, lãi trái phiếu:

8. Phương thức thực hiện quyền (trong trường hợp phát hành trái phiếu chuyển đổi, phát hành trái phiếu có kèm chứng quyền):

- Các quyền kèm theo trái phiếu;
- Điều kiện, thời gian thực hiện quyền;
- Tỷ lệ chuyển đổi và phương pháp tính giá mua và/hoặc chuyển đổi;
- Phương pháp tính và cách thức đền bù thiệt hại trong trường hợp không thực hiện được quyền;
- Các điều khoản khác liên quan đến quyền lợi của người sở hữu chứng quyền.

9. Cam kết về đảm bảo (trong trường hợp phát hành trái phiếu có đảm bảo)

- Hình thức đảm bảo (bảo lãnh thanh toán toàn bộ hoặc một phần lãi, gốc khi đến hạn bằng tài sản của doanh nghiệp phát hành hoặc tài sản của bên thứ ba theo quy định của pháp luật về giao dịch bảo đảm; hoặc được bảo lãnh thanh toán theo quy định của pháp luật);

- Tài sản đảm bảo (liệt kê chi tiết tài sản, giá trị tài sản, tên tổ chức định giá, cách tính, hợp đồng bảo hiểm, nếu có ...);

PI  
Ng

10. Mua lại trái phiếu trước hạn, hoán đổi trái phiếu.

## II. CÁC TỔ CHỨC LIÊN QUAN TỚI ĐỢT CHÀO BÁN

Nêu rõ địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch, địa chỉ thư điện tử của các tổ chức liên quan đến đợt chào bán: tổ chức tư vấn hồ sơ chào bán trái phiếu; tổ chức đăng ký, lưu ký; tổ chức đấu thầu, bảo lãnh phát hành hoặc đại lý phát hành (nếu có); tổ chức đại diện người sở hữu trái phiếu (nếu có); tổ chức quản lý tài sản đảm bảo (nếu có)...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT HOẶC  
NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

\_\_\_\_\_

**Vietcom**  
**ÔNG PI**  
y \_\_\_\_ tháng



**CÔNG BỐ THÔNG TIN ĐỊNH KỲ CỦA DOANH NGHIỆP PHÁT HÀNH***(Ban hành kèm theo Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)***Mẫu số 3.1. Công bố thông tin về tình hình tài chính****TÊN DOANH NGHIỆP****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM****Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

V/v: Công bố thông tin định kỳ về  
tình hình tài chính

..., ngày tháng năm ...

Kính gửi:.....

Căn cứ quy định tại Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, (...tên Doanh nghiệp phát hành...) gửi nội dung công bố thông tin định kỳ về tình hình tài chính như sau:

**1. Thông tin doanh nghiệp**

- Tên doanh nghiệp:
- Địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch, địa chỉ thư điện tử:
- Loại hình doanh nghiệp:
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:

**2. Tình hình tài chính**

- Kỳ báo cáo: 6 tháng/ năm (từ ngày... đến ngày...)
- Các chỉ tiêu tài chính cơ bản của doanh nghiệp trong kỳ:

Chỉ tiêu	Kỳ trước	Kỳ báo cáo
- Vốn chủ sở hữu		
- Hệ số nợ phải trả/vốn chủ sở hữu		
- Dư nợ trái phiếu/vốn chủ sở hữu		
- Lợi nhuận sau thuế		
- Tỷ suất lợi nhuận sau thuế/ vốn chủ sở hữu (ROE)		
- Tỷ lệ an toàn vốn theo quy định của pháp luật chuyên ngành		

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác của thông tin công bố nêu trên./.

**Nơi nhận:**

- .....
- Lưu:...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP  
LUẬT HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Tài liệu kèm theo bao gồm:

Báo cáo tài chính 6 tháng, Báo cáo tài chính năm đã được kiểm toán hoặc đã được soát xét (nếu có); Báo cáo tài chính năm chưa kiểm toán và Báo cáo tài chính 6 tháng chưa kiểm toán, chưa được soát xét đã được Đại hội đồng cổ đông/ Hội đồng quản trị/ Hội đồng thành viên/ Chủ tịch Ngân hàng xác nhận số liệu.

**Mẫu số 3.2. Công bố thông tin về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu**

**TÊN DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

V/v: Công bố thông tin định kỳ về tình hình  
thanh toán gốc, lãi

....., ngày tháng năm ....

Kính gửi: .....

Căn cứ quy định tại Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, (...tên Doanh nghiệp phát hành...) gửi nội dung công bố thông tin định kỳ về tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu như sau:

1. Thông tin doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp:
- Địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch, địa chỉ thư điện tử:
- Loại hình doanh nghiệp:
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:

2. Tình hình thanh toán gốc, lãi trái phiếu: Kỳ báo cáo: 6 tháng/ năm (từ ngày ... đến ngày ...)

STT	Mã trái phiếu	Kỳ hạn	Ngày phát hành	Đồng tiền phát hành	Giá trị phát hành (theo mệnh giá)	Giá trị đang lưu hành (theo mệnh giá)	Kỳ trả lãi	Ngày thanh toán theo kế hoạch	Thanh toán lãi			Thanh toán gốc			Lý do chậm/ không thanh toán gốc, lãi (nếu có)
									Số tiền phải thanh toán	Số tiền đã thanh toán	Ngày thanh toán thực tế	Số tiền phải thanh toán	Số tiền đã thanh toán	Ngày thanh toán thực tế	

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác của thông tin công bố nêu trên./.

Nơi nhận:

- .....
- Lưu:...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

CHỖ CHỮ

**Mẫu 3.3. Báo cáo tình hình sử dụng nguồn vốn từ phát hành trái phiếu**

**TÊN DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

V/v: Công bố thông tin định kỳ về  
tình hình sử dụng vốn trái phiếu

....., ngày tháng năm ....

Kính gửi:.....

Căn cứ quy định tại Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và chế độ báo cáo theo quy định của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, (...tên Doanh nghiệp phát hành...) gửi nội dung công bố thông tin định kỳ về việc sử dụng nguồn vốn từ phát hành trái phiếu như sau:

**1. Thông tin doanh nghiệp**

- Tên doanh nghiệp:
- Địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch, địa chỉ thư điện tử:
- Loại hình doanh nghiệp:
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:

**2. Mục đích sử dụng vốn theo phương án phát hành**

Căn cứ phương án phát hành trái phiếu đã được phê duyệt tại...

- Tổng khối lượng huy động từ phát hành trái phiếu (theo mệnh giá) và khối lượng phát hành theo từng mã trái phiếu.

- Mục đích sử dụng vốn: *(Thông tin cụ thể về chương trình, dự án đầu tư; các hoạt động sản xuất, kinh doanh cần bổ sung vốn; nguồn vốn được cơ cấu (tên khoản nợ hoặc vốn chủ sở hữu được cơ cấu, giá trị của khoản nợ hoặc vốn chủ sở hữu được cơ cấu). Đối với tổ chức tín dụng, công ty chứng khoán phải nêu rõ mục đích phát hành trái phiếu để tăng vốn cấp 2 hoặc để cho vay, đầu tư hoặc sử dụng cho mục đích phát hành trái phiếu theo quy định của pháp luật chuyên ngành).*

**3. Tình hình sử dụng vốn và tiến độ giải ngân:**

**3.1. Đối với mục đích sử dụng vốn để đầu tư chương trình, dự án và cơ cấu lại nguồn vốn**

STT	Dự án sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu	Phương án phát hành		Thực tế	
		Thời gian giải ngân	Giá trị giải ngân	Thời gian giải ngân	Giá trị giải ngân
1.	<b>Đầu tư chương trình, dự án</b>				
	- Chương trình/Dự án A	(theo từng lần)			
	- Chương trình/Dự án B	(theo từng lần)			
	...				
2.	<b>Cơ cấu lại nguồn vốn</b>				
	- Từng khoản nợ/ vốn chủ sở hữu	(theo từng lần)			

...				
<b>Tổng</b>				

3.2. Đối với mục đích sử dụng vốn để tăng quy mô vốn hoạt động

	Mục đích sử dụng	Kế hoạch	Đã sử dụng
<b>A. Đối với tổ chức tín dụng, công ty chứng khoán</b>			
1	Tăng vốn cấp 2		
	+ Hoạt động cho vay		
	+ Hoạt động đầu tư		
	+ Hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành		
2	Tăng quy mô vốn khác		
	+ Hoạt động cho vay		
	+ Hoạt động đầu tư		
	+ Hoạt động kinh doanh khác theo quy định của pháp luật chuyên ngành		
<b>B. Đối với các doanh nghiệp khác</b>			
1	Hoạt động sản xuất A		
2	Hoạt động kinh doanh B		
3	Hoạt động kinh doanh khác		
	<b>Tổng</b>		

3.3. Đối với mục đích sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu xanh tại thị trường trong nước

STT	Dự án sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu xanh	Phương án phát hành		Thực tế	
		Thời gian giải ngân	Giá trị giải ngân	Thời gian giải ngân	Giá trị giải ngân
	- Chương trình/Dự án A	(theo từng lần)			
	- Chương trình/Dự án B	(theo từng lần)			

	...				
	<b>Tổng</b>				

Bao gồm tài liệu kèm theo (\*)

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác của thông tin công bố nêu trên./.

**Nơi nhận:**

- .....
- Lưu:...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP  
LUẬT HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

*\*Tài liệu kèm theo đối với chào bán trái phiếu xanh tại thị trường trong nước bao gồm:*

- Báo cáo tiến độ thực hiện dự án;
- Báo cáo về việc hạch toán, quản lý sử dụng vốn từ phát hành trái phiếu có ý kiến soát xét của tổ chức kiểm toán (đối với báo cáo năm);
- Báo cáo đánh giá tác động môi trường (đối với báo cáo năm).

atcom

G PH.

tháng

**CÔNG BỐ THÔNG TIN VỀ TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI, TRÁI PHIẾU KÈM CHỨNG QUYỀN,  
MUA LẠI TRÁI PHIẾU TRƯỚC HẠN VÀ HOÁN ĐỔI TRÁI PHIẾU**  
(Ban hành kèm theo Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

**Mẫu số 4.1. Công bố thông tin về kết quả chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu**

**TÊN DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

V/v: Công bố thông tin về kết quả  
chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu

....., ngày tháng năm ....

Kính gửi:.....

Căn cứ quy định tại Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, (...tên Doanh nghiệp phát hành...) công bố thông tin kết quả chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu như sau:

**1. Thông tin doanh nghiệp**

- Tên doanh nghiệp:
- Địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch, địa chỉ thư điện tử:
- Loại hình doanh nghiệp:
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:


**2. Kết quả thực hiện chuyển đổi**

**2.1. Thông tin trái phiếu thực hiện chuyển đổi**

- Mã trái phiếu được chuyển đổi:
- Mệnh giá:
- Đồng tiền phát hành:
- Kỳ hạn:
- Ngày phát hành:
- Khối lượng trái phiếu phát hành:
- Thị trường phát hành (trong trường hợp phát hành ra thị trường quốc tế):

**2.2. Kết quả thực hiện chuyển đổi**

- Ngày chốt danh sách trái chủ:
- Ngày thực hiện chuyển đổi:
- Số lượng trái phiếu được chuyển đổi:
- Tổng khối lượng trái phiếu được chuyển đổi theo mệnh giá trái phiếu:
- Thời gian lưu ký, niêm yết, giao dịch trái phiếu chuyển đổi:

  
 ank  
 P CI  
 năm  
 \_\_\_\_\_

- Các văn bản đề nghị lưu ký, niêm yết, giao dịch (nếu có).

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác của thông tin công bố nêu trên./.

Nơi nhận:

- .....;  
- Lưu:...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP  
LUẬT HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

**Mẫu số 4.2. Công bố thông tin về kết quả thực hiện quyền của chứng quyền**

**TÊN DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

V/v: Công bố thông tin về kết quả thực hiện quyền của chứng quyền

....., ngày tháng năm ....

Kính gửi:.....

Căn cứ quy định tại Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, (...tên Doanh nghiệp phát hành...) công bố thông tin kết quả thực hiện quyền của chứng quyền như sau:

1. Thông tin doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp:
- Địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch, địa chỉ thư điện tử:
- Loại hình doanh nghiệp:
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:

2. Kết quả thực hiện quyền

2.1. Thông tin trái phiếu thực hiện quyền

- Mã trái phiếu:
- Mệnh giá:
- Kỳ hạn:
- Ngày phát hành:
- Khối lượng trái phiếu phát hành (cụ thể số lượng trái phiếu và mệnh giá):
- Thị trường phát hành (trong trường hợp phát hành ra thị trường quốc tế):

2.2. Kết quả thực hiện quyền

- Ngày chốt danh sách trái chủ:
- Ngày thực hiện quyền:
- Số lượng chứng quyền phát hành:
- Tỷ lệ thực hiện quyền mua cổ phiếu:

- Khối lượng trái phiếu đã thực hiện quyền (*cụ thể số lượng trái phiếu và mệnh giá*):

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác của thông tin công bố nêu trên./.

Nơi nhận:

- .....
- Lưu:...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP  
LUẬT HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*

**Mẫu số 4.3. Công bố thông tin trước đợt mua lại trái phiếu trước hạn**

**TÊN DOANH NGHIỆP**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

V/v: Công bố thông tin về đợt mua  
lại trái phiếu

....., ngày tháng năm ....

Kính gửi:.....

Căn cứ quy định tại Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, (...tên Doanh nghiệp phát hành...) công bố thông tin về đợt mua lại trái phiếu trước hạn như sau:

**1. Thông tin doanh nghiệp**

- Tên doanh nghiệp:
- Địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch, địa chỉ thư điện tử:
- Loại hình doanh nghiệp:
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:

**2. Thông tin về đợt mua lại**

- Mã trái phiếu mua lại:
- Phương thức tổ chức mua lại:
- Khối lượng trái phiếu dự kiến mua lại (*theo mệnh giá*):
- Điều kiện, điều khoản của trái phiếu được mua lại trước hạn:
- Nguồn mua lại:
- Thời gian dự kiến tổ chức mua lại:

*(kèm theo Phương án mua lại đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt)*

**3. Các tổ chức tham gia đợt mua lại:**

Nêu rõ địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch, địa chỉ thư điện tử của các tổ chức liên quan đến đợt mua lại: tổ chức đăng ký, lưu ký; tổ chức đại diện người sở hữu trái phiếu (nếu có); tổ chức quản lý tài sản đảm bảo (nếu có)...

Nơi nhận:

- .....
- Lưu:...

**NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN**  
*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)*



Mẫu số 4.4. Công bố thông tin về kết quả mua lại trái phiếu trước hạn

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

V/v: Công bố thông tin về kết quả  
mua lại trái phiếu trước hạn

....., ngày tháng năm ....

Kính gửi:.....

Căn cứ quy định tại Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, (...tên Doanh nghiệp phát hành...) công bố thông tin kết quả mua lại trái phiếu trước hạn như sau:

1. Thông tin doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp:
- Địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch, địa chỉ thư điện tử:
- Loại hình doanh nghiệp:
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:

2. Kết quả mua lại trái phiếu trước hạn

Thị trường phát hành trái phiếu (trong trường hợp trái phiếu phát hành ra thị trường quốc tế)

STT	Mã trái phiếu	Mệnh giá (nêu rõ đồng tiền phát hành)	Kỳ hạn	Ngày phát hành	Ngày đáo hạn	Khối lượng phát hành (theo mệnh giá)	Khối lượng đang lưu hành (theo mệnh giá)	Khối lượng mua lại (theo mệnh giá)	Ngày thực hiện	Khối lượng còn lại sau khi mua lại (theo mệnh giá)

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác của thông tin công bố nêu trên.

Nơi nhận:

- .....
- Lưu:....

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP  
LUẬT HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

atcomba

G PHÁI

tháng

Mẫu số 4.5. Công bố thông tin trước đợt hoán đổi trái phiếu

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

V/v: Công bố thông tin về đợt hoán đổi trái phiếu

....., ngày tháng năm ....

Kính gửi:.....

Căn cứ quy định tại Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, (...tên Doanh nghiệp phát hành...) công bố thông tin về đợt hoán đổi trái phiếu như sau:

1. Thông tin doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp:
- Địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch, địa chỉ thư điện tử:
- Loại hình doanh nghiệp:
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:

2. Thông tin về đợt hoán đổi

- Phương thức tổ chức hoán đổi (*thỏa thuận trực tiếp hoặc đấu thầu*).
- Giá trị dự kiến hoán đổi (theo mệnh giá):
- Điều kiện, điều khoản của trái phiếu hoán đổi:

STT	Trái phiếu bị hoán đổi						Trái phiếu được hoán đổi (dự kiến)				
	Mã trái phiếu	Kỳ hạn	Ngày phát hành	Giá trái phiếu bị hoán đổi	Số lượng bị hoán đổi	Khối lượng trái phiếu bị hoán đổi	Mã trái phiếu	Kỳ hạn	Giá trái phiếu được hoán đổi	Số lượng được hoán đổi	Khối lượng trái phiếu được hoán đổi

- Thời gian dự kiến tổ chức hoán đổi:

(kèm theo Phương án hoán đổi đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt)

3. Các tổ chức tham gia đợt hoán đổi

Nếu rõ địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch, địa chỉ thư điện tử của các tổ chức liên quan đến đợt hoán đổi: tổ chức đăng ký, lưu ký; tổ chức đại diện người sở hữu trái phiếu (nếu có); tổ chức quản lý tài sản đảm bảo (nếu có)...

Nơi nhận:

- .....
- Lưu:...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP LUẬT  
HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Mẫu số 4.6. Công bố thông tin về kết quả hoán đổi trái phiếu

TÊN DOANH NGHIỆP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: .....

V/v: Công bố thông tin về kết quả  
hoán đổi trái phiếu

....., ngày tháng năm ....

Kính gửi:.....

Căn cứ quy định tại Thông tư số 122/2020/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ công bố thông tin và báo cáo theo quy định của Nghị định số 153/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2020 của Chính phủ quy định về chào bán, giao dịch trái phiếu doanh nghiệp riêng lẻ tại thị trường trong nước và chào bán trái phiếu doanh nghiệp ra thị trường quốc tế, (...tên Doanh nghiệp phát hành...) công bố thông tin kết quả hoán đổi trái phiếu như sau:

1. Thông tin doanh nghiệp

- Tên doanh nghiệp:
- Địa chỉ trụ sở chính, số điện thoại, số fax giao dịch, địa chỉ thư điện tử:
- Loại hình doanh nghiệp:
- Lĩnh vực hoạt động kinh doanh chính:

2. Kết quả hoán đổi trái phiếu

Thị trường phát hành trái phiếu (trong trường hợp trái phiếu phát hành ra thị trường quốc tế):

STT	Ngày hoán đổi	Tỷ lệ hoán đổi	Trái phiếu bị hoán đổi					Trái phiếu được hoán đổi					
			Mã trái phiếu	Kỳ hạn	Ngày phát hành	Giá trái phiếu bị hoán đổi	Khối lượng bị hoán đổi	Tên/ Mã trái phiếu	Kỳ hạn	Ngày phát hành	Giá trái phiếu được hoán đổi	Khối lượng được hoán đổi	

- Số tiền phát sinh sau làm tròn trong trường hợp tỷ lệ hoán đổi dẫn tới số lượng trái phiếu hoán đổi bị lẻ.

Chúng tôi cam kết chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về nội dung, tính chính xác của thông tin công bố nêu trên.

Nơi nhận:

- .....
- Lưu:...

NGƯỜI ĐẠI DIỆN THEO PHÁP  
LUẬT HOẶC NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu)

Ê

**BÁO CÁO VỀ NGÀY TRỞ THÀNH/KHÔNG CÒN LÀ CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẪM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CỔ PHIẾU/ CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG**

**REPORT ON THE DAY BECOMING/CEASING TO BE MAJOR SHAREHOLDERS OR INVESTORS OWNING 5% OR MORE OF SHARES/ CLOSED-END FUND CERTIFICATES**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

*(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)*

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN  
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM  
JSC BANK FOR FOREIGN TRADE OF  
VIETNAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom – Happiness**

Số: ..../BC-....  
No: ..../BC-....

..., ngày... tháng...năm...  
..., month... day...year...

**BÁO CÁO**

**Về ngày trở thành/ không còn là cổ đông lớn nhất, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng**

**REPORT ON THE DAY BECOMING/CEASING TO BE MAJOR SHAREHOLDERS, INVESTORS OWNING 5% OR MORE OF SHARES/ CLOSED-END FUND CERTIFICATES**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán;  
- Tên Ngân hàng/ Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.  
To: - The State Securities Commission;  
- The Stock Exchange;  
- Name of The public company/The fund management company.

**1. Thông tin về cá nhân/tổ chức đầu tư/Information on individual/organization:**

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức đầu tư /Name of individual/ organisation:

- Quốc tịch/Nationality:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/ID card No./Passport No. (as for individuals) or Business Registration Certificate No., License on Operations or relevant legal documents (as for organizations), date of issue, place of issue.

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/ Contact Address/ address of head office:

- Điện thoại Telephone: ..... Fax: ..... Email: ..... Website:.....

**2. Người có liên quan của cá nhân/tổ chức đầu tư (đang nắm giữ cùng loại cổ phiếu/chứng chỉ quỹ)/Affiliated persons/organisation (currently owning the same types of shares/fund certificates):**

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức có liên quan/Full name of affiliated persons:

- Quốc tịch/Nationality:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi Cấp/*ID card No./Passport No. (as for individuals) or Business Registration Certificate No. or License on Operations or relevant legal documents (as for organizations), date of issue, place of issue.*

- Chức vụ hiện nay tại Ngân hàng/công ty quản lý quỹ (nếu có)/ *Current position at the public company/fund management company (if any):*

- Mọi quan hệ với cá nhân/tổ chức đầu tư/*Relationship with individuals/ organisations:*

- Tỷ lệ sở hữu chứng khoán/ *Ownership percentage of shares:*

3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/mã chứng khoán sở hữu/*Name & code of shares/fund certificates owned:*

4. Các tài khoản giao dịch có chứng khoán nêu tại mục 3/*Trading accounts with securities mentioned in the paragraph 3 above: Tại công ty chứng khoán/At the securities company:*

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares or fund certificates owned before the transaction:*

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã mua/bán/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi tại ngày làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và trở thành/hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư sở hữu từ 5% cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ của quỹ đóng/*Number of shares or fund certificates purchased, sold, transferred or swapped at the date that changed the ownership percentage and became or ceased to be a major shareholder or investor owning 5% or more of closed-end fund's certificates:*

7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch (hoặc thực hiện hoán đổi)/*Number, ownership percentage of shares or fund certificates owned after the transaction (or the swap):*

8. Ngày thực hiện giao dịch (hoặc thực hiện hoán đổi) làm thay đổi tỷ lệ sở hữu và trở thành cổ đông lớn/không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư nắm giữ từ 5% chứng chỉ quỹ của quỹ đóng/*The trading date (or swap date) that changed the ownership percentage and became /ceased to be a major shareholder or investor owning 5% or more of closed-end fund certificates:*

9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ người có liên quan đang nắm giữ/*Number, ownership percentage of shares or fund certificates currently owned by the affiliated persons:*

10. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ cùng người có liên quan nắm giữ sau khi giao dịch/*Number, ownership percentage of shares or fund certificates owned by individuals/organizations together with affiliated persons after the transaction:*

**Nơi nhận:**

**Recipients:**

- ...;

- Lưu: VT, ...

- Archived: ...

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BẢO CÁO/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY  
QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
ORGANIZATION/INDIVIDUAL AUTHORIZED TO  
REPORT AND DISCLOSE INFORMATION**

*(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)*

*(Signature, full name and seal - if any)*

COM

PH

háng

**BÁO CÁO VỀ THAY ĐỔI SỞ HỮU CỦA CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN  
CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG**

**REPORT ON OWNERSHIP CHANGES OF MAJOR SHAREHOLDERS/INVESTORS HOLDING 5% OR  
MORE OF SHARES/CLOSE-ENDED FUND CERTIFICATES**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ  
Tài chính)*

*(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)*

**TÊN NGÂN HÀNG/CÁ NHÂN**  
**BANK'S NAME/NAME**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom – Happiness**

Số: .../BC-....

..., ngày... tháng...năm....

No: .../BC-....

..., month ... day ..... year ....

**BÁO CÁO**

**Về thay đổi sở hữu của cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ đóng**

**REPORT ON OWNERSHIP CHANGES OF MAJOR SHAREHOLDERS/INVESTORS HOLDING 5% OR  
MORE OF SHARES/CLOSE-ENDED FUND CERTIFICATES**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán;  
- Tên Ngân hàng/ Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

To: - The State Securities Commission;  
- The Stock Exchange;  
- Name of the public company/the securities investment fund  
management company,

**1. Thông tin về cá nhân/tổ chức đầu tư/Information on individual/investor**

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức đầu tư/Name of individual/orgamsation

- Quốc tịch/Nationality:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/Number of ID card/Passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (in case of an organisation), date of issue, place of issue:

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/Contact address/address of head office:

- Điện thoại: ..... Fax: ..... Email: ..... Website: .....

**2. Người có liên quan của cá nhân/tổ chức đầu tư (đang nắm giữ cùng loại cổ phiếu/chứng chỉ quỹ)/Affiliated person of individual/organisation (currently holding the same types of shares/fund certificates):**

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức có liên quan/Full name of affiliated individual/organisation:

- Quốc tịch/Nationality:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*Number of ID card/Passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (In case of an organisation), date of issue, place of issue:*
- Chức vụ hiện nay tại Ngân hàng/công ty quản lý quỹ (nếu có)/ *Current position in the public company/fund management company (if any):*
- Mọi quan hệ với cá nhân/tổ chức đầu tư/*Relationship with the individual/organization:*
- 3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/mã chứng khoán sở hữu/*Name of shares/fund certificates/ code of securities owned:*
- 4. Các tài khoản giao dịch có chứng khoán nêu tại mục 3/*Trading accounts with shares at above-mentioned 3 point: Tại công ty chứng khoán/in the securities company:*
- 5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates held before the transaction:*
- 6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đã mua/bán/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi (làm tỷ lệ sở hữu có thay đổi qua ngưỡng một phần trăm (1 %)/ *Number of shares/fund certificates bought/sold/transferred/received the transfer/swaped (making the ownership percentage change over the threshold of one percent (1%):*
- 7. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares/close-ended fund certificates held after the transaction:*
- 8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng mà người có liên quan đang nắm giữ/*Number and ownership percentage of shares/close-ended fund certificates currently held by the affiliated person:*
- 9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng cùng người có liên quan nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares/close-ended fund certificates held affiliated persons after the transaction:*
- 10. Lý do thay đổi sở hữu/*Reasons for ownership change:*
- 11. Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu/ *Trading day changes the ownership percentage:*
- 12. Các thay đổi quan trọng khác (nếu có)/*Other significant changes (if any):*

**Nơi nhận:**  
**Recipients:**

- ....;
- Lưu: VT, ...
- Archived: ....

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BẢO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY  
QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
REPORTING ORGANISATION/INDIVIDUAL/PERSONS  
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)  
(Signature, full name and seal - if any)

k  
CHẾ

PH  
Ngà

**BÁO CÁO VỀ SỞ HỮU CỦA NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÓ LIÊN QUAN LÀ CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG**

**REPORT ON OWNERSHIP OF GROUP OF AFFILIATED FOREIGN INVESTORS AS SHAREHOLDERS/INVESTORS HOLDING 5% OR MORE OF SHARES/CLOSE-ENDED FUND CERTIFICATES**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

*(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)*

**NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN  
NGOẠI THƯƠNG VIỆT NAM  
JSC BANK FOR FOREIGN TRADE OF  
VIETNAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM  
Independence - Freedom - Happiness**

Số: .../BC-....  
No: .../BC-....

..., ngày... tháng...năm....  
..., month ... day ..... year ....

**BÁO CÁO**

**Về sở hữu của nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan là cổ đông lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng**

**REPORT ON OWNERSHIP OF GROUP OF AFFILIATED FOREIGN INVESTORS AS SHAREHOLDERS/INVESTORS HOLDING 5% OR MORE OF SHARES/CLOSE-ENDED FUND CERTIFICATES**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán;  
- Tên Ngân hàng/Công ty quản lý các quỹ đóng.  
To: - The State Securities Commission;  
- The Stock Exchange;  
- Name of the public company/the close - ended fund management company.

1. Chúng tôi là: *(thông tin về tổ chức được chỉ định/cá nhân được ủy quyền thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu và công bố thông tin)/We are (information about the designated organisation /individual authorized to perform obligations of ownership reporting and information disclosure)*

Tên của tổ chức, họ và tên cá nhân/ <i>Name of individual/organisation</i>	Số Giấy NSH* <i>Owner's Certificate number *</i>	Địa chỉ trụ sở chính (địa chỉ liên lạc)/tel/fax/email/ <i>Address of Head office (Permanent address)/tel/fax/email</i>
1-Trường hợp tổ chức được chỉ định (Tên Công ty A/Quỹ A, họ và tên người đại diện theo pháp luật/đại diện có thẩm quyền, số giấy NSH, địa chỉ trụ sở chính)/ <i>In case of an designated organisation (Name of Company A/Fund A, full name of legal representative/authorized representative, Owner's Certificate number, head office address</i>		



a) Tên tổ chức/Name of organisation:		
b) Họ và tên người đại diện theo pháp luật/Danh sách các đại diện có thẩm quyền/Full name of legal representative /list of authorized individuals:		
2-Trường hợp cá nhân được ủy quyền (họ và tên, số giấy NSH, địa chỉ liên lạc)/In case of an authorized individual (Full name, Owner's Certificate Number, contact address)		

Ghi chú NSH\*: Đối với cá nhân: Hộ chiếu còn hiệu lực/chứng thực cá nhân hợp pháp khác; Đối với tổ chức: Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/tài liệu pháp lý tương đương.

Note: Owner's Certificate\*: For an individual: Valid passport/other legal personal identification; For an organisations: License of establishment and operation/business registration certificate /equivalent legal document.

2. Đại diện được chỉ định/ủy quyền thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu và công bố thông tin cho nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan/ The designated/authorized representative to carry out ownership reporting and information disclosure obligations to the group of following affiliated foreign investors:

STT/No	Tên nhà đầu tư nước ngoài có liên quan/Name of affiliated foreign investor	MSGD của nhà đầu tư/ Trading code of the investor	Tên đại diện giao dịch (nếu có)/Name of trading representative (if any)
1			
2			

3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng /mã chứng khoán sở hữu là đối tượng báo cáo/Name of shares/close-ended fund certificates/securities code owned as reporting object:

4. Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của cả nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư lớn/The trading day changes the ownership percentage of the group of affiliated foreign investors to become or be no longer major shareholders/investors:

5. Thông tin chi tiết về tình hình giao dịch chứng khoán của các thành viên dẫn tới cả nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư lớn/Details of the securities trading situation of members leading to the group of affiliated foreign investors becoming or being no longer major shareholders/investors

TT /No	Tên nhà đầu tư nước ngoài có liên quan thực hiện giao dịch/Name of affiliated foreign investors conducting the transaction	Tài khoản giao dịch chứng khoán/ Securities trading account	Tài khoản lưu ký chứng khoán/ Securities depository account No.	Trước giao dịch /Before trading		Sau giao dịch /After trading		Số lượng đã giao dịch (Mua/ bán) Number traded (Buy/ sell)
				Số lượng sở hữu/ Number of ownership	Tỷ lệ sở hữu/ Owners hippercentage	Số lượng sở hữu/ Number of ownership	Tỷ lệ sở hữu/ Owner ship percentage	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)= (6)-(4)

1								
2								
Tổng cả nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan/Total group of affiliated foreign investors								

Ghi chú/Notes:

- Báo cáo được thực hiện khi giao dịch của thành viên trong nhóm làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của cả nhóm trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư lớn/The report is made when the group member's transactions change the group's ownership percentage to become or to be no longer a major shareholder/investor;

- Báo cáo liệt kê chi tiết tình trạng sở hữu của tất cả các thành viên trong nhóm, kể cả các thành viên không thực hiện giao dịch/The report details the ownership situation of all group members, including non-trading members

- Tài khoản lưu ký chứng khoán: là tài khoản lưu ký của nhà đầu tư mở tại ngân hàng lưu ký (nếu có) hoặc là tài khoản giao dịch chứng khoán/Securities depository account is an investor's account opened at the custodian bank (if any) or a securities trading account

6. Ngày trở thành hoặc không còn là cổ đông lớn/nhà đầu tư lớn/ Date of becoming or being no longer major shareholder/investor:

Chúng tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên hoàn toàn đúng/We hereby certify that the above-mentioned information is completely true and correct.

Chữ ký xác nhận của tổ chức được chỉ định/cá nhân được ủy quyền báo cáo sở hữu/công bố thông tin/ Signature of designated organisation/individual authorized to report the ownership and disclose information

- Trường hợp là cá nhân/In case of an individual:

Họ và tên, chữ ký của cá nhân được ủy quyền/ Full name, signature of authorized individual: \_\_\_\_\_

- Trường hợp là tổ chức/In case of an organisation:

Tên tổ chức được chỉ định/Name of designated organisation: \_\_\_\_\_

Họ và Tên, chữ ký của các đại diện có thẩm quyền, và đóng dấu (nếu có con dấu) (Full name, signature of authorized representatives and seal - if any) \_\_\_\_\_

Chức danh/Title:

Ngày thực hiện/Reporting date

**BÁO CÁO THAY ĐỔI VỀ SỞ HỮU CỦA NHÓM NHÀ ĐẦU TƯ NƯỚC NGOÀI CÓ LIÊN QUAN LÀ CỔ ĐÔNG LỚN, NHÀ ĐẦU TƯ NẮM GIỮ TỪ 5% TRỞ LÊN CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ ĐÓNG**

**REPORT ON OWNERSHIP CHANGE OF GROUP OF AFFILIATED FOREIGN INVESTORS AS SHAREHOLDERS/INVESTORS HOLDING 5% OR MORE OF SHARES/CLOSE-ENDED FUND CERTIFICATES**

(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)

TÊN NGÂN HÀNG/CÁ NHÂN  
BANK'S NAME/NAME

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Số: .../BC-....

No: .../BC-....

..., ngày... tháng...năm....

..., month ... day ..... year ....

**BÁO CÁO**

Thay đổi về sở hữu của nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan là cổ động lớn, nhà đầu tư nắm giữ từ 5% trở lên cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ đóng

**REPORT ON OWNERSHIP CHANGE OF GROUP OF AFFILIATED FOREIGN INVESTORS AS SHAREHOLDERS/INVESTORS HOLDING 5% OR MORE OF SHARES/CLOSE ENDED FUND CERTIFICATES**

- Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch Chứng khoán;  
- Tên Ngân hàng/Công ty quản lý các quỹ đóng.
- To: - The State Securities Commission;  
- The Stock Exchange;  
- Name of the public company/the close - ended fund management company.

1. Chúng tôi là: (thông tin về tổ chức được chỉ định/cá nhân được ủy quyền thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu và công bố thông tin/We are: (information about the designated organisation/individual authorized to perform obligations of ownership reporting and information disclosure)

Tên của tổ chức, họ và tên cá nhân/Nam of individual/organisation	Số Giấy NSH* /Owner's Certificate number	Địa chỉ trụ sở chính (địa chỉ liên lạc)/tel/fax/email/Address of Head office (Permanent address) /tel/fax/email
1-Trường hợp tổ chức được chỉ định (Tên Công ty A/Quỹ A, họ và tên người đại diện theo pháp luật/đại diện có thẩm quyền, số giấy NSH, địa chỉ trụ sở chính)/In case of an designated organisation (Name of Company A/Fund A, full name of legal representative/authorized representative, Owner's Certificate number, head office address		
a) Tên tổ chức/Name of organisation:		

b) Họ và tên người đại diện theo pháp luật/Danh sách các đại diện có thẩm quyền/Full name of legal representative /list of authorized representatives:		
2-Trường hợp cá nhân được ủy quyền (họ và tên, số giấy NSH, địa chỉ liên lạc)/In case of an authorized individual (Full name, Owner's Certificate Number, permanent address):		

Ghi chú NSH\*: Đối với cá nhân: Hộ chiếu còn hiệu lực/chứng thực cá nhân hợp pháp khác; Đối với tổ chức: Giấy phép thành lập và hoạt động/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/tài liệu pháp lý tương đương.

Note: Owner's Certificate\*: For an individual: Valid passport/other legal personal identification; For an organisation: License of establishment and operation/business registration certificate/equivalent legal document.

2. Đại diện được chỉ định/ủy quyền thực hiện nghĩa vụ báo cáo sở hữu và công bố thông tin cho nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan/The designated/authorized representative to carry out ownership reporting and information disclosure obligations to the group of following affiliated foreign investors:

STT/No	Tên nhà đầu tư nước ngoài có liên quan/Name of affiliated foreign investor	MSGD của nhà đầu tư/Trading code of the investor	Tên đại diện giao dịch (nếu có)/Name of trading representative (if any)
1			
2			

3. Tên cổ phiếu/chứng chỉ quỹ đóng/mã chứng khoán sở hữu là đối tượng báo cáo/ Name of shares/close-ended fund certificates/securities code owned as reporting object:

4. Ngày giao dịch làm thay đổi tỷ lệ sở hữu của cả nhóm NĐTNN có liên quan vượt quá các ngưỡng một phần trăm (1%)/The trading day changes the ownership percentage of the group of affiliated foreign investors exceeding the thresholds of one percent (1%):

5. Thông tin chi tiết về tình hình giao dịch chứng khoán của các thành viên trong nhóm, dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cả nhóm NĐTNN có liên quan vượt quá các ngưỡng một phần trăm (1%)/Detailed information on the securities trading situation of the group members, leading to the ownership percentage of the group of affiliated foreign investors exceeding the threshold of one percent (1%)

TT /No	Tên nhà đầu tư nước ngoài có liên quan thực hiện giao dịch/Name of affiliated foreign investors conducting the transaction	Tài khoản giao dịch chứng khoán/Securities trading account	Tài khoản lưu ký chứng khoán/Securities depository account	Trước giao dịch/ Before trading		Sau giao dịch/ After trading		Số lượng đã giao dịch (Mua/bán) Number traded (Buy/sell)
				Số lượng sở hữu/ Number of ownership	Tỷ lệ sở hữu/ Owner ship percentage	Số lượng sở hữu/ Number of ownership	Tỷ lệ sở hữu/ Owner ship percentage	
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)= (6)-(4)
1								
2								
Tổng cả nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan/Total group of affiliated foreign investors								

Ghi chú/Notes:

- Báo cáo được thực hiện khi giao dịch của thành viên trong nhóm dẫn tới tỷ lệ sở hữu của cả nhóm vượt quá các ngưỡng một phần trăm (1 %); *The report is made when group members' transactions lead to the group's ownership percentage exceeding thresholds of one percent (1 %)*

- Báo cáo liệt kê chi tiết tình trạng sở hữu của tất cả các thành viên trong nhóm, kể cả các thành viên không thực hiện giao dịch/*The report details the ownership situation of all group members, including non-trading members*

- Tài khoản lưu ký chứng khoán: là tài khoản lưu ký của nhà đầu tư mở tại ngân hàng lưu ký (nếu có) hoặc là tài khoản giao dịch chứng khoán/*Securities depository account is an investor's account opened at the custodian bank (if any) or a securities trading account*

6. Ngày thay đổi tỷ lệ sở hữu của cả nhóm nhà đầu tư nước ngoài có liên quan vượt quá các ngưỡng một phần trăm (1%)/*Date of changing the ownership percentage of the group of affiliated foreign investors exceeding the thresholds of one percent (1%)*:

7. Các thay đổi quan trọng khác nếu có/*Other significant changes (if any)*: Chúng tôi xin cam đoan những thông tin nêu trên hoàn toàn đúng/*We hereby certify that the above-mentioned information is completely true and correct,*

Chữ ký xác nhận của tổ chức được chỉ định/cá nhân được ủy quyền báo cáo sở hữu/công bố thông tin/*Signature of designated organisation/individual authorized to report the ownership and disclose information*

- Trường hợp là cá nhân/*in case of an individual*:

Họ và tên, chữ ký của cá nhân được ủy quyền/*Full name, signature of authorized individual*: \_\_\_\_\_

- Trường hợp là tổ chức/*In case of an organisation*:

Tên Tổ chức được chỉ định/*We of designated organisation*: \_\_\_\_\_

Họ và Tên, chữ ký của các đại diện có thẩm quyền, và đóng dấu (nếu có con dấu)/*(Full name, signature of authorized representatives and seal - if any)*

Chức danh/*Title*:

Ngày thực hiện/*Reporting date*

etcomba

IG PHÁP

tháng \_\_\_\_\_ n

**THÔNG BÁO GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ/CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN CỦA NGƯỜI NỘI BỘ**

**NOTICE OF TRANSACTION IN SHARES/FUND CERTIFICATES/ COVERED WARRANTS OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED PERSONS OF INTERNAL PERSON**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

*(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)*

**TÊN NGÂN HÀNG/CÁ NHÂN**  
**BANK'S NAME/NAME**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom – Happiness**

Số: ..../BC-....

№: ..../BC-....

..., ngày... tháng... năm....

..., month ... day ..... year ....

**THÔNG BÁO**

**Giao dịch cổ phiếu/ chứng chỉ quỹ/ chứng quyền có bảo đảm của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ**

**NOTICE OF TRANSACTION IN SHARES/FUND CERTIFICATES/ COVERED WARRANTS OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED PERSONS OF INTERNAL PERSON**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán;  
- Tên Ngân hàng/Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

To: - The State Securities Commission;  
- The Stock Exchange;  
- Name of the public company/the securities investment fund management company.

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/*Information on individual/organisation conducting the transaction:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/*Name of individual/organisation:*

- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*Number of ID card/Passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (in case of an organisation), date of issue, place of issue:*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Contact address/address of head office:*

- Điện thoại/ *Telephone:* ..... Fax:..... Email:..... Website:.....

- Chức vụ hiện nay tại Ngân hàng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với Ngân hàng, công ty quản lý quỹ/*Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company:*

2. Thông tin về người nội bộ của Ngân hàng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của Ngân hàng/quỹ đại chúng)/*Information of internal person of the public company/public fund who is the affiliated person of individual/organisation*

executing the transaction (in case the person executing transaction is the affiliated person of internal person of the public company/public fund):

- Họ và tên người nội bộ/ *Name of internal person:*
- Quốc Nationality:
- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/ID card/Passport No.:
- Địa chỉ thường trú/Permanent address:
- Điện thoại liên hệ/Telephone: ..... Fax: ..... Email: .....
- Chức vụ hiện nay tại Ngân hàng, công ty quản lý quỹ/Current position in the public company, the fund management company:
- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/ Relationship of individual/organisation executing transaction with internal person:
- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants held by the internal person (if any):

3. Mã chứng khoán giao dịch/ Securities code:

Mã chứng khoán cơ sở (đối với chứng quyền có bảo đảm)/ Underlying securities code (for covered warrants):

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nêu tại mục 3 / Trading accounts having shares/fund certificates/covered warrants mentioned at item 3 above: ..... tại công ty chứng khoán/In the securities company: .....

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/ chứng quyền có bảo đảm nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants held before the transaction:

Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở (nêu tại mục 3) nắm giữ trước khi thực hiện chứng quyền có bảo đảm \*/Number, ownership percentage of underlying securities (which are mentioned at item 3) held before executing the covered warrants \*

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi/Number of shares/fund certificates/covered warrants registered to purchase/sale/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred/swap:

- Loại giao dịch đăng ký (mua/ bán/ cho/ được cho/ tặng/ được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi)/Type of transaction registered (to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred/swap:

- Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký giao dịch/ Number of shares/fund certificates/covered warrants registered for trading:

7. Giá trị giao dịch dự kiến (tính theo mệnh giá)/The expected value of transaction (which calculated based on par value).

Giá trị chứng quyền có bảo đảm (theo giá phát hành gần nhất) giao dịch dự kiến (đối với chứng quyền có bảo đảm)/ Value of covered warrants (at the latest issuing price) expected to be traded (for covered warrants):

8. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch/ Number and ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants expected to hold after the transaction:

9. Mục đích thực hiện giao dịch/Purpose of transaction:

10. Phương thức giao dịch/Method of transaction:

11. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch/Expected trading time: từ ngày/from.... đến ngày/ to ....

\* Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở nắm giữ tại ngày thông báo giao dịch/ Number, ownership percentage of underlying securities held at the day of the notice:

Nơi nhận:  
Recipients:  
- Lưu: VT..  
- Archived.

CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
REPORTING ORGANISATION/INDIVIDUAL/PERSONS  
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)  
(Signature, full name and seal - if any)

V  
100  
PHÒNG

Ngày

**THÔNG BÁO GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI, QUYỀN MUA CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ, QUYỀN MUA TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**  
**NOTICE OF TRANSACTION IN INCONVERTIBLE BONDS, RIGHTS TO BUY SHARES/FUND CERTIFICATES/CONVERTIBLE BONDS OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED PERSON OF INTERNAL PERSON**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

*(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)*

TÊN NGÂN HÀNG/CÁ NHÂN  
BANK'S NAME/NAME

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Số: .../BC-....

No: .../BC-....

..., ngày... tháng...năm....

..., month ... day ..... year ....

**THÔNG BÁO**

Giao dịch trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ, quyền mua trái phiếu chuyển đổi của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ

**NOTICE OF TRANSACTION IN CONVERTIBLE BONDS, RIGHTS TO BUY SHARES/FUND CERTIFICATES, CONVERTIBLE BONDS OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED PERSON OF INTERNAL PERSON**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán;  
- Tên Ngân hàng/Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.

To: - The State Securities Commission;  
- The Stock Exchange;  
- Name of the public company/the securities investment fund management company.

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/*Information on individual/organisation conducting the transaction:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/*Name of individual/organisation:*

- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp /*Number of ID card/passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (In case of an organisation), date of issue, place of issue*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Contact address/address of head office:*

- Điện thoại/*Telephone:* ..... Fax:..... Email: ..... Website:.....

- Chức vụ hiện nay tại Ngân hàng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với Ngân hàng, công ty quản lý quỹ/*Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company:*

2. Thông tin về người nội bộ của Ngân hàng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của Ngân hàng/quỹ đại chúng)/*Information of Internal person of the public company/public fund who is the affiliated person of individual/organisation executing the*



transaction (in case the person executing transaction is the affiliated person of Internal person of the public company/public fund):

- Họ và tên người nội bộ/Name of Internal person:
  - Quốc tịch/Nationality:
  - Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/ID card/Passport No.:
  - Địa chỉ thường trú/Permanent address:
  - Điện thoại liên hệ/Telephone: ..... Fax: ..... Email: .....
  - Chức vụ hiện nay tại Ngân hàng, công ty quản lý quỹ/Current position in the public company, the fund management company:
  - Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/ Relationship of individual/organization executing the transaction with the Internal person:
  - Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/Number, ownership percentage of shares/fund certificates held by the internal person (if any):
3. Mã chứng khoán giao dịch/Securities code:
4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nêu tại mục 3 / Trading accounts having shares/fund certificates mentioned at item 3 above:..... tại công ty chứng khoán/In the securities company: .....
5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch quyền mua, quyền chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/Number, ownership percentage of shares/fund certificates held before the transaction of executing rights of purchase or convert bonds into shares:
6. Số lượng quyền mua hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi hiện có/Number of rights or convertible bonds owned:
- Số lượng trái phiếu chuyển đổi hiện có (trong trường hợp giao dịch trái phiếu chuyển đổi hoặc quyền mua trái phiếu chuyển đổi)/Number of convertible bonds owned (in case of exercising trading of convertible bonds or rights to buy convertible bonds):
  - Số lượng quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi hiện có/Number of rights to purchase shares/fund certificates/convertible bonds owned currently:
7. Tỷ lệ thực hiện quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi)/Proportion of executing rights to purchase (in case of trading the purchase right) or proportion of converting bonds into shares (in case of convertible bond trading):
8. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/Number of rights to purchase (in case of trading purchase rights) or number of convertible bonds (in case of trading convertible bonds) registered to purchase/sell/present/be presented/ donate/be donated/inherit/transfer/be transferred:
- Loại giao dịch đăng ký (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng)/Type of transaction registered (to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred):
  - Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đăng ký giao dịch/ Number of rights to purchase (in case of trading purchase rights) or number of convertible bonds (in case of trading convertible bonds) registered for trading:
9. Giá trị chuyển nhượng dự kiến / Expected transferred value:
10. Tổng số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện quyền mua hoặc số lượng cổ phiếu dự kiến nắm giữ sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/Number of shares/fund certificates/ convertible bonds expected to hold after exercising the right to purchase or number of shares expected to hold after converting bonds into shares:
11. Phương thức giao dịch/Method of transaction:
12. Thời gian dự kiến thực hiện giao dịch/Expected trading time: từ ngày/from.... đến ngày/to....

Nơi nhận:  
Recipients:  
- Lưu: VT, ...  
- Archived: ...

CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
REPORTING ORGANISATION/INDIVIDUAL/PERSONS AUTHORIZED TO DISCLOSE  
INFORMATION  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)  
(Signature, full name and seal - if any)

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH CỔ PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ/CHỨNG QUYỀN CÓ BẢO ĐẢM CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ LIÊN QUAN**

**REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN SHARES/FUND CERTIFICATES/COVERED WARRANTS OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED PERSON**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)*

*(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)*

TÊN NGÂN HÀNG/CÁ NHÂN  
BANK'S NAME/NAME

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM

Independence - Freedom - Happiness

Số: ..../BC-....

No: ..../BC-....

..., ngày... tháng... năm....

..., month ... day ..... year ....

**BÁO CÁO**

**Kết quả giao dịch cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ**

**REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN SHARES/FUND CERTIFICATES/COVERED WARRANTS OF INTERNAL PERSON AND AFFILIATED PERSONS OF INTERNAL PERSON**

- Kính gửi:
- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
  - Sở Giao dịch chứng khoán;
  - Tên Ngân hàng/Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.
- To:
- The State Securities Commission;
  - The Stock Exchange;
  - Name of the public company/the securities investment fund management company.

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao *(Information on individual/organisation conducting the transaction:*

- Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/*Name of individual/organisation:*

- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*Number of ID card/passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (in case of an organisation), date of issue, place of issue:*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Contact address/address of head office:*

- Điện thoại/*Telephone:* ..... Fax: ..... Email: ..... Website: .....

- Chức vụ hiện nay tại Ngân hàng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với Ngân hàng, công ty quản lý quỹ/*Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company:*

- Chức vụ tại Ngân hàng, công ty quản lý quỹ tại ngày đăng ký giao dịch (nếu có/ *position at the public company, the fund management company on the registration date (if any):* ..... và ngày không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của Ngân hàng, công ty quản lý quỹ: ..... (nêu rõ lý do)/*and the date when he/she is no longer an internal person or affiliated person of internal person of the public company, the fund management company (specify the reason):*

\*: Mục này chỉ dành cho trường hợp sau khi đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của Ngân hàng, công ty quản lý quỹ/*This item is only for cases in which the person subject to registration, after the trading registration, is no longer the internal person or affiliated person of internal person of the public company, fund management company.*

2. Thông tin về người nội bộ của Ngân hàng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của Ngân hàng/quỹ đại chúng)/*Information on the internal person of the public company/public fund who is the affiliated person of individual/organisation conducting transaction (in case the person who conduct transaction is the affiliated person of internal person of the public company/public fund):*

- Họ và tên người nội bộ/*Name of internal person:*

- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/*ID card/Passport No.:*

- Địa chỉ thường trú/*Permanent address:*

- Điện thoại liên hệ/*Telephone:* ..... Fax: ..... Email: .....

- Chức vụ tại Ngân hàng, công ty quản lý quỹ tại ngày cá nhân/tổ chức nêu tại mục 1 đăng ký giao dịch/*Position in the public company, the fund management company on the date when the individual/organisation mentioned in item 1 registers for the transaction:*

- Chức vụ hiện nay tại Ngân hàng, công ty quản lý quỹ/*Current position in the public company, the fund management company:*

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/*Relationship of individual/organisation executing transaction with internal person:*

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants held by the internal person (if any):*

3. Mã chứng khoán giao dịch/*Securities code:*

Mã chứng khoán cơ sở (đối với chứng quyền có bảo đảm)/*Underlying securities code (in case of covered warrants):*

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nêu tại mục 3/*Trading accounts having shares/fund certificates/covered warrants as mentioned at item 3:* ..... tại công ty chứng khoán/*In securities company:*

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nắm giữ trước khi thực hiện giao dịch/*Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants held before the transaction:*

Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở (nêu tại mục 3) nắm giữ trước khi thực hiện chứng quyền có bảo đảm (đối với chứng quyền có bảo đảm)/*Number, ownership percentage of underlying securities (as mentioned at item 3) held before trading the covered warrants (in case of covered warrants):*

6. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng /*Number of shares/fund certificates/covered warrants registered to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred:*

- Loại giao dịch đăng ký (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/ chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng)/*Type of transaction registered (to purchase/sell/present/be presented /donate/be donated/inherit/transfer/be transferred):*

- Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đăng ký giao dịch/Number of shares/fund certificates/covered warrants registered for trading:

7. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đã giao dịch (mua /bán/ cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/hoán đổi)/Number of shares/fund certificates/covered warrants being traded (purchase/sell/present/be present/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred/swap).

- Loại giao dịch đã thực hiện (mua/ bán/ cho/ được cho/ tặng/ được tặng/ thừa kế/ chuyển nhượng/ nhận chuyển nhượng/ hoán đổi)/Type of transaction executed (to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred/swap):

- Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm đã giao dịch/ Number of shares/fund certificates/covered warrants traded:

8. Giá trị đã giao dịch (tính theo mệnh giá)/the value of executed transaction (calculated based on par value):

Giá trị chứng quyền có bảo đảm (theo giá phát hành gần nhất) đã giao dịch/ Value of covered warrants traded (at the latest issuing price):

9. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch của người thực hiện giao dịch/Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants after the transaction held by the person executing the transaction:

Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/chứng quyền có bảo đảm nắm giữ sau khi thực hiện giao dịch của người thực hiện giao dịch và người có liên quan/Number, ownership percentage of shares/fund certificates/covered warrants after the transaction of the executor and affiliated person:

10. Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện chứng quyền có bảo đảm \*/Number, ownership percentage of underlying securities held after trading the covered warrants \*:

11. Phương thức giao dịch/ Method of transaction:

12. Thời gian thực hiện giao dịch/ Trading time: từ ngày/from..... đến ngày/to.....

13. Lý do không hoàn tất giao dịch (trường hợp không thực hiện hết số lượng đăng ký)/The reason for not completing the transaction (in case all of the registered amount not being executed):

\*: Số lượng, tỷ lệ chứng khoán cơ sở nắm giữ tại ngày báo cáo kết quả giao dịch/Number, ownership percentage of underlying securities held on the day of reporting the transaction results:

Nơi nhận:  
Recipients:

- ....;
- Lưu: VT, ...
- Archived:...

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY  
QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
REPORTING ORGANISATION/INDIVIDUAL/PERSONS  
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)  
(Signature, full name and seal -if any)

Viet  
HÔNG  
gày...th

**BÁO CÁO KẾT QUẢ GIAO DỊCH TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI, QUYỀN MUA CỔ  
PHIẾU/CHỨNG CHỈ QUỸ/TRÁI PHIẾU CHUYỂN ĐỔI CỦA NGƯỜI NỘI BỘ VÀ NGƯỜI CÓ  
LIÊN QUAN**

**REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN CONVERTIBLE BONDS; RIGHTS TO BUY  
SHARES/FUND CERTIFICATES/CONVERTIBLE BONDS OF INTERNAL PERSON AND  
AFFILIATED PERSON OF INTERNAL PERSON**

*(Ban hành kèm theo Thông tư số 96/2020/TT-BTC ngày 16 tháng 11 năm 2020 của Bộ trưởng Bộ Tài chính)  
(Promulgated with the Circular No 96/2020/TT-BTC on November 16, 2020 of the Minister of Finance)*

**TÊN NGÂN HÀNG/CÁ NHÂN**  
**BANK'S NAME/NAME**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM**  
**Independence - Freedom – Happiness**

Số: .../BC-....  
No: ..../BC-....

..., ngày... tháng...năm....  
..., month ... day ..... year ....

**BÁO CÁO**

**Kết quả giao dịch trái phiếu chuyển đổi, quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi của  
người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ**

**REPORT ON RESULTS OF TRANSACTION IN CONVERTIBLE BONDS, RIGHTS TO  
BUYSHARES/FUND CERTIFICATES/CONVERTIBLE BONDS OF INTERNAL PERSON AND  
AFFILIATED PERSON OF INTERNAL PERSON**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;  
- Sở Giao dịch chứng khoán;  
- Tên Ngân hàng/Công ty quản lý quỹ đầu tư chứng khoán.  
To: - The State Securities Commission;  
- The Stock Exchange;  
- Name of the public company/the securities investment fund  
management company.

1. Thông tin về cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch/*Information on individual/organisation conducting the transaction:*

2. Họ và tên cá nhân/Tên tổ chức/*Name of individual/organisation:*

- Quốc tịch/*Nationality:*

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước (đối với cá nhân) hoặc số Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, Giấy phép hoạt động hoặc giấy tờ pháp lý tương đương (đối với tổ chức), ngày cấp, nơi cấp/*Number of ID card/Passport (in case of an individual) or number of Business Registration Certificate, Operation License or equivalent legal document (in case of an organisation), date of issue, place of Issue:*

- Địa chỉ liên hệ/Địa chỉ trụ sở chính/*Contact address/address of head office*

- Điện thoại/*Telephone:* .....*Fax:*.....*Email:*.....*Website:*.....

- Chức vụ hiện nay tại Ngân hàng, công ty quản lý quỹ (nếu có) hoặc mối quan hệ với Ngân hàng, công ty quản lý quỹ/*Current position in the public company, the fund management company (if any) or relationship with the public company, the fund management company:*

- Chức vụ tại Ngân hàng, công ty quản lý quỹ tại ngày đăng ký giao dịch (nếu có)/ *Position in the public company, the public fund management company on the date of trading registration (if any):* ..... và ngày không

còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của Ngân hàng, công ty quản lý quỹ: ..... (nếu rõ lý do) \*/and on the date when he/she is no longer an internal person or affiliated person of internal person of the public company, the public fund management company (specify the reason) \*:

(\*: Mục này chỉ dành cho trường hợp chưa hết thời hạn đăng ký giao dịch, đối tượng đăng ký không còn là người nội bộ hoặc người có liên quan của người nội bộ của Ngân hàng, công ty quản lý quỹ/quỹ đại chúng/This item is only for cases when the deadline of the trading registration is unexpired, the person subject to registration is no longer the internal person or affiliated person of internal person of the public company, the public fund management company/public fund).

2. Thông tin về người nội bộ của Ngân hàng/quỹ đại chúng là người có liên quan của cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch (đối với trường hợp người thực hiện giao dịch là người có liên quan của người nội bộ của Ngân hàng/quỹ đại chúng)/information on internal person of the public company/ public fund is the affiliated person of the individual/organisation executing the transaction (in case the trader is an affiliated person of internal person of the public company/public fund):

- Họ và tên người nội bộ/Name of internal person:

- Quốc tịch/Nationality:

- Số CMND, Hộ chiếu, Thẻ căn cước/ID card/Passport No.:

- Địa chỉ thường trú/Permanent address:

- Điện thoại liên hệ/Telephone:

Fax:

Email:

- Chức vụ tại Ngân hàng, công ty quản lý quỹ tại ngày cá nhân/tổ chức nêu tại mục 1 đăng ký giao dịch/Position in the public company, the fund management company on the date when individual/organisation mentioned in item 1 registers the transaction:...

- Chức vụ hiện nay tại Ngân hàng, công ty quản lý quỹ/Current position in the public company, the fund management company:

- Mối quan hệ giữa cá nhân/tổ chức thực hiện giao dịch với người nội bộ/ Relationship of individual/organisation executing transaction with internal person:

- Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ mà người nội bộ đang nắm giữ (nếu có)/Number, ownership percentage of shares/fund certificates held by the internal person (if any):

3. Mã chứng khoán giao dịch/Securities code:

4. Các tài khoản giao dịch có cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nêu tại mục 3/Trading accounts having shares/fund certificates mentioned at item 3: ..... tại công ty chứng khoán/in the securities company: .....

5. Số lượng, tỷ lệ cổ phiếu/chứng chỉ quỹ nắm giữ trước khi giao dịch trái phiếu chuyển đổi; quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ, quyền mua trái phiếu chuyển đổi /Number, ownership percentage of shares/fund certificates held before the trading of convertible bonds, rights to buy shares/fund certificates, rights to buy convertible bonds:

6. Số lượng trái phiếu chuyển đổi trước giao dịch (trong trường hợp giao dịch trái phiếu chuyển đổi hoặc quyền mua trái phiếu chuyển đổi/Number of convertible bonds before the transaction (in case of trading convertible bonds or rights to buy convertible bonds):

7. Số lượng quyền mua cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi trước giao dịch/ Number of rights to buy shares/ fund certificates/ convertible bonds before the transaction:

8. Tỷ lệ thực hiện quyền mua hoặc tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/Percentage of executing the rights to purchase or convert bonds into shares:

9. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đăng ký mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/Number of rights to buy (for the transaction of rights to buy) or number of convertible bonds (for the transaction of convertible bonds) registered to purchase/sell/present/be presented/ donate/be donated/inherit/transfer/be transferred:

- Loại giao dịch đăng ký thực hiện (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng)/ *Type of transaction registered (to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred):*

- Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đăng ký thực hiện/*Number of registered rights to buy (for the transaction of rights to buy) or number of convertible bonds for the transaction of convertible bonds):*

10. Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu) đã mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng/*Number of traded rights to buy for the transaction of rights to buy) or number of convertible bonds for the transaction of convertible bonds) to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred:*

- Loại giao dịch đã thực hiện (mua/bán/cho/được cho/tặng/được tặng/ thừa kế/chuyển nhượng/nhận chuyển nhượng)/*Type of transaction executed (to purchase/sell/present/be presented/donate/be donated/inherit/transfer/be transferred):*

- Số lượng quyền mua (đối với giao dịch quyền mua) hoặc số lượng trái phiếu chuyển đổi (đối với giao dịch trái phiếu chuyển đổi) đã thực hiện/ *Number of executed rights to buy for the transaction of rights to buy) or number of convertible bonds for the transaction of convertible bonds):*

11. Giá trị đã giao dịch (tính theo mệnh giá hoặc giá phát hành)/*The value of executed transaction (calculated based on par value or issuing price):*

12. Số lượng cổ phiếu/chứng chỉ quỹ/trái phiếu chuyển đổi dự kiến nắm giữ sau khi thực hiện quyền mua hoặc số lượng cổ phiếu dự kiến nắm giữ sau khi chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu/ *Number of shares/fund certificates convertible bonds expected to hold after exercising the right to buy or number of shares expected to hold after converting bonds into shares:*

13. Phương thức giao dịch/*Method of transaction:*

14. Thời gian thực hiện giao dịch/*Trading time: từ ngày/from ..... đến ngày/to.....*

15. Lý do không hoàn tất giao dịch (trường hợp không thực hiện hết số lượng đăng ký)/*The reason for not completing the transaction (in case all of the registered amount not being executed):*

Trường hợp báo cáo kết quả giao dịch chuyển nhượng quyền cần gửi kèm tài liệu xác nhận giá trị giao dịch chuyển nhượng quyền/*In case of reporting the result of right transfer, documents certifying the value of right transfer shall have to be attached.*

**Nơi nhận:**

**Recipients:**

- ...;
- Lưu: VT, ....
- Archived: ...

**CÁ NHÂN/TỔ CHỨC BÁO CÁO/ NGƯỜI ĐƯỢC ỦY  
QUYỀN CÔNG BỐ THÔNG TIN  
REPORTING ORGANISATION /INDIVIDUAL/PERSONS  
AUTHORIZED TO DISCLOSE INFORMATION**  
(Ký, ghi rõ họ tên, đóng dấu - nếu có)  
(Signature, full name and seal -if any)

